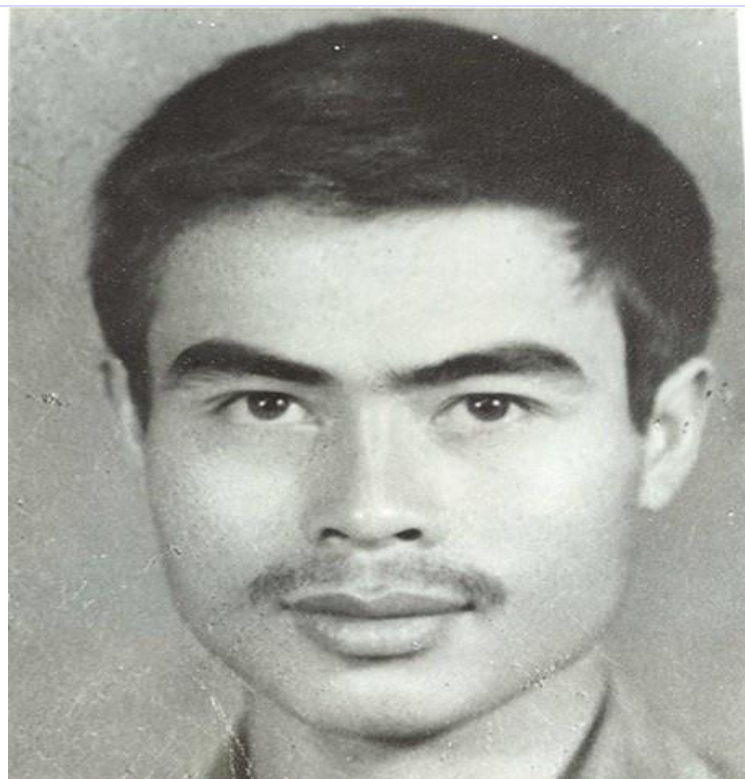


HỒI KÝ – VƯƠNG MỘNG LONG

VIÊN NGỌC NÁT, VƯƠNG MỘNG LONG (BĐQ)



VIÊN NGỌC NÁT
(HỒI KÝ- VƯƠNG MỘNG LONG- K20)



*“Người yêu nước có thể bị giết.
Nhưng tinh thần ái quốc của một dân tộc thì bất diệt.”
(Vương Mộng Long)*



Giữa năm 1978, toán bốn người cựu sĩ quan của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, tù cải tạo ở Trại 4, Xã Cẩm-Nhân, Yên-Bái, vượt ngục lần thứ nhì, nhưng bị thất bại. Đại Úy Lê Bá Tường chết trong rừng. Còn lại Thiếu Tá Đặng Quốc Trụ, Đại Úy Trần Văn Cả và tôi (Thiếu Tá Vương Mộng Long) bị bắt đưa về tạm giam ở Đoàn 776 Yên-Bái.

Ngày đầu, một vệ binh còn rất trẻ tên Lờĩ đã thẳng tay nện một báng súng A.K vào mặt tôi, một cái răng gãy. Tên vệ binh Cộng-Sản trẻ tuổi này đã nặng tay với tôi, vì hắn vừa tìm thấy trong ba-lô của tôi một bài thơ “phản động”. Chưa hả giận, hôm sau y trở lại. Tôi bị quật thêm một báng súng vào ngực, gãy một cái xương sườn.

Qua ngày thứ tư thì chúng tôi bị đưa xuống phà để về Trại 9 bên hồ Thác Bà, Xã Cẩm-Nhân, Yên-Bái.

Hai bạn đồng hành của tôi, Thiếu Tá Trụ và Đại Úy Cả bị nhốt trên nhà kho của trại. Tôi không rõ họ bị đối xử ra sao. Còn tôi là người cầm đầu cuộc vượt ngục này, nên bị tách riêng, giam trong nhà kỷ luật, sát với hàng rào khu cửa xẻ thợ mộc. Tôi bị cùm cả hai chân, còng cả hai tay.

Khi ấy đang mùa hè, trong hầm nóng nực, muỗi như trấu, bất kể đêm, ngày. Da mặt, da cổ, da tay chân của tôi trở nên sần sùi vì muỗi đốt.

Tôi được phát hai cái ống nứa lò ô dựng gài chân nằm. Một ống nứa để đại tiểu tiện, một để chứa nước uống. Tay bị còng, chân bị cùm, vấn đề đi đại, tiểu tiện quả là một cực hình. Nhưng vì bụng đói liên miên, nên vấn đề đại tiện cũng khó xảy ra thường xuyên.

Cũng do biên bản bàn giao lại từ Đoàn 776, nên từ hôm về Trại 9, ngày nào tôi cũng trải qua một trận đòn hội chợ, kéo dài trên, dưới hai tiếng đồng hồ. Tôi bị bắt đứng giữa phòng trực trại, bốn góc phòng là bốn vệ binh. Tôi bị đánh chuyền tay từ góc này sang góc khác, xoay tròn quanh phòng. Má bên trái vừa lãnh một cú đấm chưa kịp cảm thấy đau thì má bên phải đã lãnh cú đấm tiếp theo. Những đọt máu mũi phọt ra ộc ộc tràn trên má và trên ngực tôi chỉ làm cho những tên vệ binh trẻ tuổi hăng tiết thêm.

Trọng lượng thân tôi thời này còn chừng trên ba mươi ký lô là cùng. Những cú đấm móc tận lực làm cho tôi có cảm tưởng như là đang “bay” từ góc nhà này, sang góc nhà khác. Sau mỗi tiếng “hự!” máu tôi lại trào ra như xối. Không biết máu từ mồm tôi hay từ phổi tôi phun qua hai lỗ mũi thành vòi? Mặt tôi bầm tím sưng vù, đôi mắt híp lại, nhìn một vật hóa hai. Sau khi bị hàng chục cú đá cật lực vào bụng dưới, cút đái trong bụng tôi cứ tự do tuôn ra quần. Tôi cố nín, cũng không nín được.

Lãnh những trận đòn thù như thế này, tôi mới thấm ý câu hăm he của tên sĩ

quan an-ninh Trại 9, “chúng ông sẽ đánh cho mày té đái, vãi phân”.

Nhiều lần tôi bị đánh mưa mặt xanh, mặt vàng mà vẫn chưa được tha; đến lúc tôi mềm như sợi bún, vệ binh mới kéo tôi ra vớt ngoài cửa phòng trực. Có hôm cả giờ sau trực trại mới cho người kè tôi về nhà giam.

Chắc nhiều bạn tù thấy cảnh tôi nằm rũ như cái xác không hồn nơi góc sân phơi sán khô, nên một người được tha về Ban-Mê-Thuột đã đến nhà ông bà nhạc của tôi kể lại rằng tôi trốn trại và bị vệ binh đánh chết rồi!

Khi nhận tin này, ông anh vợ của tôi lo quá, vội đề nghị với bà mẹ vợ tôi, “Đừng nói cho con Loan hay tin chồng nó chết. Nghe tin này nó không sống nổi đâu! Nó mà chết thì đàn con nó sẽ bơ vơ...”

Những ngày không bị dẫn lên “khung” để lãnh đòn, tôi nằm chờ thời gian trôi qua.

Một tia nắng xuyên khe mái nứa, in một đốm sáng trên nền nhà. Nhìn vị trí đốm nắng di chuyển, tôi biết giờ giắc. Chấm nắng bắt đầu xuất hiện trên vách nhà hướng Tây vào lúc keng giải lao thứ nhất của trại (khoảng chín giờ sáng) rồi từ từ di chuyển dần về hướng đông. Khi tiếng keng báo giờ điểm danh chiều (khoảng năm giờ chiều) thì chấm nắng tới giữa vách hướng Đông, thế là hết một ngày!

Hàng ngày, tù nhân của nhà bếp đem cho tôi một bát sán khô nấu nhão nhoét. Anh ta phải để bát sán nơi cửa buồng giam; tiếp xúc với người đang bị cùm là điều cấm kỵ!

Khi người tù đưa cơm rời bước, đàn gà của trại vội tranh giành nhau những mẩu sán trong tô. Tới giữa trưa, tên bộ đội trực trại mới đến mở cửa hàm giam cho tôi ăn bữa cơm tù độc nhất trong ngày. Nhiều khi, tô sán tới tay, tôi chỉ thấy một mớ bầy hầy đất cát và vài cọng sán khô cỡ ngón tay. Tôi đói tới run chân, run tay, đói ngủ không được.

Hình như không có “chế độ” ẩm thực nào áp dụng cho những trường hợp tù cải tạo vượt trại. Có hôm tôi được một củ sán lớn cỡ cườm tay, dài một gang. Cũng có ngày tôi được hai củ khoai lang luộc nặng chừng nửa ký. Thường xuyên, thực đơn cho tù trốn trại là một tô cháo sán phơi khô rắc muối.

Từ lâu lắm rồi, không nghe ai nhắc tới hai chữ “nhân quyền”. Trong thời gian tôi bị cùm ở trại này thì, cứ cách hai hay ba tiếng đồng hồ, một tên bộ đội đi tuần tra lại ghé kiểm soát tình trạng khóa, chốt, còng, cùm một lần. Trong bóng tối, để chắc chắn rằng tôi còn sống, anh ta thường “tặng tay” khện cho tôi một cái bạt tai hay một báng súng để nghe tôi la lên oai oái vì đau.

Đêm nào nghe thấy tiếng chân nhiều người đi tuần, lòng tôi lại phập phồng,... biết đâu?... rất có thể, người ta sẽ ập vào, hè nhau đè tôi xuống, bịt miệng, khóa tay tôi, tròng một sợi dây thòng lọng vào cổ tôi, rồi lôi thân tôi lên xà nhà, như cách đây hai năm họ đã làm, để giết một anh tù vượt ngục bên

Trại 4. Những cái chết như thế sẽ được thông báo là “tù tỵ tử”, thật đơn giản.

Một ngày, khi vệt nắng vừa chấm chân vách tường hướng Tây, từ bên sân của đội cửa xẻ, sát hàng rào có tiếng người nhấc sang, tôi nhận được đó là tiếng thằng bạn thân Vũ Văn Bằng,

” Long ơi! Thợ mộc được lệnh đóng ba cái áo quan. Chắc tụi mày sẽ bị xử bắn. Trưa mai tao sẽ đem cơm cho mày. Mày có nhắn gì cho gia đình thì nói với tao, tao sẽ thư cho gia đình tao, rồi chuyển cho gia đình mày. Tao cứ tưởng tụi mày đã đi thoát, không ngờ...”

Rồi nó nắc lên, nghẹn ngào...

Thằng Bằng cũng là dân Bắc-Kỳ Di Cư như tôi. Chúng tôi thân thiết sáu năm cùng lớp Trung Học Trần Quý Cáp. Sau khi tốt nghiệp Tú Tài 1, nó tình nguyện đi Khóa 63 A Sĩ-Quan Không-Quân.

Thiếu Tá Vũ Văn Bằng là Trưởng Phòng Quân-Báo Sư Đoàn 6 Không-Quân. Mỗi lần từ tiền đồn về thăm Pleiku, tôi thường gặp nó.

Nằm trong cùm, nghe tiếng khóc của người bạn đồng môn, lòng tôi chạnh nhớ ngôi trường đã đào tạo tôi thành người.

Tiếng thầy hiệu trưởng Tăng Dục, ngày đầu Đệ Thất, còn đâu đây,

“Trường chúng ta được hân hạnh mang tên Trần Quý Cáp. Cụ Trần là một vị anh hùng ái quốc. Thầy mong muốn các em chăm chỉ học hành, để sau này thành đạt, ra giúp nước, làm rạng danh cho trường.”

Hôm ấy có một vị khách, vốn là một giáo viên, bạn của thầy hiệu trưởng, tới thăm và nói chuyện. Vị khách này là thân sinh ra anh Phạm Phú Nhuận, người ngồi bên cạnh tôi.

Ông khách mở đầu bài diễn văn bằng một câu mà tôi nhớ cả đời,

“Tụi mi nhớ đây! Thà làm một viên ngọc nát, chứ không làm một viên ngọc lành. Nếu tụi mi không chăm chỉ học hành thì suốt đời tụi mi chỉ là những cục cứt xái mà thôi!”

Sau đó ông già dài dòng kể về lý lịch và cuộc đời người anh hùng ái quốc Trần Quý Cáp, qua đấy, chúng tôi biết cụ Trần vì yêu quê hương, yêu đồng bào, nên đã bị cầm tù, bị đưa lên đoạn đầu đài.

Tôi lớn lên, tự hào và hãnh diện là một đứa con của cụ Trần. Tôi cứ nhớ mãi hai danh từ “viên ngọc nát” và “cục cứt xái” mà ông bố anh bạn học của tôi đã đem ra ví von trong câu truyện khuyên nhủ tụi nhỏ.

Tháng Năm năm 1908 cụ Trần Quý Cáp đã bị đưa ra pháp trường, xử trảm ngang lưng. Ngày đó khóc bạn, cụ Phan Bội Châu đã viết,

*“Ngọc toái bất ngọa toàn, tam tỵ ngục hàn, sơn hải khắp
Hồng khinh nhi thái trọng, thiên thu luận định, nhật tinh huyền.” (Phan Bội Châu)*

Dịch:

*Ngọc nát vẫn hơn ngói lành, nhà tù ba chữ, núi biển khóc
Thái Sơn nặng, lông hồng nhẹ, bàn luận nghìn năm, còn thấy sao trời sáng.*

Bảy chục năm sau, tháng Năm năm 1978, một người vì yêu đất nước, yêu đồng bào cũng đang nằm chờ giờ ra pháp trường.

Hai người, tôi và cụ Trần Quý Cáp, tuy sinh ra không cùng thế kỷ, nhưng đã phạm cùng một tội: *“Tội mất nước” (Phan Bội Châu)*

Thế mới biết, những người yêu nước có thể bị giết, nhưng tinh thần ái quốc của một dân tộc thì bất diệt.

Trưa nay nghe tiếng khóc của thằng bạn, tôi thờ dãi,

“Thôi thế cũng là xong! Cứ coi như một lần ra trận...”

Mười hai năm lừa đạn, vào sinh ra tử, tôi đã không ngừng cố gắng để hoàn thành phần nào ước vọng của thầy tôi ngày đầu Đệ Thất. Là đệ tử của cụ Trần Quý Cáp, tôi đã noi gương cụ, cống hiến trọn đời tôi cho tổ quốc.

Tiếc thay, đất nước tôi đã tới thời mặt trận, nên tôi đành chấp nhận những tai ương giáng xuống số phận mình.

Đêm hôm đó tôi thức trắng. Tôi nằm im, nhắm đôi mắt lại, mừng tượng ra trong trí, từng khuôn mặt của những người thân. Trước hình ảnh mỗi người, tôi lẩm nhẩm nhắn nhủ lời vĩnh biệt. Lần lượt, tôi chia tay với mẹ tôi, rồi tới vợ tôi, cùng ba đứa con gái.

Đến lúc phải tưởng tượng ra khuôn mặt thằng con út thì óc tôi quay mòng mòng. Tôi không làm sao vẽ ra trong trí khuôn mặt của thằng con. Nó sinh ra ba tháng sau ngày Miền Nam sụp đổ, lúc đó tôi đã ở trong tù rồi.

Trưa hôm sau thằng Bằng năn nỉ anh bạn tù trưởng bếp để nó thay anh ta đem phần ăn một ngày sắn khô cho tôi. Nó đứng ngoài cửa buồng giam, miệng cười hô hố,

– Long ơi! Chiều hôm qua, sau khi đóng xong ba cái áo quan, về lán tao không ngủ được. Tao buồn, tao thương mày, tao khóc suốt đêm. Sáng nay tao mới biết, Trại 7 có năm thằng chết đuối vì bị chìm mảng khi đi chạt nứa. Nhưng Trại 7 chỉ có hai cái áo quan, nên tụi tao phải đóng thêm ba cái nữa. Thế mà tao cứ ngỡ là áo quan để dành cho ba đứa tụi mày...

Thằng Bằng chưa dứt lời đã có tiếng vệ binh quát tháo,

– Anh kia! Đem cơm cho “phạm” xong là phải đi ngay. Lớng ở đây tôi cho một báng súng bây giờ.

Lúc đó vệt nắng nằm ngay giữa nền nhà, đúng Ngọ! Anh bạn Thiếu Tá Vũ Văn Bằng vừa báo cho tôi một tin vui. Như vậy là, ít nhất tôi cũng còn sống thêm một, vài ngày nữa!

Nhưng vừa cảm thấy vui đó, lòng tôi lại chùng xuống ngay. Bởi vì, suy nghĩ lại, thì đó cũng là một tin rất buồn, vì tôi vừa mất năm đồng đội. Mai đây, ở một nơi xa xôi nào đó, trong Nam, sẽ có năm gia đình đau khổ vô cùng khi được

báo tin này.

Chuyện ra pháp trường của tôi đã không xảy ra. Hôm sau chúng tôi bị chuyển trại. Ba người bị trói quặt hai tay ra đằng sau. Thêm vào đó là một sợi thừng được buộc vào cánh tay phải của tôi, luồn qua lưng anh Trụ, tới cánh tay trái của anh Cả. Đi hướng nào, chúng tôi cũng bị dính chùm.

Hai khẩu A.K kèm chúng tôi rời Trại 9 vào giờ tù tập hợp đi lao động. Những khuôn mặt hốc hác vì đói khát của đồng đội đang hướng về phía chúng tôi. Có đôi bàn tay gầy guộc đưa lên má vội vàng quẹt nước mắt.

Chúng tôi bị dẫn đi một vòng quanh chợ Cẩm-Nhân để cho dân địa phương coi mặt. Cũng may, lần này dân chúng chỉ đứng nhìn theo ba người tù bị trói một cách tò mò, không có ai chạy theo ném đá hay đá đảo, sỉ nhục chúng tôi như thời 1976.

Năm 1976, sau khi bị bắt vì tội vượt ngục lần đầu từ Trại 3, tôi và Thiếu Tá Đặng Quốc Trụ đã bị trói ngoặt cánh khuỷu, rồi bị dẫn riệu qua đây để dân địa phương bày tỏ lòng căm thù “Ngụy Quân ác ôn”. Chúng tôi bị ném đá sừng đầu, sừng cổ.

Cùng thời gian đó, toán bị bắt bên kia sông Hồng, về qua đây cũng bị dân đánh đập tơi bời, Thiếu Tá Hồ Văn Hòa gãy xương sườn, Thiếu Tá Nguyễn Văn Nghiêm sừng vù hai má, Thiếu Tá Trần Tấn Hòa đập mũi.

Riêng toán đi từ Trại 4 là bị “chiếu cố” kỹ càng nhất: Đại Úy Nguyễn Tấn Á bị đánh bằng đòn gánh, xệ vai trái, Thiếu Tá Chu Trí Lệ bị quặt lợi cẳng chân, Thiếu Tá Nguyễn Hữu Đông bị đấm lòi mắt. Không những thế, ba anh này còn bị nhốt trong chuồng trâu, bị dân quân nắm tóc, dúi mặt vào hổ phân trâu bò nhiều đợt, xém chết ngột.

Trong hai năm bị giam giữ ở đây, chúng tôi có nhiều dịp đi lao động “vận công” với các hợp tác xã nông nghiệp của dân địa phương. Qua những lần tiếp xúc ấy, người dân có lẽ đã nhận ra rằng, những sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa không phải là những kẻ “ác ôn” như họ từng nghe chế độ Bắc-Việt tuyên truyền. Dần dà, dân chúng nơi này đã nhìn chúng tôi với đôi mắt khác xưa. Càng ngày, dân trong vùng càng tỏ ra thân thiện với chúng tôi hơn.

Rời chợ Cẩm-Nhân, vệ binh dẫn chúng tôi nhắm hướng Lũng Ngàn: thế là chúng tôi về lại Trại 4!

Tháng Tám năm 1976 tôi đã bị cùm ở buồng giam Trại 4 hơn ba tháng trời. Rồi cũng từ nơi này, đầu năm 1978, tôi lại xuất phát cuộc vượt ngục lần thứ hai.

Nay bị đưa trở lại nơi đây để chấp cung thì quả là điều đáng sợ đối với tôi.

Cũng như ở bên Trại 9, hai bạn tôi bị nhốt trên ban chỉ huy. Còn tôi bị cùm riêng trong nhà kỷ luật nơi góc trái cổng trại, sát hàng rào, bên bờ suối.

Vừa đặt chân vào phòng giam, tôi đã nhìn thấy một cái cùm mới cáo cạnh.

Cái cùm chân này tinh vi và chắc chắn hơn cái cũ nhiều.

Trước đây, năm 1976, chân người bị cùm có thể duỗi dài thoải mái, hai chân sát đất trong buồng giam.

Lần này cùm làm bằng hai tấm ván ghép, mỗi tấm được khoét hai nửa vòng tròn vừa cỡ chân. Sau khi gác hai cỡ chân tù nhân lên hai hình bán nguyệt của tấm ván dưới, cai tù sẽ kéo sập tấm ván trên xuống và khóa chốt. Thế là, tù nhân chỉ còn cách nằm ngửa, vắt hai chân lên cao 45 độ. Chân người bị phạt sẽ lòi ra ngoài ô cửa sổ đầu hồi. Lính canh không phải đi tới cửa buồng giam, mà chỉ cần bước qua cổng chính là đã nhìn thấy đôi chân người có tội rồi.

Sau này tôi mới biết, cái cùm đó được hoàn thành chỉ vài ngày trước khi chúng tôi bị giải về đây. Người vẽ kiểu cùm là viên Thượng Úy Việt-Cộng tên Xuyên, Chính Trị Viên của Trại 4. Người tù thợ mộc được giao nhiệm vụ đóng cái cùm lại là một cựu Hải Quân Thiếu Tá VNCH, bạn cùng lớp Trần Quý Cáp của tôi.

Còng tay là một cặp khoen sắt rèn số 8 vừa sát với cổ tay. Khóa của nó là loại khóa cửa, lớn bằng bàn tay, nặng chừng một ký lô. Cái khóa này dè trên ngược làm cho tù nhân khó thở vô cùng.

Ngay buổi chiều đầu tiên, tôi đã bị tên vệ binh Lê Văn Tường tới “hỏi thăm sức khỏe”.

Vệ binh Lê Văn Tường và vệ binh Hồ Ngọc Thắng, biệt danh “Thắng Bo” là hai hung thần của Trại 4. Thấy bóng dáng hai tên này từ đằng xa, anh em bạn tù đã run ròi.

Tên Tường ló đầu bên cửa sổ đầu hồi, đôi mắt chớp chớp, miệng cười cười,

– Anh Long ơi! Mạnh khỏe chứ?

– Thừa anh bộ đội, tôi vẫn khỏe.

– Người ta đồn, nửa đường, máy bay lên thẳng của Mỹ đến đón, nhưng các anh thích đi bộ cho khỏe chân, nên mới bị bắt lại, có đúng không?

– Tôi không biết chuyện này anh bộ đội ạ!

– Mình “nhớ” anh muốn chết! Anh có “nhớ” mình không?

Tôi lặng thinh.

– Anh đi vắng mấy ngày? Anh nhỉ?

– Tôi trốn sáu mươi bốn ngày.

Tên bộ đội gỡ cái băng đạn A.K ra khỏi súng, nhào người qua cửa sổ,

– Sáu mươi tư ngày! Kỳ lục đấy!

Hắn dơ cao cái băng chứa đầy đạn A.K gõ xuống hai chân đang bị cùm của tôi, rồi lớn tiếng dõng dạc đếm,

– Một!...Hai! ...Ba!... Bốn!...

Sống của cái băng đạn giáng trên xương ống quyển làm cho tôi thót tim. Tôi la lên,

“Ói!... Ói!...Ói! ...”

Thấy tôi đau lúu lưỡi, Tường cười khoái trá. Nó cười bằng miệng, và cười cả bằng đôi mắt,

– Anh Long đi vắng sáu mươi tư ngày. Tôi khổ vì anh sáu mươi tư ngày. Tôi sẽ gõ chân anh sáu mươi tư lần để anh nhớ! Mười hai! Mười ba! Mười...

Tôi đau đến chày nước mắt, đau nháy nhồm, đau quần quại, giầy đàn đạch. Vệ binh Lê Văn Tường vẫn tỉnh bơ, mặt không đổi sắc, tay nó dơ lên, giáng xuống, đều đều...

Ông chân tôi sưng lên, rồi tóe máu. Mắt tôi bắt đầu hoa, tai tôi ù như sắp điếc đặc.

Đau quá, tôi điên tiết, ngồi bật dậy. Tôi dơ hai tay có cái còng lên cao, nện một phát thẳng cánh, trúng cổ tay thẳng mất dạy.

Bất ngờ bị một cú đau điếng, nó buông rơi băng đạn. Mặt nó đổi sắc thành màu tím. Nó nghiêng răng, rít lên,

– Tiên sư cha nhà mày! Ông cho mày biết tay. Từ nay mày chỉ còn nước bò thôi, hết đi được nữa rồi! Con ơi!...

Nó cúi xuống rút con dao găm đeo trên dây lưng. Một tay nó cầm bàn chân phải của tôi, tay kia dí mũi dao vào nhượng chân. Chỉ một giây đồng hồ nữa là gân nhượng chân tôi bị cắt! Tôi sẽ thành phế nhân!

– Ngừng tay ngay!

Tiếng quát của ai đó làm cho tên khát máu chùn tay, mũi nhọn của con dao găm vừa chạm lớp da khuỷu chân tôi thì ngừng lại.

Người vừa quát là cán bộ Vấn.

– Đồng chí có nhiệm vụ gì ở đây? Sao lại định cắt gân chân người ta?

– Thủ trưởng ơi! Thằng này hỗn láo quá! Nó chửi tôi. Tôi phải dạy nó một bài học.

Cán bộ Vấn nghiêm giọng,

– Chuyện gì cũng phải báo cáo với cấp trên. Đồng chí không được tự tiện.

Hung thần họ Lê đi vòng sang cửa chính, khom mình lượm cái băng đạn. Nó lườm lườm nhìn tôi với đôi mắt căm hờn,

– Tiên sư cha mày! Số mày còn may lắm đấy!

Tôi cũng nghiêng răng, trợn mắt, nhìn ngay mặt nó,

– Tổ mẹ mày! Đồ con chó!

Cán bộ Vấn ra lệnh,

– Đồng chí Tường ra khỏi đây ngay! Từ nay, nếu không phải phiên trực, tôi cấm đồng chí léo hánh tới đây.

Chờ cho tên Tường qua khỏi cổng, cán bộ Vấn mới bước tới sát cửa phòng giam, nhỏ giọng nói với tôi,

– Chuyện đâu còn có đó. Anh Long yên chí nằm nghỉ đi, đừng lo nghĩ gì cả.

Viên Trung Úy Cộng-Sản tên Bùi Văn Vần này là dân Hải-Dương. Anh ta làm quản giáo ở đây từ ngày mới lập trại.

—o—

Đêm tháng Năm, muỗi vo ve...

Ngoài rào có tiếng chân người lội lồm bồm dưới nước; chắc đó là ông già Khê người dân tộc Tày? Đêm nào già Khê cũng đi cắm cần câu cá dọc theo con suối.

Nhà của già Khê nằm sát rào Trại 4. Trước khi trốn trại, mỗi lần tôi đi ngang qua rào, ông cụ tốt bụng này thường dúm cho tôi một gói ớt hiểm, kèm với lời dặn dò,

“Ở nơi thâm sơn cùng cốc này, nhớ mỗi ngày làm một quả ớt hiểm để chống sốt rét, ngã nước!”

Có ánh đèn pin loang loáng, rồi tôi nghe già Khê lớn tiếng hỏi người nào đó,
– Làm gì mà ngồi đây thế? Thấy hết hồn... tưởng ma!

Người kia trả lời,

– Suyt! ... Suyt!... Cháu... ngồi ...chơi...

Tiếng người này nhỏ nhí, nhưng tôi vẫn nghe được đó là tiếng vệ binh Đèo Văn Thắng. Trại 4 có hai vệ binh tên là Thắng. Đèo Văn Thắng người Cao-Bằng, hiền như bụt nên chúng tôi gọi là “Thắng Phật”. Tính nết “Thắng Phật” trái ngược hẳn với “Thắng Bo” Hồ Ngọc Thắng người Bắc-Thái rất độc ác dữ dằn. Gặp điều không vừa ý, “Thắng Bo” đánh tù không nương tay. Chữ “Bo” là từ chữ “Porteur” tiếng Pháp, có nghĩa là “phu khuân vác”. Biệt danh của hai vệ binh tên Thắng đều do anh em tù Trại 4 đặt ra, và truyền miệng với nhau.

Già Khê lại lớn tiếng thắc mắc,

– Ngồi chơi mà chong súng như canh kẻ trộm? Có báo động hử?

– Không...không...cháu ngồi chơi mà...

– Ủ! thôi nhá! Có rảnh vào nhà rít điếu thuốc Lào rồi hãy về...

– Vâng...vâng...

Sau đó tôi nghe mấy tiếng “Thịch! Thịch! Thịch!...” trên nền đất, có lẽ già Khê đang dậm dậm gót chân vào cái cho ráo nước?

Rồi tiếng chân bước xa dần, đêm trở lại với mớ âm thanh hỗn độn của ếch nhái, côn trùng...

Tôi đang thiu thiu sắp ngủ thì có bóng người bước vào. Người đó vỗ nhẹ bên hông tôi,

– Dậy! Dậy mau! Ban chỉ huy trại thấy anh tiến bộ nên xét tha cho anh về lán đấy!

Tên vệ binh cúi xuống lấy chìa khóa mở còng tay cho tôi, rồi y đi vòng ra ngoài đầu hồi tháo chốt cái cùm chân.

Bất ngờ nghe lệnh được tha về đội lao động, tôi vừa ngạc nhiên, vừa mừng

rõ.

Tôi chưa đứng vững, tên bộ đội đã thúc giục,

– Đi mau! Anh lên “khung” gấp trực trại, ký giấy tha rồi về lán cho sớm!

Tôi thấy ngoài trời tối đen như mực, nên chùn bước,

– Tối thế này làm sao thấy đường mà đi? Mọi đêm, các anh dẫn tôi đi đâu cũng có cái đèn bão mà?

– Hôm nay chỉ lên ký cái giấy thôi, cần gì đèn với đóm?

Linh tính báo cho tôi biết, hình như có điều gì không ổn, nên tôi vội ngồi bệt xuống bực cửa,

– Tôi không đi đâu! Muốn tôi đi, phải có đèn, đi không đèn thì vệ binh gác trên chòi sẽ bắn tôi chết!

Tên bộ đội thấy tôi ngồi ì ra trước thềm, bèn rút túi, lấy ra một khúc nến. Y bật quẹt đốt nến lên, trao cho tôi,

– Đây! Đèn đây, anh cầm lấy rồi đứng lên đi đi!

Tôi ù lì,

– Nếu anh đưa cái đèn bão, tôi sẽ cầm đi ngay. Cây nến này ra gió là tắt liền, tôi không đi đâu!

Tức quá, nó quát âm lên,

– A! Cứng đầu hả? Anh không đi, tôi điệu anh đi!

“Huych! Huych!”

Bị hai cái báng súng đánh vào vai, đau lắm, nhưng vẫn không nao núng, tôi cứ ngồi ôm chặt cây cột cửa không chịu buông.

Sau cùng, thằng vệ binh đành quàng khẩu súng ngang vai để hai tay nó được tự do nắm cổ áo tôi, lôi ra cửa. Biết mình không đủ sức vật nhau để cướp súng, tôi đành ôm cánh tay kẻ thù, nhe răng cắn tới tấp. Đau quá, nó đành buông tôi ra. Tay xoa chỗ bị cắn, miệng nó chửi,

– Đồ chó cắn càn!

Tôi la lên,

– Anh muốn bắn tôi phải không? Bắn thì bắn bây giờ đi! Tôi không ngu mà bước ra cổng cho anh bắn đâu! Tôi biết tòng... tòng... tòng... âm mưu của anh rồi!

Hình như câu nói đó làm cho tên vệ binh chàm nọc, nó áp úng,

– Ấy! Ấy! Tôi không bắn anh đâu! Mà sao anh biết? Ờ ...ờ ...ờ...

Bộ dạng bối rối của thằng cai tù kèm với câu “Mà sao anh biết?...” khiến tôi suy ra ngay,

“Đúng rồi! Tụi nó gài cho mình không đèn đóm đi ra cổng để giết mình! Mấy thằng bộ đội chong súng ngoài kia đang ngồi phục kích chờ bắn mình chứ đâu phải ngồi chơi?”

Thấy chết đến nơi, tôi đánh nước liều, chồm về hướng các lán tù, tôi gào

lên,

– Anh em ơi! Người ta giết tôi! Anh em ơi! Chúng nó bắt tôi đi ra khỏi rào để bắn tôi! Anh em ơi! Cứu tôi với!

Ngay từ lúc đôi bên giằng co, đã có vài người tù ở Lán 1 và Lán 5 ló đầu ra theo dõi. Nghe tiếng tôi kêu cứu, họ cũng hét ầm lên,

– Không được giết người! Không được giết người!

– Chúng nó giết tù! Anh em ơi! Chúng nó giết tù! Anh em ơi!

Tiếng la lớn nhất tôi nghe được, rõ ràng là tiếng của Đại Úy Phạm Xuân Độ. Gặp cảnh bất ngờ, tên bộ đội đứng ngăn người, không biết xử trí ra sao.

Bỗng có ba tiếng súng chỉ thiên phát ra từ chòi gác ngoài cổng trại. Rồi một tốp bộ đội ô-m A.K chạy tóa vào sân. Tên trưởng toán vệ binh hét lớn,

– Tù làm loạn hả? Vào lán! Đóng cửa lại! Đứa nào ló ngó ngoài hiên chúng ông bắn bỏ mẹ! Nghe chưa?

Có tiếng lên đạn, “Cà rách!... Cà rách!...”

Tôi bị tổng năm, sáu báng súng vào ngực, vào lưng, rồi bị đẩy vào nhà kỹ luật trở lại. Hai phút sau, còng, cùm khóa xong. Vệ binh tản mát dần. Cảnh vật lại yên tĩnh như không có gì xảy ra.

Trại tù đèn tắt tối thui, nhưng tôi yên tâm nhắm mắt ngủ, vì tôi tin tưởng rằng qua khe vách liếp của các lán tù, thế nào cũng có vài đôi mắt đang theo dõi sự an nguy của tôi.

Sáng hôm sau, trước khi nghe tiếng kèn xuất trại lao động, có bốn, năm người bị gọi lên trình diện cán bộ an ninh của trại, trong số này có anh Phạm Xuân Độ. Đại Úy Biệt Động Quân Phạm Xuân Độ là một người đàn em trong đơn vị tôi. Tôi và Độ thân nhau như anh em ruột.

Khi đi ngang qua nhà giam, Độ lớn tiếng, cốt cho tôi nghe,

“Thái Sơn ơi! Đàn em không bỏ đại ca đâu! Đại ca ơi!”

Tôi ngồi nhìn theo bóng chú Độ, lòng bồn chồn, thấp thỏm không yên.

Chừng một tiếng đồng hồ sau, nhóm tù dính líu tới vụ lộn xộn đêm qua được thả về. Ngang qua chỗ tôi ngồi, Độ lại phát thanh bỗng,

“Thái Sơn ơi! Chỉ có một tờ kiểm điểm, không nhằm nhò gì.”

Nghe vậy, tôi mới thấy lòng nhẹ nhõm, hết lo âu.

Mấy cái báng súng đêm trước đã khơi động những chấn thương cũ trong thân thể tôi. Tôi chợt thấy ngực mình đau nhói một cách kỳ lạ.

“Bực!...Bực!...Ừc!...Ừc!...”

Ruột gan tôi như đang lộn lạo, sôi sùng sục. Có một vật gì tròn tròn, mềm mềm như cái bong bóng đang tìm đường chui qua cổ họng tôi để thoát ra ngoài.

“Ôc!...Ôc! Phè!...Phè!...” Máu từ ngực tôi vọt qua hai hàm răng, văng tung tóe trên đui và trên nền ván gỗ.

Tôi ói máu liên tục. Lúc này, trước mắt tôi chỉ còn những đốm sao chớp chớp, lập lờ. Rồi tất cả tối sầm lại, đen đặc. Tôi gục đầu hôn mê trên chiếc còng tay...

“Lai tinh đi Long! Long ơi!... Lai tinh đi Long!...”

Tôi mở mắt ra, thấy mình đang nằm thoải mái trên nền đất nhày nhựa, hôi tanh, tay không còng, chân không cùm. Ông thầy thuốc Nam của trại một tay bóp miệng cho tôi thở, tay kia không ngừng giựt giựt mớ tóc mai bên thái dương tôi.

Cán bộ Nghiễm trực trại, đang đứng trước cửa theo dõi. Thấy tôi mở mắt tỉnh lại, y buột miệng,

– Tường đi luôn rồi chứ!

Sau đó y ra lệnh cho tên lính gác,

– Dẫn nó ra suối!

Thế rồi, sau nhiều ngày ủ mình trong bộ quần áo kaki đầy máu me, cứt đái hôi thối, tôi được đi tắm. Sức yếu, hai chân lại đau, tôi đi không nổi, đành phải bò. Tới cổng, tôi níu vào hàng rào đứng lên, cố gắng lần mò từng bước. Có hai anh bạn đánh liều chạy tới đỡ, dìu tôi đi. Thấy thế, vệ binh cũng làm ngơ.

Trong lúc tôi đi vắng, một anh bạn tù bị bắt làm công tác vệ sinh nhà giam với một thúng tro.

Tới suối, tôi tụt hết quần áo, lết nhanh xuống dòng nước mát. Hai tên lính canh đã ghìm súng ngòi sẵn trên bờ. Cán bộ Nghiễm ra điều kiện,

– Anh Long có mười phút tắm gội. Cấm không được lặn!

Tôi bỏ ngoài tai lời đe dọa, cứ gục đầu xuống uống đầy một bụng nước, rồi lặn ngụp, vò đầu vò tai. Những con cá lòng tong bu vào gặm nhấm lớp da phủ vảy máu mủ chưa khô trên ống quyển. Lúc đầu, răng cá làm cho những vết thương chân của tôi thật là đã ngứa. Sau đó máu tươm ra, tôi bắt đầu cảm thấy xót, thấy đau.

Buổi chiều, trực trại sai hai bạn tù kẻ nách đưa tôi lên phòng làm việc. Tôi phải viết hai tờ tự kiểm, phải thành tâm hối hận về hành động trốn trại vừa qua để xin ban chỉ huy trại khoan hồng.

Tôi nại có hai tay bị cùm, bị đánh, đã tê dại, không cầm bút được. Thế là một anh bạn gốc Không Quân đang ngồi tia bấp trên kho bị điệu vào ghi chép tờ tự khai cho tôi. Tôi nói anh bạn muốn viết gì thì viết, rồi tôi nhắm mắt ký bừa, không cần đọc lại. Lúc nộp hai tờ tự kiểm cho cán bộ, hình như anh ta đã ghi lộn họ Vương của tôi thành họ... Nguyễn thì phải?

Trong thời gian chờ cán bộ của Nha Quân-Pháp Bộ Quốc-Phòng Cộng-Sản từ Hà-Nội về chấp cung, tôi không được đi ra ngoài. Mọi sinh hoạt tiêu, tiểu đều ở ngay chỗ nằm. Hằng ngày, ông thầy thuốc Nam của trại có nhiệm vụ đi vớt cứt đái cho tôi. Biết tôi bị nội thương, ông ta lén dấu cho tôi vài viên xuyên

tâm liên. Ông thầy thuốc này cũng là tù cải tạo. Tù mắc bệnh gì ông ta cũng cho uống xuyên tâm liên! Từ thời ông ta đảm nhận công tác y tế của trại, tôi chưa thấy ai chết vì xuyên tâm liên cả.

Ngày Chủ Nhật, trại được nghỉ lao động. Hai cổng trước sau đều bị khóa. Tên lính gác trên chòi cao ngời ngủ gà ngủ gật. Các bạn tù túa ra sân, người thì tay chân bận bịu với ca công trong việc nấu nướng, kê tủ hộp đánh cờ, vài anh khác mãi mê tập thể dục, dưỡng sinh. Có bóng người lạng qua cửa nhà cùm.

“Vèo!...Vèo!...Độp!...Độp!...” vài cục đường thẻ và mấy củ khoai lang luộc được quăng vào nhà kỷ luật.

Hai củ khoai bay tuốt vào góc phòng, ngoài tầm tay với. Còn hai cục đường vì nhẹ, nên rơi nơi bực cửa, tôi chụp lẹ, rồi đưa ngay vào mồm.

Óái oăm làm sao! Cục đường trong miệng lại nằm kẹt ngay chỗ cái răng đã bị tên Lòi đập gãy, tôi đau điếng người! Cả hàm răng tê tái, cứng đờ, cục đường nằm trong họng mãi không chịu tan.

Hai ông bạn tù vừa ném đồ ăn cho tôi, một ông là Hải Quân Thiếu Tá Trần Văn Căn, bạn cùng lớp Trần Quý Cáp, người thứ nhì là Đại Úy Vương Thành Lân Khóa 19 Võ-Bị.

Lâu ngày mới thấy chất ngọt, nước dãi trong mồm tôi tiết ra ào ào, nuốt không kịp.

Tới trưa hôm đó mới khỏ! Tôi chưa kịp cởi quần đã bị “Tào Tháo” đuổi, bắt tại chỗ! Tay còng, chân cùm, tôi đành nằm chịu trận.

Chờ mãi, tôi mới thấy bóng dáng ông thầy thuốc Nam trước cửa nhà bếp. Tôi lên tiếng gọi, rồi mắc cỡ, nói với ông ta rằng vì bị trúng gió, tôi đã “bĩnh” ra quần.

Ông lang sốt sắng chạy vội lên gặp cán bộ trực trại. Tôi được “chiếu cố” cho ra suối tắm rửa lần nữa.

Hai ngày sau, vào lúc xế chiều, cán bộ Vấn xuất hiện. Đứng chân trong, chân ngoài ngạch cửa, anh ta dặn dò,

– Ngày mai có người từ trên Bộ xuống chấp cung. Tính mạng của anh coi như an toàn rồi đấy! Tôi cũng mừng cho anh. Có điều là cần kín miệng.

Nói vừa xong câu, anh ta vội vàng xoay lưng, bước đi.

—o—

Chín giờ sáng ngày hôm sau, tôi ngồi đối mặt với một thượng úy của Nha Quân-Pháp Cộng-Sản. Công tác chấp cung xảy ra đúng ba ngày.

Ngày thứ nhứt...

Tay nhấn cái nút “Play” màu trắng, đồng thời với cái nút “Record” màu đỏ của chiếc cassette để trên bàn, tên cán bộ bắt đầu cuộc thẩm vấn,

– Trong thời gian ở Trại 4 này, cán bộ và chiến sĩ của trại có làm điều gì trái

với chính sách của đảng và nhà nước khiến cho anh và các trại viên khác bất mãn không?

Tôi thoáng nghĩ,

“Phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện, mình có nói ra những hà khắc, bất nhân của cán binh trại này, chưa chắc hẳn ta đã làm được điều gì thay đổi. Mà không chừng, tố cáo những gì mình chứng kiến, có khi còn mang vạ vào thân...”

Hai bàn tay xếp trên đùi, tôi tránh đôi mắt người đối diện,

– Thưa cán bộ, tôi thấy rằng ở trại nào thì chế độ cũng như nhau. Tôi không có điều gì để khiếu nại cả.

– Vậy thì, nguyên nhân nào đã khiến anh vượt trại?

– Tôi trốn trại là để đi tìm tự do.

– Sao lại phải đi tìm? Bao giờ học tập xong, anh sẽ được trả tự do thôi!

Ngẩng đầu lên, thấy vẻ mặt người sĩ quan Cộng-Sản không có nét gì là giận dữ, tôi đánh bạo,

– Thưa cán bộ. Cán bộ có thể cho tôi biết, đến bao giờ thì khóa học của tôi mới chấm dứt?

Thừ người ra một phút, viên thượng úy nhấp nhấp cái bút chì trên mặt bàn,

– Cái ấy cũng tùy, một năm, vài ba năm, tùy nơi các anh...

Lúc đó mắt tôi chợt nhìn thấy trong góc phòng một cái giá súng, trên đó dựng bốn khẩu A.K của vệ binh. Một ý nghĩ thoáng qua,

“Hai giây đồng hồ để nhảy từ đây tới cái giá súng. Một giây chụp khẩu A.K. Một giây kéo cơ bẫy. Hai giây vượt qua cửa sổ. Một phút sau có mặt trong vườn sắn. Lính canh trên chòi gác không thể quan sát được phía sau vườn sắn. Phải tốn ít nhất là năm phút, vệ binh mới tập hợp xong. Chỉ cần năm phút phù du ấy là ta đã lên tới Lũng Ngàn rồi!”

Tiếng gõ nhấp bút chì chợt ngừng thình lình. Tôi liếc mắt thấy vẻ mặt hơi thất sắc của tên cán bộ. Hình như hẳn ta đã thấy mắt tôi đang dán vào cái giá súng?

Y vụt xô ghế, đứng dậy,

– Thôi anh về nghỉ, ngày mai ta làm việc tiếp.

Tôi chột dạ, nhưng cũng không tỏ vẻ bối rối. Phải chống hai tay lên ghế lấy đà, tôi mới từ từ đứng lên được. Lúc này tôi chợt sực tỉnh: sức tôi yếu quá! Tôi đứng còn khó khăn, nói chi tới chuyện chạy, nhảy, leo trèo?

Ngày thứ nhì...

Bước vào phòng trực, tôi không còn thấy cái giá súng A.K trong góc nhà nữa. Bên ngoài cửa sổ thấp thoáng bóng vệ binh ôm súng, rào bước đi qua, đi lại.

Chờ cho tôi ngồi xuống ghế, viên sĩ quan quân pháp chỉ tay vào một cái bịch

giấy dày cộm trên bàn,

– Tôi đã có toàn bộ hồ sơ quân bạ của anh Long ở đây. Đầy đủ hết! Từ bản tướng mạo công vụ, cho tới từng cái giấy phạt, giấy khen, huy chương, khai sinh, giá thú ... không thiếu bất cứ thứ gì. Nếu không tin, anh có thể tự tay kiểm tra lại, xem tôi nói có đúng không?

Rồi y rút ra đưa cho tôi mấy tờ huy chương và bản tướng mạo công vụ của tôi. Thoáng nhìn thôi, tôi đã biết đó là thứ thật.

Thấy tôi có vẻ không hứng thú với việc đọc mớ giấy tờ kia, hắn từ tốn cất chúng vào bao trở lại, rồi gật gù,

– Hôm nay chương trình sẽ là nghe vài cuộn băng.

Cuộn băng thứ nhất dài nửa giờ ghi lại phiên tòa ngoài trời, cách đây không lâu, xử một anh tù cải tạo tên Phê (?) trốn trại ở đâu dưới Vĩnh-Phú hay Thanh-Hóa gì đó. Tiếng loa vang vang lời kết tội phát ra từ miệng một “cải tạo viên”, có lẽ là trật tự hay thi đua,

“Tên ngụy quân này đã ngoan cố vượt trại, không chịu học tập! Đề nghị xử tử!”

Hàng chục người khác nhau nhau tán đồng,

“Đồng ý! ...” “Nhất trí!” ... “Đồng ý!” ... “Nhất trí!” ...

Một người nữa phát biểu,

“Thằng này đã cướp súng bắn lại cán bộ! Phải xử tử nó ngay!”

Đám đông lại hét gào,

“Xử tử!” ... “Xử tử!” ... “Xử tử!” ...

Một ý kiến khác,

“Chúng tôi không an tâm học tập khi tên ác ôn này còn sống và tiếp tục quấy rối chúng tôi...”

Khán giả dường như đã say máu,

“Xử tử nó đi!” ... “Xử tử nó ngay!” ... “Xử tử nó!” ... “Xử tử!” ...

Đa nghi cách mấy tôi cũng không thể nói cuộn băng này là giả tạo được! Rõ mồn một, đấy là tiếng nói, tiếng la, tiếng hét của đồng đội tôi. Tôi không thể nghe lầm: Đồng đội của tôi đang tranh nhau đòi giết bạn mình!

Là một tù nhân sắp ra tòa lãnh án, tôi không mấy may sợ hãi cái chết, nhưng những tiếng la hét của những người đồng ngũ lại làm cho tôi đau đớn vô cùng.

Cuộn cassette dài có nửa giờ, vậy mà tôi cảm như mình đang trải qua một cuộc tra tấn dài vô tận. Ngón đòn cân não đã có hiệu quả! Lòng đau như cắt, hai lá phổi bùng bùng, đầu tôi choáng váng như muốn nổ tung vì những tiếng hét đầy man rợ,

“Xử tử!” ... “Xử tử!” ... “Xử tử!” ... “Xử tử!” ...

Cuộn băng ghi âm chấm dứt không có đoạn kết của phiên tòa. Viên thượng

úy xoi mới nhìn vào mặt tôi, như tìm đọc phản ứng của tôi, rồi y bồi theo một câu, như phát đạn ân huệ,

– Anh Phê bị xử bắn rồi đấy anh Long ạ!

Thấy tôi ngồi lặng thinh, hấn ta nói nhỏ,

– Tôi không cần hỏi thêm anh về lai lịch hay thành tích nữa làm gì. Chúng tôi có đủ tài liệu và hồ sơ để xác định tội trạng của anh rồi. Tuy nhiên, tôi cũng mạnh miệng bảo đảm rằng, tội của anh chưa đến mức bị xử tử hình. Tin tôi đi!

Sau khi được uống một bát nước lạnh, tôi tiếp tục ngồi nghe cuộn băng thứ nhì, cuộn băng ghi lời phát biểu của hai vị đại tá bị Cộng Quân bắt tại mặt trận Ban-Mê-Thuột.

Cuộn băng chót là một buổi học tập, phê bình, kiểm thảo của một nhóm sĩ quan cấp tướng và đại tá.

Qua hai cuộn ghi âm vừa rồi, tôi nhận ra giọng nói của những vị tôi đã từng dưới quyền, đã từng thân thiết. Vẫn giọng nói xưa, nhưng những lời tôi nghe được lại như từ miệng ai đó, tôi chưa từng gặp, chưa từng tiếp xúc bao giờ!

Trong cơn bão tố cuồng điên, con thuyền quốc gia của dân tộc tôi chìm nhanh quá! Giữa biển khơi không thấy bến bờ, những người sắp chết đuối thấy vật gì bồng bênh trước mắt, cứ ngỡ rằng đấy là một cái phao, đâu ngờ đó chỉ là đám bọt nước mà thôi!

Thực tình, từ ngày mất nước, tôi chưa bao giờ có ý oán trách bất cứ ai, kể cả các cấp chỉ huy và bạn đồng ngũ của tôi. Tôi chỉ thấy xót thương cho bạn bè mình, và buồn cho số phận của chính mình.

Người cán bộ xếp dọn đồ nghề, rồi nói câu chấm dứt buổi thẩm cung,

– Thôi! Mai ta tiếp tục anh Long nhé!

Tôi khập khiễng trên đoạn đường từ ban chỉ huy trại về buồng giam, sau lưng là một họng A. K.

Ngày chấp cung thứ ba...

Viên thượng úy xoa xoa hai bàn tay vào nhau,

– Hôm nay chủ đề trao đổi giữa chúng ta sẽ là: “Quốc-Gia và Cộng-Sản.” Tôi sẽ không đánh đập anh đâu. Đừng e ngại, sợ sệt, cứ việc phát biểu một cách công tâm. Tôi cho phép, và khuyến khích anh nói thật lòng mình, về những gì anh cho là sai, là đúng của hai chế độ. Mục đích chuyến công tác của tôi lần này chỉ có thế!

Tôi ngồi ngẩn mặt ra. Thật là ngoài mức tưởng tượng! Tôi đã một lần ném mùi cái “kinh nghiệm thương đau” của kẻ bị tra khảo vì tội trốn trại rồi, nên tôi biết, trong thời gian chấp cung, tù vượt ngục nào cũng bị đánh cho tới bở lê, bở càng, cả tháng sau, thân mình còn ê ẩm.

Tôi nghĩ lần này cũng lại bị đánh, bị buộc tội trối chết, rồi phải tỏ ra ăn năn, hối lỗi những việc mình đã làm, sau cùng là ký bản cam kết, hứa hẹn sẽ không

còn tái phạm nữa...vân vân.

Ấn nút cho máy ghi âm chạy, thẩm vấn viên hát hàm,

– Theo anh, cuộc chiến tranh vừa qua chính nghĩa thuộc về phe Quốc-Gia hay Cộng-Sản?

Tôi đáp liền,

– Mỗi bên tham chiến có lý lẽ riêng để bênh vực cho chủ trương của phía mình. Người Cộng-Sản có lý của họ, còn chúng tôi, có lý của chúng tôi.

Người hỏi cung lắc đầu, nghiêm giọng,

– Anh hãy nói thẳng ra ý kiến của cá nhân anh. Phải là “ý kiến tôi thế này, ý kiến tôi thế kia!” Không được nói quanh quanh, nói chung chung kiểu...”chúng tôi thế này, chúng tôi thế kia...”

Tôi nuốt nước bọt rồi trả lời thẳng thừng,

– Tôi chiến đấu có chính nghĩa vì tôi là người tự vệ, Miền Bắc là kẻ xâm lược. Hấn ta vội át giọng tôi,

– Anh nói sai rồi! Chúng tôi mới có chính nghĩa vì chúng tôi chiến đấu để giải phóng Miền Nam thoát ách cai trị của ngoại bang.

– Không có ngoại bang nào cai trị Miền Nam cả. Việt-Nam Cộng-Hòa là một nước độc lập.

Y hét lên,

– Độc lập giả tạo! Thực chất Ngụy-Quyền Miền Nam chỉ là tay sai của đế quốc Mỹ.

– Việt-Nam Cộng-Hòa là một quốc gia đồng đẳng với các nước khác trên thế giới. Miền Nam có chính phủ riêng, hiến pháp luật lệ riêng. Tổng Thống và Quốc Hội nước Việt-Nam Cộng-Hòa là do dân bầu lên, có nhiệm kỳ hiến định hẳn hoi, sao lại gọi là tay sai được?

Tôi ngừng lại, chờ xem ý kiến của người đối diện ra sao thì thấy y đã tắt máy.

Ngồi im một lát như để tĩnh tâm, rồi thật chậm rãi, hấn ta ôn tồn trở lại,

– Tôi sẽ không đấu lý với anh nữa. Vì nếu cãi nhau thì anh sẽ ờ vào thế yếu, còn tôi ờ thế mạnh, không được công bằng. Từ bây giờ tôi chỉ đặt câu hỏi. Anh được tự do trả lời theo ý anh! Như vậy có được không?

Thấy tôi gục gục đầu, hấn nhấn nút cho máy quay, rồi tiếp tục,

– Anh nói rằng Miền Nam là tự do, vậy hãy diễn tả cái tự do đó thể hiện ra sao ngay trong cuộc đời của chính anh.

– Tôi lớn lên trong một chế độ mà trong đó, chúng tôi muốn nói gì thì nói, nghe gì thì nghe, đọc gì thì đọc. Không bị ai nhồi nhét tư tưởng này, tư tưởng kia vào đầu. Ngay như tôi là một thiếu tá, mà suốt mười hai năm quân ngũ tôi chưa bị bắt buộc phải vào dự một buổi học tập chính trị nào cả. Những hiểu biết về Cộng-Sản, hay Tự-Do là do cái vốn kiến thức thu thập từ thực tế và tự

tìm hiểu qua báo chí, sách vở. Không ai ép buộc tôi phải tôn thờ chủ nghĩa này, đả phá chủ nghĩa kia.

– Nếu nói rằng Miền Nam tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì tại sao lại có những cuộc biểu tình, xuống đường của Cha, Cổ, Giáo Dân cũng như của Tăng Ni, Phật Tử?

– Chính vì có tự do nên mới xảy ra những chuyện xuống đường, phản kháng, nếu không có tự do thì toàn dân sẽ câm như hến.

– Anh có là một thành viên của đảng Dân-Chủ không? Nếu một người lính mà không là đảng viên đảng Dân-Chủ thì có bị thiệt thòi gì không?

– Thú thật tôi không để ý đến vụ đảng phái. Tôi không gia nhập đảng nào. Tôi cũng chưa thấy đảng nào công khai gây ảnh hưởng trong đơn vị tôi bao giờ.

– Trong thời gian qua, anh đã có dịp tiếp xúc với dân chúng Miền Bắc, anh có nhận xét gì về nếp sống của dân chúng Miền Bắc không?

Thấy có dịp giải tỏa áp lực, tôi hứng chí nói một mạch,

– Miền Bắc và Miền Nam khác hẳn nhau. Ở trong Nam, người dân có thể sống theo ý mình muốn. Còn Miền Bắc là một xã hội có quy củ, có khuôn phép. Từ vấn đề cơm, áo, gạo, tiền, nhà cửa, ruộng vườn, cái gì cũng có tiêu chuẩn cả. Cái gì cũng tem phiếu, sổ sách. Hàng còn nằm trong kho quốc doanh có một giá, tới lúc tuồn ra ngoài, nó thành giá khác, đắt gấp chục lần. Lao động xã hội chủ nghĩa thì người này dựa vào người kia. Làm việc hợp đồng, vẫn công chỉ là chuyện lãng phí nhân lực. Tôi đã thấy có một mảnh ruộng cỡ nửa sào, mà ào xuống mười người, với mười con trâu, và mười cái cày. Họ làm việc chừng một giờ đồng hồ, mà chấm công là một ngày. Thời giờ còn lại, mạnh ai nấy đi canh tác riêng để cải thiện. Lý thuyết là không có quyền tư hữu, tất cả là tài sản chung, nhưng trên thực tế, ai cũng lo mưu cầu lợi ích riêng, vì ai cũng thiếu thốn cả. Có lẽ vì thế mà mấy chục năm nay Miền Bắc vẫn nghèo, không khá lên được.

Tôi thấy kỹ thuật thẩm vấn của người Cộng-Sản có vẻ na ná với kỹ thuật khai thác của Đức Quốc-Xã thời Thế Chiến thứ 2 trong những tài liệu mà tôi đã đọc qua. Thoạt đầu, với đôi ba câu hỏi băng quơ, tù binh được nói thoải mái thả giàn vài phút. Sau đó, thẩm vấn viên mới ra tay, bằng những câu hỏi dồn dập, tới tấp, loanh quanh, lẫn lộn một vấn đề, làm cho óc người bị thẩm vấn rối tung lên, không biết đâu mà chống đỡ.

Với những câu hỏi ngoắt ngoéo, viên thượng úy Cộng-Sản đã cố gắng moi móc những gì tôi cất dấu trong đầu về cuộc đời tôi, từ thuở mới di cư, đến khi ngập ngũ, rồi tới ngày rã ngũ.

Trong thời chiến, tôi đã qua lớp Tình-Báo Tác-Chiến Singapore, rồi nhiều năm, đảm nhận chức Trưởng Phòng Quân- Báo của Bộ Chỉ-Huy Biệt Động Quân, Quân-Khu 2, Việt-Nam Cộng-Hòa. Tôi đã thẩm vấn rất nhiều tù binh, và

đã hoàn tất nhiều bản cung từ.

Do đó, tôi đủ bản lãnh để luồn lách, tránh né những bí mật liên quan tới sinh mạng những người đã cộng tác với tôi thời trước, như tên tuổi các mật báo viên trong mạng lưới mật báo của Phòng 2 Biệt Động Quân Quân-Khu 2, danh sách các cán binh chiêu hồi đã hướng dẫn các chuyến xâm nhập vào lòng địch của tôi trong thời gian 1972- 1973.

Chỉ sau vài câu hỏi trùng lặp, tôi đã nghiệm ra ngay chủ đề của cuộc “thi vấn đáp” trường chinh hôm ấy là nhằm khai thác tin tức liên quan tới “Vai trò của Chính-Trị và Tôn-Giáo trong Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa” Về cả hai lãnh vực trên đây, quả tình, tôi chỉ là một tay ầm ớ, nên người tra hỏi chẳng biết được gì.

Cứ thế, trừ đi cỡ sáu, bảy phút cho hai lần đi tiểu, và khoảng mười phút cho bữa ăn trưa với một củ khoai lang luộc, tôi phải trả lời hàng trăm câu hỏi trong thời gian dài từ sáng sớm tới xế chiều. Tôi không nhớ có bao nhiêu cuộn băng mới đã được thay, mấy lần pin mới được lắp vào máy.

Chấm dứt ngày làm việc cuối cùng, không chỉ người bị chất vấn, mà ngay cả người đặt câu hỏi cũng thấy mồ hôi vã ra đầy mặt.

Người cán bộ châm điếu thuốc lá, rít một hơi, rồi trao nó cho tôi,

– Anh Long ạ! Tôi đã thực hiện công tác phỏng vấn này với một ông sư, một ông cha, một nghị sĩ, một dân biểu, hai cấp tướng, hai cấp đại tá, và ba người cầm đầu đảng phái chính trị. Mỗi anh có nhân cách riêng khi đối diện với tôi. Cũng những câu hỏi ấy nhưng mỗi người trả lời khác nhau. Mỗi anh có lý lẽ riêng. Anh là người tuổi nhỏ nhất và có địa vị thấp nhất mà tôi đã gặp trong công tác này đấy! Bây giờ tôi có một câu hỏi riêng tư với anh. Câu hỏi cuối cùng. Anh có vui lòng trả lời tôi không?

Tôi rít một hơi thuốc dài, nuốt ực vào, ém khói trong phổi, thấy tỉnh táo dần,

– Vâng! Tôi sẽ trả lời cán bộ.

– Nào! Anh hãy thành thật, tuyệt đối thành thật, trả lời tôi: Quan niệm của anh ra sao đối với sự sống và sự chết?

Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt người đối diện, dò chừng. Hình như hẳn ta không có âm mưu gì chứa ẩn trong câu hỏi. Tôi háng giọng, rồi nhỏ nhẹ trả lời, rõ ràng từng tiếng một,

-Thưa cán bộ. Tôi nghĩ, đời tôi bây giờ có sống cũng chẳng thấy vui thú gì, thì nếu chết, tôi cũng coi như là trở về cùng cát bụi. Tôi không có điều gì phải hối hận hay vướng bận cả.

Viên thượng úy Cộng-Sản đứng lên, bàn tay y xiết bàn tay tôi một cái rất nhẹ, rồi buông ra ngay. Y nói với tôi, nhưng có vẻ như nói một mình,

-Tiếc thay! Anh lớn lên ở Miền Nam. Nếu ngày đó anh không di cư, thì có lẽ,

giờ này, những người tâm cỡ như tôi, muốn gặp mặt anh cũng là một điều khó khăn.

—o—

Buổi trưa sau ngày hoàn tất hồ sơ thẩm vấn, đầu óc thật thoải mái, tôi nằm im, đón nghe trong gió vọng về những âm thanh quen: tiếng ve sàu rên rỉ trên Lũng Ngàn, tiếng chân trâu kéo gỗ nặng nề qua đoạn đường quanh, tiếng xèng cạo chảo bên nhà bếp. Gần tôi nhất là tiếng “kéo! kẹt!” của loài mọt gỗ đang đục khoét cái cột giữa nhà.

Tôi ngửa cổ nhìn lên nóc tranh, trước mắt tôi là cảnh một con ruồi xanh đang cố gắng một cách tuyệt vọng tìm cách thoát khỏi cái màng lưới nhện. Thân phận tôi giờ đây ví như thân phận con ruồi xanh trên kia, không hơn, không kém. Nhện và ruồi là hai động vật khác loài. Chúng giết nhau để sinh tồn. Còn tôi và những người đang giam cầm tôi lại cùng chủng loại.

Tuần lễ sau, vào giờ cơm chiều, cán bộ Vấn bước vào, ngồi trên bệ cửa, rút bao Cừu-Long ra, bật lửa châm cho tôi một điếu. Chờ tôi hút xong điếu thuốc lá thơm, anh ta mới mở lời,

– Bà mẹ anh ngày xưa đẹp nhất làng Trác-Châu đó! Anh có biết không?

Tôi trở mắt,

– Cán bộ có lớn tuổi hơn tôi nhiều đâu? Làm sao mà cán bộ biết điều này?

– Ngày anh bị đưa về cùm lần đầu ở trại này, tôi đã đọc qua lý lịch của anh rồi. Tôi biết tên bố mẹ anh và tất cả họ hàng bên ngoại của anh nữa. Nhà tôi ở sát rào nhà cụ Ngãi, ông ngoại của anh. Thời còn là con gái, bà cụ sinh ra tôi là bạn thân của bà cụ nhà anh. Mẹ tôi nói hồi đó mẹ anh có làn da trắng như trứng gà bóc. Mẹ anh không lấy người trong làng, lại đi lấy người làng bên. Sau khi bố anh bị giết, mẹ con anh đã bỏ xứ, ra đi biệt tăm. Không ngờ sau đó gia đình anh di cư vào Nam, và anh đã làm tới chức thiếu tá. Dù gì thì chúng ta cũng là người cùng làng...

Tới lúc đó, tôi mới hiểu lý do vì sao viên sĩ quan Cộng-Sản này lại nương tay với mình.

Cán bộ Vấn thọc tay vào túi, lôi ra một cái phong bì. Mở phong bì, móc cái ảnh cỡ 6x9 cm đưa cho tôi, anh ta nói nhỏ,

– Anh Long có thơ. Nhưng tôi không được phép đưa thơ cho anh. Tôi “diêm” cho anh cái ảnh của vợ con anh. Nhớ giữ kín đừng cho ai biết.

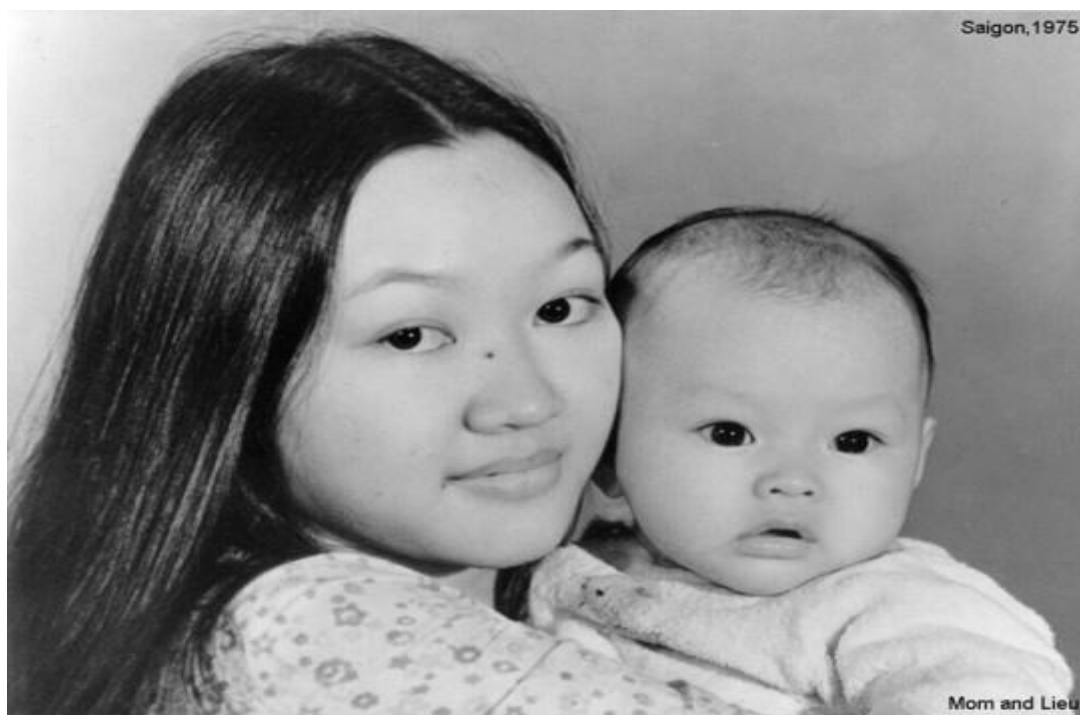
Nói xong câu này, Vấn nhét vào tay tôi một điếu thuốc nữa, rồi đứng lên, lưỡng lưỡng đi về hướng nhà bếp.

Có lẽ cái thư chứa tấm hình đã tới trại trong thời gian tôi tại đào. Trong hình là vợ tôi bé thành con út ngày nó vừa biết lật. Nay chắc thành bé đã biết nói, biết chạy rồi?

Áp cái ảnh vợ con vào lòng, tôi nghe rõ ràng, tim mình đang thổn thức...

Tôi được nhìn thấy mặt bố tôi lần cuối cùng (1946), ngày tôi lên bốn tuổi.
Còn thằng con tôi, không biết suốt đời, nó có dịp nào nhìn thấy mặt bố nó hay không?

Từ lúc đó cho tới tối mịt, cứ lâu lâu, tôi lại dờ cái ảnh ra xem.



(Vợ và con trai của VMLong-1975)

Vàng vạc trắng trôi...

Tôi nằm quay mặt về hướng Tây. Cửa chính của phòng giam không bao giờ đóng. Ngoài kia ánh nguyệt chan hòa.

“Tưng!... Tưng!... Tưng!... Tưng!...”

có tiếng đờn ghi ta vọng cổ bay sang từ Lán 1. Tiếp đó là một câu hò (hay sòng xê) náo nức,

“Đêm nay trăng sáng...(á!) lung linh, em ngồi trông trăng.

Lòng nhớ thương anh, mà lòng...(ừ!) buồn mông mênh.

Mình cách xa nhau rồi...(à!) Mình mất nhau muôn đời.

Đêm ngồi trông trăng, mà mắt lệ...(ý! à!) tuôn rơi...”

Tôi không phân biệt được giọng hò này là của ông trung tá con rể bà Bút Trà, hay là của ông đại úy con rể cụ dân biểu Hoàng Kim Quy?

Ánh trăng lùa tiếng đờn tràn qua cửa phòng giam.

“Tưng!” ...”Tưng!” ...”Tưng!” ...”Tưng!” ...”Tưng!” ...”Tưng!” ...”

Nhịp đờn bỗng rớt rít hẳn lên, quện vào tiếng hát, xoắn lại như con chót, rồi vút lên thật cao,

” Trời ơi! ... Bời sa cơ giữa chiến trường thọ tiễn

Nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu ... Hà...

...Từng! Từng!... Từng! Từng!... Từng! Từng!... Ừ... Ừng... ừ... Ừng..."

Giữa đêm trăng lạnh, vô tình, khúc “Võ Đông Sơ” đã như mũi dao nhọn, xoáy vào tim người nghe...

Ngày xưa tôi là chúa ghét vọng cổ. Cứ thấy mấy anh kếp cải lương “miệt rưng” trong đơn vị vừa cất giọng,

“Biên cương lá rơi, Thu Hà em ơi!”

... tôi lại bấm bụng cười thầm, linh nhanh đi chỗ khác.

Vậy mà giờ đây, giọng ca của mấy ông nghệ sĩ tay ngang cũng làm cho tim tôi xốn xang. Tôi nằm trần trọc hoài mà không nhắm mắt được. Đêm sao quá dài...

—o—

Từ đầu tháng Sáu, sau giờ ăn trưa mỗi ngày, tôi được mở cùm vài phút để đi vệ sinh. Chuyện ỉa đái của tôi xảy ra ngay trong vòng rào mà vệ binh cũng phải kè kè đi kèm. Khi tới đầu Lán 11, vì sợ thối nên tên bộ đội đành dừng lại, ôm súng đứng canh, cách nhà cầu chừng sáu chục thước. Mắt nó cứ lom lom theo dõi những người tù trên đường ra nhà xí. Nó soi mói, kiểm soát kỹ càng những ống vầu chứa nước họ xách theo để rửa đít. Nó sợ bạn tù lén lút liên lạc tiếp tế cho tôi!

Bọn cai tù không thể ngờ rằng, trước khi tôi được mở cùm, đã có hai ba anh bạn tới ẩn mình trong cầu tiêu rồi. Họ tranh nhau nhét vào miệng tôi, cục đường, củ khoai, và cả những viên thuốc bổ. Tôi chỉ được phép ở trong chuồng xí có năm phút. Trong năm phút, tôi vừa ăn, vừa đại tiểu tiện, vừa nói chuyện với bạn bè.

Hàng ngày, bạn tù chia phiên nhau giúp đỡ cho ba người đang bị phạt. Các anh Thiếu Tá Hoàng Văn An, Đại Úy Vương Thành Lâm, Đại Úy Nguyễn Hữu Quang, Đại Úy Phạm Xuân Độ, và Đại Úy Đỗ Dũng là những người tôi gặp mặt thường xuyên, ngoài ra còn nhiều bạn khác nữa. Họ lo cho tôi vào giữa trưa, và lo cho anh Trụ, anh Cả vào lúc xế chiều. Nếu hôm nào cả trại phải đi lao động suốt ngày, thì các anh trực lán sẽ làm công tác cứu trợ.

Thời gian này người tù mang cơm cho nhà kỹ luật là Nguyễn Hữu Quang, bạn cùng khóa Võ-Bị của tôi. Những khi có dịp thuận tiện, anh Quang thường lén lút ém thêm phần ăn cho người bị giam.

Cũng may những chuyện này không đổ bể. Chứ cai tù mà biết được thì các bạn tôi chỉ có nước vào cùm!

Trong cảnh hoạn nạn, tôi đã không bị bạn bè bỏ rơi. Những sự trợ giúp ấy đã khiến tôi tăng thêm sức lực cả về thể chất lẫn tinh thần. “Khốn khó có nhau, là huynh đệ chi binh!” phải gặp cơn nguy biến mới thấy cái cao đẹp của tình

đồng đội.

Những tháng tiếp theo, tôi và hai anh bạn bị đưa đi vòng vòng, lần lượt nhốt trong các trại tù quanh vùng Cẩm-Nhân, Yên-Bình. Mỗi khi tới trại mới, ba “cải tạo viên” vượt ngục lại trở thành những cái bao cát cho bọn vệ binh của trại đó thực tập võ nghệ.

Cuối cùng chúng tôi bị dẫn vào Trại 2 trong Tích-Cốc, nhốt chung với một tay “Papillon” của trại này. Anh ta nằm trong căn bìa của nhà kỷ luật, cách tôi một tấm phen.

Ghé mõm sát cái lỗ nhỏ dưới chân vách, tôi hỏi nhỏ,

– Này! Tên gì? Cấp gì?

– Thường! Đại úy!

– Đi lúc nào?

– Sau các cha một tháng.

– Máy người?

– Bốn.

– Ba ông nội kia đâu?

– Thoát rồi!

– Còn cha? Sao lại nằm đây?

– Mình bị sa ruột, giữa đường đành bỏ cuộc, bị dân quân bắt, dẫn về giao lại cho trại, rồi bị tổng vào đây.

– Đã bị chấp cung chưa?

– Rồi!

– Có bị đánh không?

– Tơi bời! Đau lắm các cha ơi!

Mấy ngày sau, người đưa cơm của Trại 2, vốn là một đại úy Biệt Động Quân thì thầm với tôi rằng,

“Một toán vệ binh của Trại 2 đã kêu gọi được ba người bạn của anh Thường ra đầu hàng rồi. Nhưng ngay sau đó, chúng bắn chết hết ba người này, rồi đổ hồ là họ bỏ chạy lúc ban đêm!”

Nghe chuyện này, tôi nhớ lại cái đêm trời tối đen như mực cách đó không lâu, nếu tôi nghe lời tên vệ binh, bước ra khỏi cổng để lên ban chỉ huy ký giấy cho về đội lao động, thì tôi đã bị bắn chết rồi!

Cuối năm 1978 có tin Trung-Cộng sắp đánh Việt-Cộng, ba chúng tôi lại bị còng dính vào nhau đưa lên xe, vượt sông Lô, qua đèo Khế, ghé Tân-Trào, rồi chạy một lèo về Trại Phú-Sơn 4, Thái-Nguyên.

Tại đây, vừa được tháo còng ra, tôi đã bị tổng vào đội trừng giới số 12 toàn là dân vượt ngục, chuyên làm lò gạch. Đồng cảnh ngộ, nên anh em trong đội này đã thương yêu, đùm bọc lẫn nhau như người thân trong một nhà.

Tháng Ba năm 1979 quân Tàu ào qua biên giới, chúng tôi lại bị còng từng

cặp, đưa lên Molotova, chạy một mạch qua thủ đô Hà-Nội về tuốt miệt Hà-Nam, Phủ-Lý.

Trong lúc chờ phà vượt sông Hát, đoàn xe bị dân chúng ném đá toi bời. Tù chỉ còn nước ôm đầu, úp mặt xuống sàn xe. Thì ra dân chúng tưởng chúng tôi là tù binh Trung-Quốc!

Đến khi biết trên xe là tù cải tạo Việt-Nam Cộng-Hòa thì dân chúng lại đua nhau ném chúng tôi lần nữa! Chúng tôi lại lo ôm đầu, úp mặt. Nào ngờ, lần này đầu cổ, tóc tai lãnh toàn là xôi, đường, kẹo bánh, xu hào, cải bắp!

Quý hóa hơn mọi món quà mà chúng tôi nhận được ngày hôm đó là, lần đầu kể từ khi bại trận, chúng tôi lại được nghe hai tiếng “Hoan hô!” từ miệng của đồng bào tôi.

Dù chỉ có vài tiếng “Hoan hô!” rụt rè phát ra trong đám đông thôi, đã khiến đôi mắt tôi cay xè. Nhìn sang bên, tôi thấy mặt anh bạn chung còng cũng nhạt nhòa nước mắt...

Từ ấy, cứ vài năm một lần, tôi lại bị chuyển sang trại mới, cuối cùng là Z30 D Hàm-Tân. Tới năm 1988 tôi được tha.

Nhớ lại, một ngày mùa đông năm 1965, tôi đã quỳ xuống giữa vũ đình trường Lê-Lợi Trường Võ-Bị Quốc-Gia Việt-Nam để tuyên thệ rằng sẽ đem xương máu mình bảo vệ tổ quốc, phục vụ đồng bào. Sau khi đứng lên, tôi trở thành một sĩ quan Biệt Động Quân. Qua bao nhiêu năm xông pha nơi chiến trường, rồi trầm luân trong tù ngục, tôi vẫn ghi tạc trong lòng một lời khuyên,

“Thà làm một viên ngọc nát, chứ không làm một viên ngói lành!”

Vương Mộng Long

Seattle, tháng 3 năm 2012

[Report this ad](#)

[Report this ad](#)

[SAO HÔM, SAO MAI VƯƠNG MỘNG LONG \(BĐQ\)](#)



SAO HÔM, SAO MAI... (VƯƠNG MỘNG LONG- K20)

Giữa tháng 4 năm 1974, một trận đánh vô cùng ác liệt và đẫm máu đã xảy ra bên dòng suối Mé (la Mé), cách Pleiku 30 cây số về hướng tây nam. Trong hai ngày 14 và 15 tháng 4 năm 1974, Tiểu Đoàn 82 BĐQ/QLVNCH bị hai Trung Đoàn 48 và 64 của Sư Đoàn 320 Cộng Sản Bắc Việt xa luân chiến, tấn công bằng chiến thuật biển người. Sau những cơn mưa pháo là những đợt xung phong. Cuối cùng, địch đã dùng tới thủ pháo chứa hơi ngạt để dứt điểm. Trưa 15 tháng 4 năm 1974 Cộng-Quân tràn ngập căn cứ hỏa lực 711.

Dù bị đánh văng ra khỏi căn cứ, Tiểu Đoàn 82 BĐQ vẫn không bỏ chạy khỏi vùng. Gần hai trăm chiến sĩ bị thương nặng, nhẹ đã từ chối tàn thương, họ đã đầu lưng cùng nhau bám đất, chờ tiếp tế đạn để phản công. Rồi hai ngày sau, với sự hỗ trợ của một tiểu đoàn bộ binh, Tiểu Đoàn 82 BĐQ trù (-) đã trở lại trận địa để đánh một cú hồi mã cực kỳ dũng mãnh. Dạ chiến là sở trường của Biệt Động Quân Plei-Me, vì thế, chỉ sau hai đêm, lực lượng Cộng-Sản bám trụ đã bị đánh bật ra khỏi vị trí cố thủ.

Chiến dịch kết thúc với tổn thất nặng nề của cả đôi bên, ta và địch. Thiệt hại phía ta là trên 50 quân tử trận. Thiệt hại phía địch là trên 200 quân bị giết (trong đó có một thượng tá). Từ đó, căn cứ hỏa lực 711 được gọi kèm thêm cái tên “Đồi Thịt Bằm”. Trận chiến qua nhanh như mưa bóng mây, nhưng mãnh liệt như một cơn dông mùa hè. Rồi, tình hình lắng dịu, địch và ta lại ghìm quân, chờ dịp ra tay khi phát giác sơ hở của kẻ thù .

Ở Plei-Me, thời gian ấy, đơn vị tôi chịu trách nhiệm một vùng cố định. Tôi có cảm tưởng như mình là một tiểu tướng cầm quân thời Tam-Quốc. Tôi đã phải nặn óc, vận dụng hết khả năng, kinh nghiệm, sở trường của mình để đương đầu với một đơn vị địch mạnh gấp năm sáu lần đơn vị mình. Tôi biết rõ Sư Đoàn 320 CSBV từ xuất xứ, tổ chức trận liệt, tới thói quen, sở trường, sở đoản. Địch thủ của tôi, những người chỉ huy tác chiến của Sư Đoàn 320 Điện-Biên, cũng là những tay dày dạn kinh nghiệm trận mạc. Họ rất tinh khôn, và không kém can trường, liều lĩnh. Trong thời gian này, có một mẩu điện đàm của địch lọt vào đài kiểm thính của ta, trong đó, chính ủy Sư-Đoàn 320 đã cảnh giác các đơn vị dưới quyền,

“Phải tránh né tối đa mọi đụng độ trực tiếp với Thằng Hai Nâu (?)”.

Phòng 7 giải mã, cho tôi biết địch gọi TĐ82 BĐQ là *“Thằng Hai Nâu”*.

Một ngày, giữa tháng 6 năm 1974, trong khi tôi cùng hai đại đội đang lục soát vùng nam núi Chư Gô thì được thông báo cái điện thứ nhì,

“Thằng Hai Nâu đang hoạt động dã ngoại, phải khẩn trương bôn tập, đánh tiêu hao nó!”

điện văn này của Bộ Tư Lệnh SĐ320 CSBV ra lệnh cho Trung Đoàn 48 SĐ320.

Sáng sớm hôm sau, từ đỉnh núi cao, qua ống nhòm, tôi thấy rõ những vệt cỏ tranh trên những ngọn đồi hướng bắc Chư Gô rạp xuống như những luống cày. Hình như trong đêm, cả trăm người đã đạp trên cỏ để tiến về suối Lé (la Glaré). Suối Lé chạy dài từ đông bắc xuống tây nam, sát chân núi Chư-Gô. Con suối này cắt ngang trực tiến trên phóng đồ hành quân của tôi. Tôi ra lệnh cho Đại Úy Quách Cơ Bình (K22 A) đang là tiểu đoàn phó giữ trại, đóng chặt cổng rào, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Suốt ngày hôm đó, tôi đã dội hàng trăm quả cối 4.2 (106 ly) và đại bác 105 ly trên những hàng cây gai xanh bên bờ con suối. Quân dã ngoại của tôi ém trong núi, không lửa khói, chịu đói. Rồi trong đêm, lợi dụng bóng tối, im lặng vô tuyến, theo đường tắt, tôi rút êm. Về tới cổng nam trại Plei-Me tôi mới lên máy gọi chú Bình. Chỉ chừng mười phút sau cú điện đàm giữa tôi và Đại Úy Bình, thì từ biên giới Miên, địch đã nã khoảng hai trăm trái đại bác vào trại. Từ vài năm nay, hầu như tất cả điện đàm vô tuyến của ta đều bị địch nghe trộm. Âm mưu của địch đã bị ta phát giác, cú đánh tiêu hao không xảy ra. Hụt ăn, địch gỡ gạc! Vụ pháo kích gây cho hai căn nhà tôle bị sập, và một binh nhì gốc Chợ-Lớn bị tử thương. Rồi tình hình lại yên...

Cuối tháng Sáu có tin mật báo, một cấp chỉ huy Cộng-Sản chiều chiều cưỡi ngựa, thám sát khu ngã ba làng Xỏm (Plei Xômé). Làng Xỏm nằm về hướng bắc, dưới chân ngọn núi lửa, cách Plei-Me chừng bảy cây số. Làng này đã bị bỏ hoang từ lâu. Trên bản đồ hành quân, làng Xỏm nằm sát ranh giới hoạt động của Trung Đoàn 42 Bộ Binh trừ (-) và Tiểu Đoàn 82 Biệt Động

Quân. Trung Tá Nguyễn Thanh Danh (K19 VB) Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 42 Bộ Binh đang chỉ huy cánh quân bộ binh.

Tôi muốn đích thân giảng dạy hạ thành Việt-Cộng gộc này. Sợ khi đụng trận, bắn nhằm quân bạn, tôi muốn anh Danh chia cho tôi thêm một cây số trách nhiệm về hướng bắc. Chuyện không thể nói trên vô tuyến, vì vậy tôi phải lái xe ra căn cứ 711 gặp mặt Trung Tá Danh. Tại căn cứ hỏa lực 711, Trung Tá Danh đi vắng, nhưng may mắn, tôi đã gặp Đại Tá Nguyễn Hữu Thông (K16VB) Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 42 Đ22 Bộ Binh đang có mặt. Tiểu đoàn tôi nằm dưới quyền giám sát hành quân của niên trưởng Thông.

Niên trưởng Thông hỏi,

-Danh nó về Pleiku, mai mới vô. Cần gì vậy em?

Đứng trước tấm bản đồ hành quân, tôi kể cho niên trưởng Thông nghe tin tức địch tôi vừa nhận được, và ý đồ hành động của tôi, rồi đề nghị,

-Niên trưởng nói thêm cho tôi một click về bắc, để tôi dễ bề xoay trở.

Đại Tá Thông đồng ý ngay,

-Okay, Làm đi! Chắc tên Vi-Xi này tới số nên mới gặp chú...

Chuyến làm ăn dự trù này của tôi bị khựng lại vài ngày vì chú Quách Cơ Bình được lệnh chuyển về nguyên quán. Trong khi chờ một vị tiểu đoàn phó mới tới bổ sung, tôi đem Đại Úy Bá, sĩ quan chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn vào giữ đồn Plei-Me trong lúc tôi xuất trại. Toán viễn thám của Trung Sĩ Nguyễn Chi và toán cận vệ của Hạ Sĩ Nguyễn Ba sẽ tháp tùng tôi vào vùng. Lực lượng an ninh ban đầu để tôi thiết lập vị trí là Đại Đội 1/82. Khi tôi đã hoàn tất tổ chức địa thế, lực lượng này sẽ rút lui theo đường tắt để về phòng thủ trại. Lực lượng trừ bị cho tôi là Đại Đội 3/82 của Thiếu Úy Phạm Đại Việt, sẽ án binh trong khu suối đá, bốn cây số hướng tây bắc Plei-Me. Tôi đã dự trù mọi phản ứng thích nghi nếu có bất cứ trục trặc nào xảy ra bất ngờ. Trừ sáu người đi theo tôi trong chuyến làm ăn này, những quân nhân còn lại trong đơn vị hoàn toàn không biết thầy trò tôi đi đâu. Trên bản đồ, không ai được phép đã động tới việc tôi xuất trại.

Tôi chọn “Vùng làm ăn” trên đoạn đường xe be cách ngã ba Tỉnh Lộ 6C làng Xóm chừng một trăm mét. Hai bên bìa rừng của đoạn đường này không bị khai quang như hai bên lề Tỉnh Lộ 6C. Cây rừng chen chúc nhau, lau lách um tùm, khu này rất thuận lợi cho một cuộc bố quân phục kích. Mờ sáng hai quả Claymore đã gài xong. Hướng nổ của hai quả mìn đánh chéo nhau thành hình chữ “W”. Bụi lau nơi mô đất giữa đường là điểm mồi. Hai lần đạn chì của Claymore sẽ giao nhau chỗ này. Từ địa chỉ dài chừng năm chục mét thôi, nhưng con mồi nào lọt vào tử địa là coi như Diêm-Vương đã gọi.

Ngày thứ nhứt trôi qua, vô sự.

Ngày thứ nhì trôi qua, vô sự.

Ngày thứ ba, vào lúc mặt trời đứng bóng giữa đỉnh đầu...

Binh nhứt Y Huynh nói nhỏ vào tai tôi,

-Thiếu Tá! Có tiếng xe!

-Tao có nghe gì đâu?

Tôi quay sang hỏi chú Chi,

-Ê! Chi! Có nghe tiếng gì không?

Trung Sĩ Chi nghiêng tai lắng nghe một lúc, rồi lắc đầu,

-Dạ không. Em không nghe gì cả! ...

Lúc sau, thằng Y Huynh vừa giựt vạt áo tôi, vừa càu nhàu,

-Em nghe rõ có tiếng máy xe mà ông Thiếu Tá! Đó! Đó! Nghe rõ chưa?

-Ừ! Tai thằng này thính thiệt. Có tiếng xe xa lắm...

Rừng già xanh rì trải dài mênh mông. Trong gió, từ hướng tây, phía làng Gà (PLeì Bon Ga) có tiếng xe rồ máy. Tôi leo lên một ụ đất cao ngông cổ quan sát. Từ xa, từng cụm khói xe phun lên khói đọt cây. Chim rừng hoảng hốt vụt lên không mỗi khi đoàn xe sắp tới gần nơi chúng kiếm ăn. Đoàn cơ giới đang tiến về phía chúng tôi, tiếng động cơ rõ dần, gần từng cơn, như tiếng xe tank, ít nhứt cũng cỡ năm bảy chiếc.

Tôi ghé tai chú Chi và chú Ba ra lệnh,

-Chuẩn bị đánh tank! Đánh gục chiếc đầu. Xong là rút liền!

Chúng tôi cấp tốc chuyển địa bàn phục kích về hướng đầu con dốc ngược trên đoạn đường xẻ ngang một ngọn đồi nhỏ. Con đường độc đạo chạy giữa hai bờ đất cao bốn, năm thước. Bầy Biệt Động Quân, bố trí trên bìa đường, dòm xuống. Tôi tin tưởng rằng, với hai ống M72 và hơn chục quả lựu đạn vừa miêng, vừa lân tinh, thế nào tụi tôi cũng “thịt” được một chiếc tank đi ngủ ngủ dưới kia (!) Chúng tôi nín thở, nép mình trong cỏ, đợi chờ...

Tiếng động cơ đã gầm gừ dưới chân dốc. “*Ím! Ím!...ì...ì...ì...Ím!...*” đoàn xe rồ máy lầy đà leo lên. Thời nhảy toán trong Plei-Trap Valley (1972) tôi đã có dịp nghe tank địch chạy sát bên mình vài lần. Ngoài tiếng động cơ gần từng cơn, tank di chuyển còn gây tiếng “*két! két!*” của xích sắt khi móc xích bám vào guồng quay. Lần này, chiếc tank đang tiến tới không gây ra tiếng “*két! két!*”

Cành lá rung rinh, mặt đất cũng rung rinh khi chiếc chiến xa đầu tiên tiến lên đỉnh dốc. Vòm tre xanh đầu dốc đang bị chẻ đôi bởi chiếc cần cầu trên xe đang di chuyển. Thì ra đó chỉ là một chiếc xe be! Cái cần cầu sơn đỏ của nó cao hơn ngọn tre, nhô lên không. Tôi vội nắm sợi dây ba chạc của chú Chi, ra dấu cho chú đừng phóng viên M72 đi. Dưới đường, chiếc xe be thứ nhứt rồ máy liên tục để lấy đà, kéo chiếc thứ nhì sau lưng. Vì phải kéo một sức

nặng gáp đôi, nên động cơ xe gầm rú dữ dội. Mới nghe, ngỡ tiếng máy xe tank. Chúng tôi thờ phào, nhẹ nhõm. Thoáng chốc, đoàn xe be năm chiếc theo nhau qua con dốc.

Chú Ba làm bầm,

“Đồ phá thói!”

Thấy công việc làm ăn không thuận lợi, tôi cho lệnh cuốn gói. Theo đường tắt, chúng tôi rút về tiền đồn bắc của trại. Khoảng bốn giờ chiều, toán canh gác báo động xa trên Tỉnh Lộ 6C cách trại hai cây số báo cáo có mười hai người dân khai thác lâm sản xin vào trại tá túc vì xe be của họ bị hư không thể chạy về Pleiku. Tôi cho lệnh toán an ninh giữ họ tại chỗ chờ tôi xuống tiếp xúc với họ. Đám dân khai thác gỗ này gồm một phụ nữ, một chú bé và mười đàn ông. Người thiếu phụ tuổi trên dưới ba mươi, nhan sắc dễ coi. Mặt chị ta có một vết chàm trên má. Chị khai là chủ hai chiếc xe be, một chiếc bị Việt-Cộng bắn cháy đầu máy, phải kéo. Qua đoạn đường đèo ngã ba làng Xỏm thì chiếc xe kéo bị *“lột dên”* không tiếp tục được. Họ biết đường vào Plei-Me để đi hơn đường ra căn cứ 711 nên xin vào tá túc. Tôi cho phép đoàn người làm rừng này vào đồn, tạm trú qua đêm trong Câu Lạc Bộ tiểu đoàn.

-Tôi là người quen của Trung Tá Danh...

bà chủ xe be khoe với tôi.

-Tại sao xe của bà bị Việt-Cộng bắn? Bộ bà không đóng thuế cho Cộng-Sản à?

-Hai tuần nay họ ra lệnh cấm xe be vào khu vực quanh Ia-Drang. Vi phạm lệnh cấm là họ bắn. Tụi tui không rõ lệnh này, nên họ bắn bể két nước chiếc xe đi đầu. Tha cho những chiếc chạy sau, rồi đuổi chúng tôi về.

-À ra thế!

Tôi hỏi chuyện những người thợ rừng về tin tức địch, nhưng họ cũng không biết gì hơn. Tôi vào máy, gọi Trung Tá Danh, báo cho anh biết tin tức người quen của anh đang tá túc trong trại Plei-Me, sáng mai đoàn xe của họ sẽ dắt dìu nhau về qua căn cứ 711.

Ngày kế tiếp...

Mặt trời lạng lẽ nghiêng từ từ xuống rặng Chư Prong sát biên giới Việt Miên.

“Oách! Oách! Oách!...Quàng! Quàng! Quạc! ...Ụt! Ụt! Ụt!...” đàn chim khách rời cành, vụt bay lên không. Hương tây, tiếng chim rộ từng chập. Chúng tôi nín thở.

“K’rọc!...K’rọc!...”- “Hừm!...Hừm!...”

Có người đang đi tới! Nhưng tiếng động phát ra nghe lạ quá!

Con cóc Claymore trên tay tôi đã sẵn sàng.

Tiếng **“K’rọc! ...K’rọc! ...”** – **“Hùm! ...Hùm! ...”** gần hơn, tiếp đó là lạo xạo bước chân dẫm trên lá khô. Một bóng người ngã trên đường. Cái bóng dài dần tới gần điểm mốc, ranh giới của tử địa.

“K’rọc! ...K’rọc! ...” – **“Hùm! ...Hùm! ...”** Trong nắng xé tà, một đàn ông Thượng, cời trần, đóng khóa, vuông khăn xéo quấn trên trán, miệng phì phà ống vố, đang vô tư bước trên đường xe be. Tay phải anh ta giữ chuôi con dao quắm vác trên vai. Mỗi khi nuốt xong một đợt khói thuốc, anh chàng này lại háng giọng, **“Hùm!...Hùm!..”** Còn tiếng **“K’rọc!... K’rọc!...”** đều đều là do con dao ngắn trong bao tre trên hông anh ta, lắc lư theo nhịp bước. Anh dân Thượng dừng đỉnh đi qua tử địa. Bóng anh ta mất hút chỗ khúc quanh nơi con đường mòn nhập vào Tỉnh Lộ 6C. Núi rừng lại trở về cảnh cũ, lạnh lùng, vắng lặng.

Chợt bóng chiều. Muối rừng **“O...o...o...”** sau gáy. Sợ địch đánh hơi nghi ngờ, dù nằm cuối gió, chúng tôi cũng không dám xoa thuốc chống vắt, chống muỗi. Những con muỗi quái ác, thấy con mồi không phản ứng tự vệ, nên châm chích trên da thịt chúng tôi một cách thoải mái. Có con bị bội thực, ểnh bụng no máu, lặn kền ra bờ, không bay nổi. Chúng tôi cắn răng chịu đựng nỗi ngứa dày vò, không dám gãi, không dám đuổi xua đàn muỗi đói.

Chợt rừng chiều xào xạc...

“Oách! Oách! Oách!...Quàng! Quàng! Quạc! ...Ụt! Ụt! Ụt!...” Hướng tây, đàn chim khách lại rời cành, vụt bay lên không. Làn này tiếng chim rộn rã, dồn dập hơn làn trước. Rồi chúng tôi thót tim, khi nghe tiếng vó ngựa nện trên đường, **“Lộp cộp!...Lộp cộp!...Lộp cộp!...”**

Tôi hít một hơi dài cho không khí vào đầy lồng phổi. Tay tôi cầm chắc con cóc Claymore. Tôi liếc mắt ra dậu cho chú Ba. Ba gật đầu, tay chú cũng đang nắm chắc một con cóc Claymore.

“Lộp cộp!...Lộp cộp!...Lộp cộp!...”

một con ngựa đen, cao to, chắc nó thuộc giòng giống ngựa thồ, lững thững tới gần bụi lau có đánh mốc bên đường. Trên lưng ngựa là một người to lớn, y phục đen, có dây súng lục đeo chéo qua vai.

Tôi nghiêng rặng, bấm cò con cóc,

“K’rạch!”

Con cóc đã kích hỏa, nhưng quả mìn không nổ!

Con ngựa như nghe được tiếng động lạ, nó đứng dừng lại, hai vó trước dờ hững, quơ quơ lên trời.

“Hí!... Hí!... Hí!...í!...í!...í!...”

Con ngựa cất vó, ngựa cỏ hí. Một cái bóng đen bay vòng qua đầu con ngựa, rơi trong bụi lau bên kia đường.

“Oành!”

quả Claymore của Hạ Sĩ Ba nổ! Ào ào một cơn lốc bụi đỏ bốc lên, kéo theo cành lá gãy. Tiếp đó,

“Rẹt! Rẹt! Rẹt!...”

bầy khẩu M16 bắn chéo nhau, đạn đạn sát mặt đất.

Con chiến mã quằn quại trên mặt đường xe be, miệng phì phì sùi bọt.

Tôi và Trung Sĩ Chi tiến ra chặn nút hai đầu đường. Hạ Sĩ Ba và bốn tay súng băng nhanh qua đường, kiểm soát kết quả. Minh ngựa bị ghim đầy vết mìn Claymore và vết đạn M16. Nhưng trong vòng bán kính một trăm mét, chúng tôi không tìm ra dấu tích của chủ nó. Đại Đội 3/82 của Thiếu Úy Phạm Đại Việt đang hoạt động vùng tây bắc Plei-Me được điều động hỏa tốc tiến về hướng bắc, ngăn chặn con đường về làng Gà.

Suốt ngày hôm sau, chúng tôi lục soát từng tấc đất quanh vùng tử địa. Nơi con suối hướng bắc con đường, chúng tôi tìm được dấu giày lựu lại của con mồi. Con mồi đã thoát thân thảng về hướng bắc.

Tôi kiểm lại quả Claymore của tôi thì phát giác ra rằng, sức điện đã làm đứt một trong hai sợi dây chì gắn vào đầu ngòi nổ, khiến dòng điện bị ngắt, trái mìn câm.

Chú Chi cảm râm,

“Chắc thằng ‘cội’ này có bùa!...”

Ít lâu sau...

Trung Đoàn 42 SĐ22 Bộ Binh chuyển vùng hoạt động về Bình-Định, căn cứ 711 được bàn giao cho Liên Đoàn 24 BĐQ trách nhiệm. Lúc này vùng hành quân của TĐ 82 BĐQ được thu hẹp lại về hướng nam hai cây số. Làng Xổm nằm trong vùng trách nhiệm của TĐ81 BĐQ. Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Lân đã đặt bản doanh Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 81BĐQ của ông ngay dưới chân ngọn núi lửa nơi ngã ba làng Xổm.

Trưa 27 tháng 7 năm 1974 chiến dịch tấn công xóa sổ đồn Plei-Me mở màn. Với sự yểm trợ trực tiếp của một tiểu đoàn pháo, Trung Đoàn 64 SĐ 320 CSBV hướng bắc, Trung Đoàn 48 SĐ 320 CSBV hướng nam, đồng loạt mở một cuộc bôn tập tập kích hai tiểu đoàn Biệt Động Quân đang hành quân mở đường dọc Tỉnh Lộ 6C.

Sau hòa đàm Paris, chiến thuật bôn tập tập kích đã được các đơn vị Cộng-Sản thuộc Mặt Trận B3 áp dụng một cách bài bản và hiệu quả. Chiến thuật này là một sự phối hợp nhịp nhàng giữa pháo kích và di chuyển tập kích. Bộ binh địch khẩn cấp di chuyển băng rừng tiến tới mục tiêu, trong khi pháo địch tác xạ tối đa trên vị trí quân ta. Khi pháo địch vừa ngừng thì bộ binh địch đã ở ké bên ta rồi. Ta chưa kịp chấn chỉnh đội hình thì địch đã xung phong. Vì vậy,

ngay đợt xung phong đầu, Việt-Cộng đã chặt đầu Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Lân, vị tiểu đoàn trưởng của TĐ81 BĐQ bên chân núi lửa. Cùng ngày, chúng đã bắt làm tù binh ông tiểu đoàn phó TĐ81 BĐQ là Thiếu Tá Trần Văn Ngọc (K18 VB). Trong khi đó, tại mặt trận phía nam, Trung Đoàn 48 SĐ 320 của địch không tiến được bước nào. Suốt ngày 27 tháng 7 năm 1974, ba đợt tập kích của địch đều bị chặn đánh từ xa bởi những toán viễn thám. Pháo địch dứt, nhưng tiền quân địch chưa tới mục tiêu. Khi lực lượng tập kích địch tới được mục tiêu thì khả năng tác chiến đã giảm đi nhiều. Mục tiêu của địch là con đường, nhưng trên mặt đường và hai bên đường trống trơn, địch xung phong vào chôn không người. Trước đó, pháo địch nổ dày đặc trên mặt Tỉnh Lộ 6C chỉ cày xới đất đá vô tri, vì quân mở đường của TĐ82 BĐQ không trải dài trên trục lộ như thói quen của các đơn vị khác khi hành quân khai lộ, mà đóng chốt chặn các trục xâm nhập bằng cấp đại đội với hố cá nhân và giao thông hào. Cách bố quân dã ngoại đặc biệt lạ lùng này của TĐ82 BĐQ đã khiến Trung Đoàn 48 SĐ 320 CSBV không thi thố được sở trường bôn tập của nó. Lần đầu tiên trên chiến trường Tây-Nguyên, chiến thuật bôn tập, tập kích của Mặt Trận B3 thất bại.

Những ngày sau đó, tiền đồn Plei-Me bị cô lập, và địch lại tiếp tục cái màn xa luân chiến. Hết Trung Đoàn 48 SĐ 320 đến Trung Đoàn 64 SĐ 320, rồi tới Trung đoàn 26 Địa Phương của Mặt Trận B3 thay nhau phơi thây trên các lớp rào kẽm gai phòng thủ Plei-Me. Hai mươi đợt biển người, biển lửa, mưa pháo, mưa truyền đơn của Sư Đoàn Điện-Biên vẫn không hạ nổi lá cờ vàng ba sọc đỏ phần phật tung bay trên ngọn cột gỗ giữa sân tiền đồn biên phòng này. Trận đánh đã kéo dài ba mươi tư ngày đêm.

Sáng ngày 2 tháng 9 năm 1974 chiến dịch vây hãm Plei-Me chấm dứt. Thêm một lần đụng độ, “*Thằng Hai Nâu*” đã chứng tỏ cho địch biết rằng, ở Tây-Nguyên, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân là một địch thủ vô cùng lợi hại, một địch thủ chúng không thể đánh bại. Trung Đoàn 48 SĐ 320 là đơn vị địch bị thiệt hại nặng nề nhất trong đợt cao điểm này. Trung đoàn này phải rút về biên giới để bổ sung và tái huấn luyện.

Tới đầu năm 1975, Trung Đoàn 48 Sư Đoàn 320 được giao nhiệm vụ chủ công trong chiến dịch tấn công Ban-Mê-Thuột. Lúc đó Tiểu Đoàn 82 BĐQ đã chuyển vùng về bảo vệ tỉnh Quảng-Đức. Vì thế “*Thằng Hai Nâu*” và những đơn vị trực thuộc SĐ 320 Điện-Biên CSBV không còn dịp nào chạm mặt nhau nữa...

Sài Gòn, ngày 7 tháng 5 năm 1975,

Hai chiếc xe con của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam ngừng lại nơi đầu hẻm TK9, phường Nguyễn Cảnh Chân, Quận 2, Sài Gòn. Một người cao lớn, bận quân phục lực lượng vũ trang Cộng-Sản Bắc-Việt bước xuống từ chiếc xe thứ nhất. Ông ta trạc tuổi trên bốn mươi, đeo kính râm, cặp da, súng ngắn. Ve áo ông ta lấp lánh quân hàm thượng tá của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam, với ba sao, hai gạch vàng, trên nền nỉ đỏ. Xe thứ nhì có máy truyền tin với bốn bộ đội trang bị AK. Người sĩ quan Bắc-Việt cùng hai hộ tống viên đi vào ngõ TK9, tìm địa chỉ.

Tới căn lầu đúc gần cuối hẻm, họ dừng lại. Người sĩ quan CSBV cất tiếng hỏi,

-Phải nhà này có Vương Mộng Long không?

Lúc đó tôi đang ngồi đọc báo nơi phòng khách. Tôi ở nhà một mình. Mẹ tôi đi vắng. Bà cụ lên Ban-Mê-Thuật để tìm kiếm vợ con tôi.

-Phải! Các ông cần gì?

-Tôi muốn gặp Vương Mộng Long.

Thấy có người trang bị súng ống đến tận nhà gọi đích danh mình, tôi liền tưởng ngay tới một vụ bắt bớ. Tuy hơi chột dạ, nhưng tôi vẫn từ tốn trả lời,

-Tôi đây!

-À! Anh Long đây hử? Anh Long có mạnh khỏe không?

-Cám ơn ông, tôi vẫn khỏe.

Ông thượng tá Quân-Đội Bắc-Việt quan sát tôi vài giây rồi nói,

-Vất vả hai ngày nay tôi mới tìm được địa chỉ của anh. Tôi có chuyện muốn nói với anh, anh có vui lòng tiếp tôi hay không?

-Vâng, mời ông vào nhà.

Đề hai cận vệ đứng gác bên cửa ngăn đám trẻ con hàng xóm tò mò bu quanh, người sĩ quan CSBV bước vào nhà tôi. Ông ta không hề đảo mắt quan sát căn phòng khách. Ít người có thái độ thế này khi vào nhà người lạ. Ông gỡ cặp kính đen, bỏ mũ xuống mặt bàn, chìa tay ra cho tôi bắt. Bàn tay to lớn, sần sùi, rắn chắc, nhưng rất ấm. Rồi ngồi ngay xuống ghế, với giọng oang oang, tiếng Bắc, pha chút âm sắc lơ lơ Thượng-Du Bắc-Việt, ông ta mở lời,

- Anh Long có nhận ra tôi không?

- Xin lỗi! Ông là ai? Tôi không nhớ đã gặp ông lúc nào.

-Tôi là người bị anh giết hụt ở Tây-Nguyên cách đây một năm.

-À...

-Tháng Sáu năm ngoái, anh đã phục kích tôi ở làng Xỏm. Con ngựa của tôi bị bắn chết, nhưng tôi thoát. Tôi muốn gặp anh, xem mặt anh, nói chuyện với anh vài phút. Thế nào, có được không?

-Ừ...ừ.. Ông cứ tự nhiên...

Đôi mắt ông khách sáng quắc, giọng nói của ông oang oang, cung cách của ông thật là chất phác thực thà. Lần lượt, ông thượng tá hỏi qua quẻ quán của tôi nơi nào ngoài Bắc? Năm nào gia đình tôi vào Nam? Gia cảnh tôi thế nào? Vợ con tôi ra sao? Tôi tình nguyện đi lính Ngụy hay đã bị bắt lính, động viên? Bao nhiêu lần thương tật? Bao nhiêu lần được tặng thưởng huân chương? Qua thái độ và giọng nói của ông ta, tôi thấy người địch thủ cũ của mình không có ý tầm thù. Vì thế, lòng tôi cũng cảm thấy bớt lo ngại.

Người sĩ quan Bắc-Việt ôn lại chuyện xảy ra trong những ngày tháng khói lửa mịt mù ở Điện-Biên-Phủ, ở Quảng -Trị, ở Tây-Nguyên.

Ông khách thao thao,

-Tớ là con quan Lang xứ Cao-Bằng. Mười bảy tuổi tớ vào bộ đội đánh Tây. Tớ phục vụ Sư Đoàn 320 từ ngày thành lập, cho tới tận bây giờ. Đánh Điện-Biên tớ làm đại đội trưởng. Tới thời đi B, xâm nhập Miền Nam, tớ làm trung đoàn trưởng. Mười năm đánh Tây, hai mươi năm chống Mỹ, vào sinh, ra tử. Giờ này mới thấy hòa bình...

Ông khách kể tự truyện, theo đó, trước 1945 ông học trường Tây ở Hà-Nội. Ông sắp thi “Diplôme” thì Cách Mạng Tháng Tám xảy ra, ông đi theo kháng chiến, giữ chân liên lạc viên, rồi thành bộ đội. Ông kể chuyện đánh thắng Điện-Biên, thời Tây, chuyện giải phóng Tân-Cảnh, thời Ngụy, chuyện hai lần suýt bị máy bay B 52 làm cỏ ở Pơ-Lây Cản (Ben Het), chuyện Sư đoàn 320 Điện-Biên CSBV rời địa bàn Kontum, chia đôi, một nửa về chiến trường Bình-Định, một nửa xuôi Jarai. Rồi khách rầu rầu vấn tắt nhắc trận thư hùng tháng Tư năm 1974 bên bờ Suối Mé (căn cứ 711). Trận này, sau khi dùng hơi ngạt để tấn công tôi, suýt tí nữa ông ta đã bắt sống được tôi, nhưng cuối cùng, ông ta đã thua tôi (TĐ82 BĐQ).

Khi kể tới trận vây đồn Plei-Me 34 ngày đêm (tháng 7 và 8 năm 1974) ông ta la lớn,

-Đúng là kỳ phùng địch thủ! Tớ không ngờ trên đời lại có thằng lì như cậu! Hết xung phong tới pháo, hết pháo tới truyền đơn, hết truyền đơn lại pháo. Vậy mà cậu vẫn không chịu đầu hàng! Cuối cùng tụi tớ phải bỏ cuộc! Góm thật!

Sau câu, “Góm thật!” ông ta vỗ đùi đánh “độp!” một cái, rồi nhìn tôi, tán dương,

-Lì thật! Tớ khen cậu đó!

Tiếp theo, khách thao thao về chiến tích của trung đoàn chủ công giải phóng Buôn- Ma -Thuột tháng Ba năm 1975 và màn bôn tập Quân Đoàn II Ngụy trên đường rút chạy. Với chiến công này, ông trung tá trung đoàn trưởng CSBV đã được thăng cấp thượng tá.

Khách nói nhiều hơn chủ nhà. Khách nói say mê, miên man, trong lúc chủ nhà chỉ ậm ừ. Ông ta là kẻ chiến thắng, có thể để nói. Tôi là người thua trận,

mở miệng mắc quai. Trên môi khách là nụ cười tự hào. Trên môi tôi, nụ cười như mếu.

Trong dịp gặp mặt ngày hôm ấy, ít nhất, đã ba lần, ông ta thắc mắc,
– *Động cơ nào khiến cậu chiến đấu một cách ngoan cường, lì lợm như thế?*

Tôi chỉ trả lời thật gọn,

– *Vì chữ hiếu!*

Nghe vậy, ông ta có vẻ không thỏa mãn với câu trả lời của tôi, nhưng ông ta cũng không gắng hỏi thêm.

Cuộc thăm viếng chấm dứt, tôi tiễn người khách không hẹn gặp ra về.

Nơi bực cửa, khách nhìn vào mặt tôi, dịu giọng như thông cảm,

– *Tôi còn ở Sài Gòn ít lâu nữa. Tôi được đề cử vào đây dự lễ nhận huân chương do Bác Tôn trao tặng. Trước lúc chia tay, tôi muốn nói với anh rằng, chúng ta đã đánh nhau hai lần trên Tây-Nguyên, hai lần bắt phân thắng bại. Cuối cùng, anh là người thua trận. Dù rằng anh là lính Ngụy, tôi vẫn coi trọng anh, vì anh là một ngôi sao sáng hiếm hoi. Tôi với anh như Sao Hôm với Sao Mai, anh sáng thì tôi tối, anh tối thì tôi sáng. Hôm nay tôi đến thăm anh, an ủi đôi lời. Thương cho anh, một vì sao rụng.*

– *Cám ơn ông.*

Vào lúc người sĩ quan Cộng-Sản cất bước, tôi cố với theo,

– *Ở suối Mé ông giết hụt tôi. Ở làng Xổm tôi giết hụt ông. Thế là hòa. Còn trận Plei-Me ba mươi tư ngày đêm, thì ông thua tôi rành rành. Về cái vụ Ban-Mê-Thuật, tôi công nhận, ông đã chiến thắng. Nhưng người đánh nhau với ông ở Ban-Mê-Thuật không phải là tôi.*

– *Anh nói đúng. Trong trận Buôn-Ma-Thuật không có “Thằng Hai Nâu”. Và trong số những người bị tôi bắt, không có anh...*

Khi thốt ra những lời cuối cùng này, mặt ông ta hơi sầm lại, ngưng ngưng.

Vài phút sau, hai chiếc xe con của Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam và người khách không mời rời con hẻm.



Đầu năm 1988 tôi được tha từ trại cải tạo Z30D Hàm-Tân, Thuận-Hải.

Tháng 11 năm 1988, tôi nộp đơn xin xuất cảnh sang Hoa-Kỳ tỵ nạn.

Từ tháng Giêng năm 1990, những người bạn nộp đơn xin xuất cảnh cùng thời với tôi như Phan Trần Bảo (Cảnh Sát), Đỗ Dũng (KQ), Lý Ngọc Châu (BĐQ) vân vân, đều đã lên danh sách, chờ ngày phỏng vấn. Riêng hồ sơ của tôi và hai anh bạn Nguyễn Thanh Danh (K19VB) và Lê Văn Đẻ (BĐQ) vẫn bật vô âm tín.

Tháng 8 năm 1990 tôi tới sở Công-An Quận 1 Thành Phố Hồ Chí Minh để hỏi hồ sơ của mình thì được biết, cô Huyền, người nữ Công-An phụ trách hồ sơ của tôi đang nghỉ phép đẻ. Sau khi đẻ, cô ta lại chuẩn bị theo học một lớp Anh-Văn kéo dài nửa năm. Một anh bạn gốc Không-Quân đã giúp tôi rút hồ sơ ra để chuyển lên Sở Ngoại-Vụ. Anh Danh và anh Đề cũng vừa lấy được hồ sơ ra, họ rủ tôi đi Hà-Nội làm thủ tục xuất cảnh để được cứu xét nhanh hơn. Người ta nói rằng, nếu đem hồ sơ ra Hà-Nội nộp cho Phòng Xuất Cảnh Bộ Ngoại-Giao, sẽ lướt qua ít nhứt vài ba danh sách.

Hà-Nội, với tôi, cũng có chút kỷ niệm riêng tư thuở ấu thơ. Tôi vẫn mong một dịp nào đó trong đời, về lại chốn này, tìm dư hương ngày cũ.

Tôi đạp xe một vòng quanh Sài Gòn, gặp người quen, xin viện trợ. Trung Tá Bùi Văn Huân, cựu Liên Đoàn Trường Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân giúp tôi 100 nghìn đồng. Bạn tôi, (TQLC) Mai Văn Tấn (K21VB) cho tôi 100 nghìn đồng. Và anh Vũ Văn Ích, một người anh con dì con già của tôi cũng giúp tôi 100 nghìn đồng nữa. Thế là tôi có đủ lộ phí lên đường về Hà-Nội.

Hà-Nội, một ngày tháng 8 năm 1990...

Tôi xuống ga Hàng-Cỏ vào buổi chiều. Thành phố thật rộn rịp đông vui, đầy người qua, kẻ lại. Loa phóng thanh trên cột điện bên đường và trên cổng vào ga đang oang oang phát đi những bài hùng ca thời chiến tranh chống Mỹ. Tôi bước vội qua đường, vì nhìn thấy bên phải con đường đâm thẳng vào cổng ga có cái bảng hiệu một khách sạn bình dân. Tôi vừa đặt chân trên lề phố bên kia, một người đàn ông lớn tuổi đã đứng chờ, dơ tay ngoắc,

– Tìm nhà trọ phải không?

– Phải...

– Phòng ngủ quốc doanh bảy nghìn một đêm, nước tắm giới hạn, khổ lắm! Về nhà tôi, năm nghìn một đêm, nước nôi thả cửa...

Tôi không tin lời người đàn ông này. Tôi vào phòng ngủ quốc doanh.

– Một người, bảy nghìn một đêm, cứ thêm một người, tính thêm ba nghìn...

tiếp viên phòng ngủ quốc doanh cho giá cả một cách dứt khoát.

Tôi bước ra cửa, người đàn ông đứng tuổi đã chờ sẵn,

– Bên kia đường...theo tôi...

Tôi theo chân người chủ nhà vào khu cư ngụ của công chức về hưu, đối diện với khách sạn quốc doanh. Khu cư xá này có khoảng trên dưới chục căn phòng. Ông chủ nhà trọ dẫn tôi vào căn phòng bên trái cư xá,

– Nhà tôi đây...

Rồi ông ta chỉ cho tôi cái sạp gỗ bên phải buồng ngủ,

– Chú ngủ ở đây. Cái tủ đứng có năm ngăn, ngăn thứ nhất dành cho chú, chìa khóa nằm trong ngăn tủ, đi đâu nhớ khóa ngăn của chú lại. Tắm giặt thì ra đằng sau nhà, có mười phòng tắm, nước chảy cả ngày. Bên khách sạn quốc

doanh không có nước xông ten, tắm theo tiêu chuẩn, một thùng hai chục lít. Bên này, chú tắm chán thì thôi...

Ông chủ dẫn tôi ra sau nhà, nơi đây có một dãy mười phòng tắm có vòi hoa sen thơm mát sạch sẽ. Tôi thay bộ quần áo đi đường đầy bụi bặm chuẩn bị đi giặt. Ông chủ nhà lại ra đi. Tôi tắm giặt xong, quay về buồng thì ông chủ cũng trở lại, theo chân ông là một khách đàn bà. Cô ta sẽ nằm trên cái sạp đối diện với tôi. Học tử thứ nhì của chiếc tử đứng thuộc quyền cô ta. Một cái sạp, một ngăn tử, tắm giặt thả giàn, năm nghìn một đêm, rẻ chán!

Ông chủ nhà ngủ trên cái sạp sát tường, cách đầu giường tôi và đầu giường cô gái một lối đi rộng hai thước. Ba cái sạp kê thành hình chữ “U”. Ba người nằm trong một căn phòng hẹp, một người phát ngôn, hai người kia đều nghe rõ...

– Này! Chú em nhà ở đâu mà phải ngủ ghé, không về?

ông chủ nhà gọi chuyện.

– Hải-Dương

– Hải-Dương xe chạy cả đêm, sao không về?

– Tôi có việc phải ở Hà-Nội vài ngày...

– Ủ hử! Vậy chứ chú em làm nghề gì?

– Buôn bán làng nhàng, theo tàu, ngược Bắc, xuôi Nam...

– Có thường ghé Sài Gòn không?

– Chuyến nào mà chẳng ghé...

– Ba, bốn năm nay anh không ghé Sài Gòn, bây giờ chắc đông, vui lắm nhỉ?

– Vâng, đông lắm, vui lắm...vậy chứ bác đã ở Sài Gòn hờ? Bác làm gì trong đó?

– Tớ dạy học. Tớ dạy Đại-Học Khoa-Học...

– Ủa! Vậy ra bác là giáo sư...

– Tớ dạy đại học từ bảy năm (1975) tới tám năm (1985). Tám năm thì tớ về “hiu”...

– Tám năm, bác còn trẻ, sao về hưu sớm thế?

– Về vườn thì đúng hơn. Mới giải phóng, chúng nó cần mình. Sau...chúng nó thái mình, cho họ hàng, bà con, anh em, con cái chúng nó thay mình, kiếm ăn...

– Bác dạy môn gì trong thời gian đó? Chắc bác có bằng cao học, hay tiến sĩ?

– Bằng cấp con khi mốc! Tớ đang học lớp ba, chưa thi Sơ-Học Yếu-Lược (thời Tây) thì xảy ra cách mạng. Ba mươi năm theo Đảng, vốn liếng của tớ chỉ có mớ lý thuyết Cộng-Sản thuộc nằm lòng. Giải phóng Miền Nam xong, Đảng ủy yêu cầu tớ dạy Lý Thuyết Đảng cho học sinh đại học. Lúc đầu tớ cũng khộp, không dám nhận. Sau đó tớ đánh liều. Mà quả thật, có ai biết mình là

thằng dốt đâu? Mười năm, nhờ ơn Đảng, tiếng nói của một thằng i tờ rít như tờ tự nhiên có trọng lượng...học sinh nghe theo rầm rập...

– Rồi sau đó...

– Rồi sau đó ư? Tụi nhỏ du học Liên-Xô, Tiệp-Khắc trở về. Chúng nó thay chân những tên i tờ như tờ... tờ về “hiu”, xin được căn hộ này để ở. Già rồi, không ai thèm thuê mượn, tờ đành kiếm khách lỡ độ đường, cho họ trọ qua đêm, kiếm cơm...

– Chắc cuộc sống của bác cũng khấm khá?

– Bữa no, bù bữa đói. Mưa thuận gió hòa thì có đồng ra, đồng vào. Giông bão vài ngày, không có khách, là meo mả rồi. Sung sướng gì đâu em ơi!

Tôi trải cái bản đồ thành phố Hà-Nội trên sạp, dò tìm con phố Hàng Bài. Cô khách trọ cùng phòng tò mò rướn cổ sang theo dõi,

– Tìm cái gì đấy hở?...

– Phố Hàng Bài...

– Hơi xa đấy nhá! Cứ gọi xích lô là đến ngay! Tìm làm gì cho mệt xác!

Ông chủ nhà nằm ngửa, mắt lim dim nhìn trần nhà, miệng cười hì hì,

– Chú em đi buôn đường Sài-gòn, Hà-Nội mà không biết phố Hàng Bài ở đâu thì có ngày ló ngớ đem hàng nộp cho dinh Thủ-Tướng...

Tôi đành nhỏ giọng, thú thật,

– Tôi là sĩ quan của Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, cùm tù cải tạo. Tôi ra Hà-Nội để nộp đơn đi Mỹ...

– Tôi cũng đã nghi như thế, khi nghe giọng nói của chú em không còn thuần túy Hải-Dương. Chỉ vì tôi cũng là dân Hải-Dương. Trước chú, đã có đôi người của chế độ Sài-gòn cũ ghé đây, ngủ trọ, nộp đơn, chờ ngày ra đi. Mỹ quốc là thiên đường cho những người sa cơ, lỡ vận. Đòi chú như thế là may mắn lắm rồi...

Ông giáo sư đại học về hưu thờ dài,

– Con đường của chú đi, thấy sai mà đúng. Con đường của chúng tôi đi, thấy đúng lại sai...

Đêm xuống đã lâu, phố phường bớt người qua lại, nhưng trên đài phát thanh Hà-Nội, Tô Lan Phương còn đang biểu diễn bài “*Cô Gái Vót Chông*”. Giọng cô Ca-Sĩ Nhân-Dân cao vút, nhọn hoắt như những ngọn chông tre. Những ngọn chông tre thời chống Mỹ, từ trên cột đèn và cổng nhà ga, theo nhau tới tấp lao vào màng nhĩ khách bộ hành. Ông chủ nhà thấp ngọn đèn dầu đặt trên nóc tủ. Ông tắt điện, căn phòng chột tối. Cánh cửa gỗ khép lại, cài then. Gỗ cửa khá dày, những ngọn chông Tô Lan Phương bị chặn lại ngoài hiên.

Sau mấy ngày ngồi gặt gù trên xe lừa, tôi thấy cái sạp gỗ của nhà trọ êm ái quá. Tôi nằm duỗi thẳng cẳng để cảm thấy xương cốt mình như đang mềm đi, đang giãn ra. Từ giường bên kia, giọng cô gái trẻ bắt đầu,

“Anh ở đầu sông, em cuối sông...”

Giọng cô ta không cao vút, không nhọn hoắt, nhưng tôi chỉ nghe được câu đầu của bài ca, hai mi mắt tôi đã sụp xuống rồi. Một đêm qua êm đềm, không mộng mị.

Mười giờ sáng hôm sau, tôi rời phố Hàng Bài khi vừa hoàn tất việc nộp hồ sơ xin xuất cảnh. Một ngày rảnh rỗi, tôi lang thang trên ba mươi sáu phố phường Hà-Nội. Ở đây chỉ có những con đường nhỏ hẹp như đường phố cổ Hội-An trong Nam. Tiếng chuông xe điện *“leng keng!...leng keng!...”* làm cho thành phố này già nua thêm. Mặt trời đứng bóng, nắng hanh, tôi tạt về hướng hồ Hoàn-Kiến. Xung quanh một góc si cổ thụ, khách quây quần bên những gánh quà vặt, chè, thạch, óc đậu, kem quay, bánh tôm, bún chả, cháo lòng, thịt bò khô, khoai ngô nướng, nước chè tươi ...

– Chè đổ đen đi chú em...

-Cho tôi một bát.

Bà bán hàng đang múc chè vào bát, chọt ngừng tay, reo lên,

– Ông đại tá tới rồi, chè đổ đen nhá?

Tôi giật mình,

“Chẳng lẽ bà này quen mình, gọi đùa mình là đại tá?”

Nhưng tôi lầm, bà bán chè vừa nói với một phu xích lô mới ngừng bên lề. Trả lời bà, một giọng đàn ông oang oang,

– Bát to đấy nhá! Để lấy sức cuốc một ngày.

– Vâng, bát to. Mỗi ngày một bát chè to cho ông đại tá Điện-Biên, Tây-Nguyên lấy sức “đánh”...xích lô.

Ông phu xích lô ghé đít xuống chiếc ghế con, chiếc ghế quá nhỏ, so với cái mông đồ sộ của ông. Đưa tay quệt mồ hôi trên trán, người phu xe già than thờ,

– Hôm nay ế ẩm, từ sáng tới giờ chưa được cuốc nào. Chán bỏ xừ...

– Đại tá mua gạo tháng này chưa? Gạo này tem phiếu giá chui cao quá...

– Nhà này ăn đông từng ngày. Tiền đâu mà mua tem, mua phiếu...Mẹ kiếp! Hồi xưa đánh Tây đánh Mỹ, nó cần mình. Bây giờ hòa bình, nó đuổi mình ra, nó ăn cả, đồ chó má!

Thấy tôi trở mắt theo dõi câu chuyện đổi trao giữa hai người, bà bán chè giải thích,

– Ông đại tá một đời theo Đảng. Anh hùng Điện-Biên, Tây-Nguyên đấy! Đáng nể ra, những người có công với tổ quốc, với cách mạng như ông phải được chiếu cố đặc biệt mới đúng. Ai đời! Anh hùng quân đội nhân dân mà sáu chục tuổi đầu còn phải đi đập xích lô để kiếm sống thì quả là tội nghiệp quá!

Người phu xe già thờ dài,

– Chúng nó vắt chanh bỏ vỏ. Lốp chúng tớ hết thời rồi. Bây giờ, thân tớ ví như...một vì sao rụng.

Tôi giật mình, bốn tiếng “*một vì sao rụng*” hình như tôi đã nghe một lần ở đâu đó, lâu rồi...

Tôi vừa nhướng mắt quan sát, vừa moi trí nhớ, xem ông già này có nét gì quen không, thì bên bờ hồ có tiếng gọi,

– Xích lô! Xích lô!

Người phu xe chống hai tay lên đùi lấy đà, nhồm dậm thật nhanh,

– Mai tôi già tiền nhớ! Có khách, không lệ căng, thẳng khác nắn tay trên...

– Được mà! Khách quen, mai già cũng được mà...

Tôi đang tính bắt chuyện với ông đại tá thì ông đã nhanh chân đẩy xe sang bên kia đường rước khách. Tiếc rằng cuộc hội ngộ mười lăm năm trước (tháng 5 năm 1975) quá ngắn ngủi, tôi không nhớ rõ nét mặt của người khách lạ đã tới căn lầu đúc trong hẻm TK9, phường Nguyễn Cảnh Chân, Quận 2 thăm tôi, một tuần lễ sau ngày Sài Gòn thất thủ. Tôi cố ôn chuyện cũ trong óc, gọi lại hình dáng năm xưa của ông thượng tá. Ông thượng tá Điện-Biên, anh hùng Quân-Đội Nhân-Dân Việt-Nam có đôi vai ngang, người phu xe già... cũng có đôi vai ngang. Thêm vào đó, thân hình người phu xe già cũng vạm vỡ, cao lớn, tiếng nói cũng oang oang, lơ lớ như ông thượng tá con quan Lang xứ Cao-Bằng.

Khi chiếc xích lô lẩn trong dòng xe nườm nượp giữa thủ đô, tôi cũng đứng dậy tiếp tục lang thang quanh bờ hồ.

Suốt ngày hôm ấy, trong óc tôi cứ lờn vờn hình ảnh người phu xe già, với câu than thờ,

“Bây giờ, thân tớ ví như...một vì sao rụng”

Đêm thứ nhì, cũng là đêm cuối cùng trên đất Thăng-Long, tôi đứng bên này đường, trong ánh điện mờ. Bên kia đường là ga Hàng-Cỏ. Nơi này, bố tôi đã đưa tiễn mẹ con tôi lên tàu hỏa xuôi Hải-Dương, ngày tôi tròn bốn tuổi. Hôm ấy (1946) bố tôi bế tôi trên tay, tôi bập bẹ bài hát trẻ con đương thời hay hát, “*Ai yêu Bác...hơn chúng em...*”

Bố bịt mồm tôi lại,

–Con ơi! Đừng hát bài này, bài hát không hay...Con hãy hứa với Bố, con sẽ không hát bài này nữa nhé!

Mẹ tôi gạt nước mắt, bế tôi lên tàu. Đứng bên đường, cạnh chiếc xe đạp, bố vẫy tay.

Bố con tôi, từ đó, cho tới suốt đời tôi, không còn gặp nhau nữa. Vì hai năm sau, bố tôi đã bị giết. Những người mê say “*bài hát không hay*” đã giết bố tôi...

Mới đó, mà hơn bốn mươi năm qua! Đêm nay, trước ga Hàng-Cỏ, đứng bên cái cột đèn, nơi ngày xưa bố tôi đã đứng vẫy tay, tôi gọi thầm trong nước mắt, **“Bố ơi! Bố ơi!...Con nhớ Bố! Con thương Bố! Bố ơi!...”**

Năm giờ sáng hôm sau tôi phải vào ga để lên tàu về lại Sài Gòn. Ông chủ nhà dậy sớm khui gói chè mót câu Thái-Nguyên pha tiễn khách. Tôi bắt tay, nói lời cảm ơn người chủ nhà trọ, rồi bước ra đường.

Sáng mùa Thu Hà-Nội, buồn hắt hiu. Heo may nhẹ nhẹ. Điện đường lập lòe. Quán hàng còn đóng cửa. Vài chiếc xích lô vội vàng đưa khách vào ga. Còi tàu rúc từng hồi. Loa phóng thanh trên cột đèn và trên cổng ga còn im tiếng, vì chưa tới giờ phát đi những “*bài hát không hay*”.

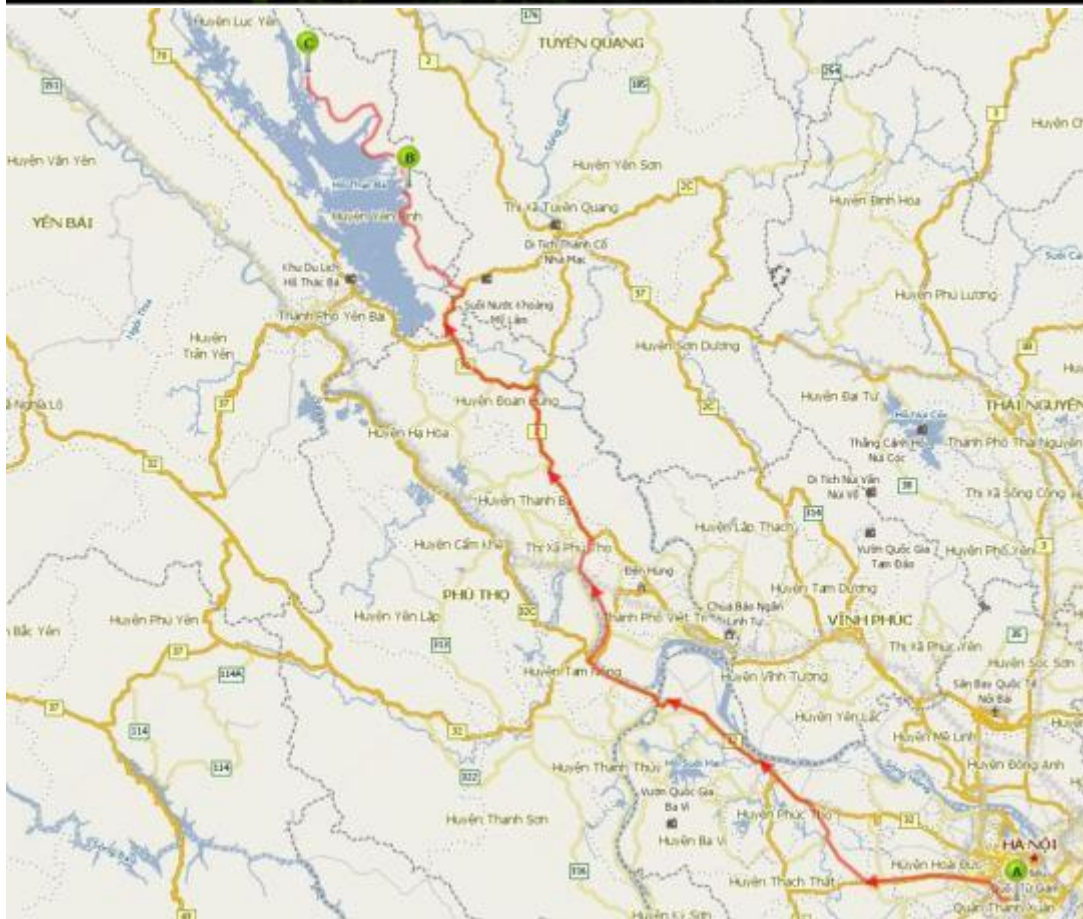
Đứng trên sân ga Hàng-Cỏ, lòng tôi man mác băng khuâng. Vùng dương đang lên. Sao Mai mờ dần. Chân trời hừng đông màu tím nhạt. Có đôi vì sao đang rơi trong không trung mờ ảo mệnh mông...

VƯƠNG MỘNG LONG

Seattle, tháng 5 năm 2007

(Bài đăng trong Đặc San 1 của CSVSQ Khóa 20/TVBQGVN)

BÊN HỒ THÁC BÀ, VƯƠNG MỘNG LONG (BĐQ)



BÊN HỒ THÁC BÀ
(TRÍCH HỒI KÝ CỦA VƯƠNG MỘNG LONG-K20)

Một năm sau khi Miền Nam thất thủ, hàng ngàn sĩ quan QLVNCH đã bị lưu đày lao động khổ sai nơi Làng Đá, Cẩm-Nhân, đầu nguồn hồ Thác-Bà, Yên-Bái, Hoàng-Liên-Sơn.

Sau đây là một truyện kể về đời tù nơi ấy năm 1977...

Tháng Năm, trời không còn lạnh lắm, hoa đậu phộng đã rụng, râu bắp đã teo, nhưng mùa màng chưa thu hoạch.

Đối với những người tù cải tạo trong trại T4 Cẩm-Nhân, thì mùa này ngày dài hơn, cơn đói cũng kéo dài hơn...

Nơi khúc quanh con lộ đá, sát mé nước hồ Thác-Bà, có một bãi tăng gia sản xuất “cải thiện” đời sống của bộ đội thuộc Đoàn 776 Cộng-Sản.

Vườn bắp nơi đây tốt giống, tốt nước, nên trái nào, trái nấy no tròn, mập mập thấy phát thèm...

Một ngày, giờ đứng bóng, có một anh tù đứng bên một đồng lửa đang cháy lớn trên triền đồi; anh ta đang nướng bắp non.

Bắp anh đang nướng là bắp ăn trộm từ cái rẫy bên hồ của cán bộ.

Những bạn tù khác vác củi đi ngang qua khúc quanh, đều được anh ném tặng một, hai cái bắp nướng, nóng hổi, thơm ngon, ngọt lịm.

Không ai nhìn rõ mặt anh tù vô kỷ luật đó, vì anh ta đội nón sụp tới mắt; mặt và cổ anh lại quấn một vuông khăn đen, mặc dù trời không lạnh.

Anh ta khôn lanh đứng giữa khoảng trống, có thể quan sát tới khúc quanh rẽ vào Trại 4, đồng thời nhìn rõ cả những bóng người di chuyển nơi cổng Trại 9 bờ bên kia.

Sau lưng anh là rừng già. Bìa rừng già có một nhà sư ẩn mình canh gác cho anh.

Nhiều người biết nhà sư này là cựu Đại Úy Lê Thái Bình, Tuyên-Úy Phật-Giáo của Tiểu-Khu Phú-Bồn.

Những người tù vác củi về sớm không được phép nhập trại, họ phải tập trung nơi chuồng lợn, cách trại chừng hai trăm mét chờ tới hết giờ lao động.

Không rõ có anh “ăng-ten” nào lên về báo cáo gì với cán bộ trại hay không, nhưng gần một chục tay súng AK đã hộc tốc, vội vã chạy ra bờ hồ truy lùng anh tù “phá hoại”.

Họ ưỡng công thôi! Tìm anh ta không được đâu! Anh “phá hoại” nhanh như cheo. Chẳng thế mà, Trung Tá Nguyễn Công Luận (K12 VB) ở tù chung Lán 11 với anh ta, đã gán cho anh ta cái biệt danh “Con Beo Trại 4”.

Hôm đó, toán vệ binh chỉ nhìn thấy trên triền đồi, một bếp lửa lớn đang cháy hừng hực và một đồng bắp chưa kịp nướng.

Dưới chân đồi, bên con đường mòn, nằm trơ hai trái bắp nướng, vỏ còn bốc hơi. Hai trái bắp này được ném cho anh tù cải tạo tên là Nguyễn Hữu Sùng cựu Đại Úy An-Ninh Quân-Đội.

Anh Sùng không dám lượm bắp ăn, vì anh là một tín đồ Thiên-Chúa rất ngoan đạo. Cho dù lúc đó bụng đói muốn chết, anh vẫn sợ phạm tội với Chúa.

Toán bộ đội hăm hờ lòng sục “phạm trường”. Ngón nghề của người trộm bắp quả thực là quá khéo tay. Cả trăm trái bắp non bị hái mang đi không dấu vết.

Anh trung úy cán bộ quản giáo tên Thu giận quá, nghiêng răng trèo trẹo, “Đúng là quân phá hoại! Ông mà tóm được mấy thằng này, ông ‘dàn’ cho học máu!”

Toán vệ binh đứng bên đồng bắp cao nghệu bên đường, tiếc ngẩn ngơ.

Trên không, có đám mây ngàn hững hờ chứng kiến. Bên hồ, vài con trâu trằm mình trong bùn, vẩy đuôi đuổi ruồi, mắt lừ đừ...

Biết hỏi ai để tìm ra kẻ “phá hoại” bây giờ?

Mười phút sau, toán bộ đội đành rút lui về trại.

Buổi chiều, đoàn tù vác củi theo chân nhau vào cổng dưới đôi mắt soi mói của anh trung úy quản giáo Thu.

Quản giáo Thu lục túi từng người kiểm cái khăn đen. Chẳng ai có cái tang vật màu đen ấy cả.

Tối đó, cựu Đại Úy An-Ninh Quân-Đội Nguyễn Hữu Sùng lên vào Lán 4, ngồi cầu nguyện bên chân linh mục Khổng Tiến Giác, cựu Tuyên-Úy của Cụ Diệm. Cha Giác cũng bị giam ở trại này.

Anh Sùng hỏi cha,

“Cha ơi! Con đói quá! Nếu con ăn trộm một trái bắp của trại ăn cho đỡ đói thì con có phạm tội không cha?”

Cha Giác ôn tồn,

“Con ơi! Con là con của Chúa. Bắp cũng là của Chúa. Con ăn bắp của Chúa để cứu cái thân con của Chúa thì con có tội tình gì đâu!”

Những ngày sau đó, trong hàng ngũ những kẻ phá hoại vườn sắn, khoai lang, rau đậu của cán bộ, có thêm hai hung thần nữa, đó là cựu Đại Úy Nguyễn Hữu Sùng và người bạn tù nằm kế bên anh, cựu Đại Úy Tuyên-Úy Tin-Lành Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Mục-Sư Võ Ngọc Thiên Lộc.

Một năm sau (1978), tay ăn trộm bắp trốn trại lần thứ hai, lại thất bại, lại bị cùm, lại bị chuyển trại.

Tới trại Phú-Sơn 4, Thái-Nguyên, bạn bè cũ gặp lại nhau, có người hỏi anh ấy rằng ngày đó cái khăn đen anh giấu đâu?

Anh ta (BĐQ Vương Mộng Long) cười hì hì, tiết lộ rằng anh đã dắt cái khăn đen dưới mái chuồng trâu nhà một người dân Tày, dưới chân dốc Ngàn, ngoài cổng trại.

Anh chỉ lấy khăn ra khi hành nghề ăn trộm, cứu giúp bạn tù đang đói.

Xong việc, anh lại giấu cái khăn vào nơi cũ.

Khi đi trốn trại lần thứ hai, vội quá, anh không kịp đem cái khăn theo.

Không rõ mấy chục năm qua, cái khăn đen có còn nằm dưới mái chèo trâu nhà Tày nơi cuối dốc Ngàn hay không?

Nhưng chắc chắn cái khăn đen đó vẫn chưa quên người, vì người vẫn còn nhớ khăn...

VƯƠNG MỘNG LONG SEATTLE, WA- USA

THÁNG BA NĂM XƯA, VƯƠNG MỘNG LONG (BDQ)



THÁNG BA NĂM XƯA...

Tháng 3 năm 1975 dưới quyền tôi có Tiểu Đoàn 82/BDQ và một nửa Tiểu Đoàn 63/BDQ trấn giữ vùng biên giới Việt Miên, hướng tây của tỉnh Quảng- Đức.

Thời gian này Tướng Phú đã thay Tướng Toàn, và Đại Tá Tất đã trở thành Tư Lệnh Mặt Trận Kontum.

Khi biết tin địch sẽ tấn công Ban Mê Thuột, vợ con tôi, cha mẹ, anh em tôi, gia đình binh sĩ dưới quyền tôi, đã không di tản khỏi nơi này, chỉ vì chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào sức mạnh của những người bảo vệ thành phố.

Nửa tháng trước ngày Cộng Quân tấn công Ban Mê Thuột, tôi đã đi bằng xe, từ Kiến-Đức lên Kontum, vượt hàng trăm cây số đường bộ, để gặp mặt, và nài nỉ

Đại Tá Phạm Duy Tắt cho phép Tiểu Đoàn 82/BĐQ về trấn giữ thị xã đó, nhưng Đại Tá Tắt đã từ chối.

Tới ngày đầu chiến trận Ban- Mê- Thuật xảy ra, trên máy truyền tin, tôi cũng hết lời cầu khẩn vị Tư Lệnh của tôi ban ơn cho chúng tôi được trở về góp sức với quân bạn, tôi lại bị từ chối.

Ban- Mê- Thuật thất thủ nhanh quá!

Quân Đoàn II cũng tan rã nhanh quá!

Năm Liên Đoàn Biệt Động Quân của Vùng 2 thì bốn Liên Đoàn bị xóa tên.

Riêng Liên Đoàn 24/BĐQ do tôi chỉ huy đã về tới Phan-Thiết an toàn.

Rồi Tiểu Đoàn 82/BĐQ đã góp công không nhỏ trong trận Long- Khánh cản bước tiến của Cộng Quân đang tiến như nước vỡ bờ, để Thủ Đô có thời gian chuẩn bị di tản.

Sau trận Long- Khánh, TĐ 82/BĐQ rút về Long- Bình, sẵn sàng cho trận đánh cuối cùng.

Những ngày cuối tháng Tư năm 1975, Chuẩn Tướng Phạm Duy Tắt hết bị phạt quản thúc.

Ông lên Long-Bình, chọn vị trí tạm trú quân của TĐ82/BĐQ làm nơi cho ông căng võng qua đêm. Những ngày đó, tôi lại được nghe Tư Lệnh tâm sự, như thời 1973, khi Tư Lệnh còn lao đao, khổ nhục dưới quyền Tướng Toàn. Ngày đó Tư Lệnh đã đối xử với tôi như đối với một người em, một người bạn, và một người tri kỷ, để ông tâm sự và chia sẻ những khó khăn của công vụ, và cuộc đời.

Tháng Ba 1975 vợ con tôi, gia đình thuộc cấp của tôi đã rơi vào tay giặc, mãi tới cuối tháng Tư 1975, Tư Lệnh mới nhớ tới tôi thì đã quá muộn màng.

Tháng Tư 1975, Tư Lệnh đã mất hết binh quyền rồi, đã quá trễ cho chúng ta làm được những điều cần làm cho gia đình và cho quê hương.

Trưa 25 tháng Tư năm 1975 Trung Tá Bùi Văn Sâm đã mời tôi và Chuẩn Tướng Tắt ăn cơm thân mật trên một quán nổi bên bờ sông Biên- Hòa.

Bữa cơm này là bữa cơm sau cùng trong quán hàng, chúng tôi còn đeo lon đội mũ.

Hôm đó, tôi đã nói với Chuẩn Tướng Tắt rằng,

“Suốt đời lính, tôi chỉ có một điều ân hận là tháng 3 vừa qua Tư Lệnh đã không cho phép tôi và Tiểu Đoàn 82/BĐQ về Ban -Mê-Thuật để cùng gia đình thân thuộc sống chết có nhau.

Ngày mai tôi sẽ vào vùng. Bắt tay nhau lần này có thể là vĩnh biệt. Nếu Tư Lệnh có đi Mỹ được thì đi đi.”

Hôm đó Tướng Tắt rầu rầu,

“Các anh còn chiến đấu, thì mặt mũi nào tôi có thể ra đi? Mà qua Mỹ để làm gì? Gặp những người ngày xưa một điều kêu mình ‘Sir, Sir...’ hai điều kêu mình ‘Sir, Sir...’ Mình mắc cỡ lắm...”

Ba ngày sau, tôi đem quân vào vùng. Chỉ có một phần mười quân số của TĐ82/BĐQ còn sống sót sau lần hành quân sau cùng đó.

Từ khi ra khỏi trại tù cải tạo (1988) tôi đã cố tìm cách liên lạc lại những thuộc cấp của đơn vị cũ.

Số người tôi kiếm được, đếm chưa đầy trên mười đầu ngón tay.

VƯƠNG MỘNG LONG

(06/03/2010)

THÁNG TƯ LẠI VỀ (HỒI-KÝ CỦA VƯƠNG MỘNG LONG – K20)

Xin mời đọc hồi ký của Vương Mộng Long, con chim đầu đàn của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân năm xưa, và tù cải tạo 13 năm của cộng sản Việt Nam Chân thành cảm ơn sự ưu ái của tác giả Vương Mộng Long dành cho Blog LNTH.



THÁNG TƯ LẠI VỀ **(HỒI-KÝ CỦA VƯƠNG MỘNG LONG – K20)**

Bây giờ là tháng Tư, trong ký ức tôi những kỷ niệm ba mươi năm trước lại hiện về, rõ mồn một như thể là nó mới xảy ra ngày hôm qua, hôm kia.

Bây giờ là tháng Tư, tôi lại nhớ đến trận đánh oai hùng cuối cùng của Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, trận Xuân-Lộc!

Tôi lùi ngùi hồi tưởng những giây phút vinh quang của chiến thắng để đời này, cùng những tủi nhục tiếp theo sau đó, khi quê hương nát tan. Những dòng viết lên sau đây là để tưởng niệm những thuộc cấp của tôi đã ngủ yên giấc tháng Tư, bên con suối Rét (Xuân-Lộc), trên một ngọn đồi không tên ở Long-Thành, và trong đường phố Hố-Nai (Biên-Hòa).

Đầu tháng Tư năm 1975, Quân Đoàn II không còn nữa. Vì liên đoàn trưởng và liên đoàn phó vắng mặt, nên tôi được chỉ định nhận nhiệm vụ chỉ huy và hướng dẫn Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân từ Quảng-Đức tìm đường ra biển để bắt tay với quân bạn. Khi liên đoàn được trực thăng vận về Phan-Thiết thì Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân được đưa thẳng về sân bay Long-Khánh đặt thuộc quyền sử dụng của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh.

Ngày đầu đặt chân xuống phi trường Xuân-Lộc (6/4/1975) tôi không hề có ý nghĩ rằng tại nơi này chỉ mấy hôm sau, đơn vị tôi lại có dịp tham dự vào một trận đánh long trời lở đất.

Ngày xưa tôi rất mê Rommel, tôi đã tìm đọc nhiều sách viết về “Con Cáo Sa-Mạc” này và tôi mơ tưởng có ngày được đánh những trận thần sầu như Rommel đã làm. Trận Xuân-Lộc là lần đầu trong đời lính, tôi được thỏa mãn ước vọng đo sức so tài với một địch thủ nặng cân hơn về vũ khí, đồ sộ hơn về quân số. Với tôi, trận Long-Khánh là một trận đánh “để đời” cho những tay cầm quân chuyên nghiệp. Trong trận đánh này, mũi dùi tiến công chính bằng cơ giới của Cộng-Quân nhằm đánh chiếm Tòa Hành-Chánh Tỉnh Long-Khánh đã bị Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân bẻ gãy hoàn toàn. Trong khu vực trách nhiệm của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã có ít nhất là bảy chiến xa Cộng-Sản bị bắn cháy, và một trung đoàn bộ binh địch bị loại ra khỏi vòng chiến.

Rạng đông 9/4/1975 trận Long-Khánh bắt đầu. Súng nổ như bấp rang khắp nơi trong thành phố, ngoài vòng đai. Đủ loại đại bác thét gầm, đạn xé gió ào ào tới tấp tưới trên mục tiêu của cả hai phía.

Những đám cháy không người chữa, lửa càng lúc càng cao, thần hỏa tự do tung hoành. Máy truyền tin ời ời gọi nhau. Những thân hình ngã xuống, những tiếng hô xung phong nghe rợn tóc gáy.

Những cánh F 5 thét gào, lên, xuống, thả hết đợt bom này tới đợt bom khác lên đầu địch. Những chiếc Hùng-Long AC 119 bao vùng cả ngày lẫn đêm với những họng đại bác 20 ly gầm rú từng hồi. Đáp lại, địch cũng trả đòn bằng những chùm 100 ly và 37 ly phòng không nở hoa trên mây. Những chiếc T 54 hung hãn khạc đạn không ngừng, những cái lô cốt ngả nghiêng vì trúng đạn đại bác 100 ly của xe tank địch.

Trong những ngày đầu tháng Tư ở Long-Khánh, một góc địa cầu đã rung rinh vì bom đạn!

Địch đông gấp ba, bốn lần quân bạn, được T 54 trang bị đại bác 100 ly dẫn đường. Pháo yểm của Cộng-Sản gồm đủ loại hạng nặng: đại bác 130 ly, 122 ly nòng dài, 105 ly, 75 ly sơn pháo, cối 120 ly, cối 82 ly, và phòng không 100 ly, 37 ly. Thậm chí trong ba ngày đầu địch dùng cả phòng không 37 ly để bắn trực xạ vào Trại 181 Pháo Binh của Sư Đoàn 18, nơi tôi đặt Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Ấy vậy mà qua hàng chục đợt xung phong, đoàn chiến xa của “*Con Cháu Bác*” cũng không làm cách nào vượt nổi khúc xương khó nuốt là cái doanh trại bé tí teo đó để xông thẳng vào Tòa Hành-Chánh tỉnh, nơi ông Đại Tá BĐQ Phạm Văn Phúc (K10 VB) tỉnh trưởng, đang trọn tròn con mắt theo dõi tên đàn em về từ Pleime chơi trò ú tim với xe tank địch.

Khi bánh xích của chiếc chiến xa đầu tiên vướng vào cuộn kẽm gai vòng nơi góc rào tây bắc của Trại Pháo Binh 181 thì cũng là lúc đoàn quân xâm lăng khựng lại, hoảng hồn bởi những tiếng thét,

“*Biệt Động! Sát!*” ... “*Biệt Động! Sát!*”

Lũ giặc hung hăng không ngờ Biệt Động Quân đang có mặt nơi đây!

Một quả M 72 làm cho chiếc PT 76 xấu số cháy bùng; những cán binh Bắc-Việt từng thiết vệi vàng chạy trốn chết về hướng rừng lau.

Như thế là, chúng tôi đã ra mặt đương đầu với đoàn chiến xa Cộng-Sản Bắc-Việt ngay từ khi trận đánh mới mở màn.

“*Biệt Động! Sát!*”, “*Biệt Động! Sát!*”

tiếng hô vang dậy một góc trời! Có cả một giang sơn hướng đông nam thị xã cho chúng tôi mặc sức tung hoành !

Ngày nào cũng như này nấy, sau những màn pháo kích như mưa, T 54 có bộ binh từng thiết, lại từng đợt, từng đợt ào ào xung phong vào vị trí tử thủ của chúng tôi. Nhưng những tổ chống tank ba người của TĐ 82 BĐQ ẩn hiện như ma trời, sau ô mỗi, sau gốc xoài, trong bụi chuối, cứ từ từ rang hết con của T 54 này đến con của T 54 khác.

Yên chí vì có chỗ dựa lưng là lực lượng bạn ở phía sau, tiểu đoàn tôi đánh vui với chiến xa địch cả tuần lễ không biết mệt. Toán diệt tank này bị loại, toán khác lên thay. Chúng tôi đã làm cho địch tổn hại nặng nề. Chúng tôi đã đánh cho chúng nó “*tà đầu*” như ý của Chuẩn Tướng Tư Lệnh mặt trận.

Săn đánh xe tank là cả một nghệ thuật, nó còn là một cái thú nữa, cái thú vui chết người! Hơ hồng một chút thôi là mất mạng như chơi. Trong số mười hai Biệt Động Quân Pleime tử trận ở Long-Khánh tháng Tư 1975 đã có bảy người chết trong khi săn đuổi xe tank CSBV.

Mỗi chiến cụ, mỗi vũ khí đều có chỗ yếu của nó. Cái bộ phận phun khói của xe tank là cái “*Gót chân Achilles*” của xe tank CSBV. Tất cả những chiếc tank

địch bị TĐ 82 BĐQ tiêu diệt trong trận Xuân-Lộc đều bị bắn từ phía sau đuôi, nơi phun khói.

Đánh tank cũng có qui luật. Việc đầu tiên là “tia” tên xạ thủ 12,8 ly, nó là tai mắt của chiếc tank, nó có một chân trái hoặc phải bị khóa vào dây xích trên ghế phòng không. Việc thứ nhì là “bung” một trái lựu đạn khói hoặc lân tinh làm màn chắn che mắt cái tank bạn của nó ở cách nó không xa; cây phòng không trên chiếc tank thứ nhì là tử thần gọi chết. Việc thứ ba thật là giản dị, cứ đứng xồng lưng bóp cò cây M 72 nhắm ngay phần phun khói sau đít cái tank mục tiêu, đây là phần mỏng nhất, dễ bắn thủng nhất của chiến xa. Một tiếng “bùm!” rồi tiếp sau đó là xăng và đạn trong xe cháy nổ “lóc! tóc! ùm! ùm!” ngọn lửa dâng cao, khói dâng cao. Xong !

Mỗi lần một chiếc PT 76 hay T 54 bị bắn cháy, cột khói chưa lên cao khỏi ngọn cây thì người Anh Cả của chiến trường đã có mặt trên vùng.

“Tiên Giao đây Hằng Minh gọi!”

“Hằng Minh, Tiên Giao nghe!”

“Come on! Gắng lên nghe em! Đánh cho nó tà đầu hết cục cựa! Okay?”

“Vâng, tôi nghe 5, đánh cho nó tà đầu hết cục cựa!”

“Okay! You’re a man! Don’t let ’em run away! Okay?”

“Vâng, không cho nó ôm đầu mà chạy!”

“Kill ’em! Kill ’em! Okay!”

“Vâng! Đây là cái tank thứ (2) (3)... đó nghe Hằng Minh! Nó vào cái nào, tôi hạ cái nấy nhé!”

“Okay! I like the way you fight!”

“Vâng, tôi nghe rõ 5!”

“You’re great! You’re excellent!”

Sau khi thị sát trận địa và khích lệ tinh thần tôi, người Anh Cả bay sang mặt trận hướng tây thị xã, trên đường bay, ông liên tục đối thoại với vị chỉ huy trường phòng thủ Xuân-Lộc, Đại Tá Lê Xuân Hiếu (K10 VB) Trung Đoàn Trường Trung Đoàn 43, Sư Đoàn 18 Bộ Binh cũng bằng ngôn ngữ nửa Việt nửa Mỹ.

Người Anh Cả của mặt trận này là Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo (K10 VB) Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh. Ông lấy danh hiệu đàm thoại là Hằng Minh, tên người em ruột của ông, Trung Tá Lê Hằng Minh là người hùng TQLC, Tiểu Đoàn Trường Tiểu Đoàn 2 (Trâu Điền) năm xưa đã tử trận trên chiến trường Thừa-Thiên.

Tiên Giao là tên đứa con gái áp út của tôi, cũng là danh xưng truyền tin tôi chọn cho mình trong trận đánh này.

Một ngày giữa tháng Tư năm 1975, ngoài vòng đai phòng thủ, một chiếc T 54 chạy lạc loài. Cái ống khói của nó lãnh trọn một quả M 72 của toán diệt tank

của Đại Đội 1/ TĐ 82 BĐQ. Anh binh nhì Phan Thọ trong toán hộ tổng của TĐT 82 BĐQ cùng với ông phóng viên nhà báo lao vụt về hướng súng nổ. Ít phút sau tôi nghe choang choác, tiếng phòng không 12,8 ly nổ đòn ngoài xa. Trong máy PRC 25 tiếng Th/úy Đặng Thành Học, ĐĐT 1/82 BĐQ báo cáo, thằng Thọ bị thương nặng, xin tản thương.

Thì ra anh B2 Thọ gan dạ này thấy chiếc T 54 đã nằm bất động; anh leo lên gỡ khẩu phòng không đem về cho thầy. Không ngờ còn một chiếc chiến xa T 54 khác nằm ẩn trong bụi lau cách đó không xa. Thấy anh đứng nghênh ngang sau pháo tháp, nó quạt cho anh một tràng 12,8 ly. Anh rơi xuống đất như con chim bị nã. Ruột anh đổ ra lòng thòng, máu tuôn như xối.

Anh phóng viên và một người lính trong toán diệt tank khiêng Thọ về sân bay. Trung Sĩ 1 Chiến, y tá của tiểu đoàn phải dùng cả một tấm băng lá to bằng hai bàn tay xòe để che cho ruột của Thọ khỏi phòi ra.

Mặt Thọ tái xanh, môi run run,

-Thiếu Tá đừng la em nhé! Em thấy cây súng dễ ăn quá, không ngờ tụi nó bắn lên em!

Tôi an ủi Thọ,

– Ủ! Thiếu Tá không la em đâu, nằm im đó chờ xe, Hoàng Long sẽ đem em đi tản thương!

Hoàng Long là danh xưng của Đại Úy Ngũ Văn Hoàn, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Tôi một mặt lo xin pháo binh trong vòng đai trực xạ vào vị trí chiếc xe tank còn lại, một mặt điều động ĐĐT1/TĐ3/Trung Đoàn 43 BB đánh bọc bên phải tiếp tay cho Thiếu Úy Học ĐĐT1/82 có thì giờ dùng kềm gai concertina quây quanh chiếc xe mới bị bắn cháy. Chỉ có concertina mới ngăn cản hữu hiệu được bước tiến của chiến xa địch. Con đường độc nhất để tiến quân bằng xe tank của địch nhắm vào sân bay Long-Khánh đã bị đan chằng chịt kềm gai vòng.

Chiếc tank mới bị cháy nằm hơi xa ngoài hàng rào và nó là chiếc T 54 thứ tư bị sơn lên pháo tháp dòng chữ “Tiểu Đoàn 82 BĐQ diệt tank”.

Năm 1981 tại Trại Cải Tạo Z30 C Hàm-Tân, có một thiếu úy thuộc LĐ 81/BCND tên là Nguyễn Văn Vinh tìm gặp tôi, anh nói,

“Tháng 5 năm 1975 em bị nhốt ở Long-Khánh, em ở trong toán tù binh bị bắt đi chùi những chữ ‘Tiểu Đoàn 82 BĐQ diệt tank’ viết trên bốn cái tank T 54 và một cái lòi nước PT 76 ở bìa rào phòng thủ Xuân-Lộc. Công nhận tiểu đoàn anh đánh tank tuyệt quá!”

Chiếc xe tản thương của Trung Đoàn 43 đã đưa B2 Phan Thọ về ngã ba Tân-Phong; tháp tùng có Đại Úy Hoàn, anh phóng viên nhà báo và Trung Sĩ 1 Chiến, y tá Biệt Động Quân. Khi quay trở về vị trí phòng thủ, ông Đại Úy Tiểu Đoàn Phó kể lại chuyện dưới đây.

Xe tới BTL/SĐ 18 /HQ thì Thọ rất mệt vì máu ra đã nhiều, anh xuống xe ngồi dựa lưng vào một gốc xoài, chờ Đại Úy Hoàn đi tìm sĩ quan quân y sư đoàn xin tài thương.

Bất ngờ Tư Lệnh từ trong lều bước ra; thấy Thọ, ông hỏi,

– Em là lính của ai? Bệnh gì? Muốn về Sài-Gòn hả?

Thọ im lặng mở tấm băng lá cho Tư Lệnh thấy vết thương của mình; bất ngờ bộ ruột của anh trào ra khỏi miệng vết thương, máu anh tuôn xối xả.

Anh y tá vội thưa,

– Trình Thiếu Tướng, anh này là lính Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân, anh bị phỏng không bắn khi đang gỡ khẩu 12,8 ly trên cái chiến xa vừa bị bắn cháy. Thiếu Tá em cho phép anh được tản thương về Sài-Gòn đó Thiếu Tướng.

Tư Lệnh la lớn,

– Quân y đâu băng bó cho chú em ngay!

Ông quỳ xuống tự tay ấn từng đoạn ruột của người lính vào bụng của anh ta. Người y tá vội vàng làm phận sự của mình tiếp tay với Tư Lệnh.

Đại Úy Hoàn vừa quay lại chưa kịp chào trình diện, thì Tư Lệnh đã lớn tiếng,

– Phi hành đoàn C&C đưa gấp chú em này về Cộng-Hòa cho tôi.

Quay qua Thọ, Tướng nhẹ giọng,

– Em là lính của Thiếu Tá Long, em can đảm lắm, qua sẽ cứu em!

Thọ lí nhí,

– Cám ơn Thiếu Tướng!

rồi nó quay qua Đại Úy Hoàn,

– Cho em điều thuốc đi Đại Úy.

Đại Úy Hoàn chưa kịp móc túi lấy thuốc cho Thọ thì Tướng đã có sẵn điều thuốc lá đưa vào môi người lính can trường. Ông một tay che gió, một tay bật lửa mời thuốc cho Thọ.

Mặt Thọ tái xanh, những thớ thịt trên má bắt đầu co giật. Thọ hút một hơi thuốc dài, mắt Thọ long lanh. Chợt anh ngoác miệng cười,

– Khẩu phòng không còn mới cáo cạch, nước thép xanh biếc thấy mê luôn Đại Úy ơi!

Ông Đại Úy Hoàn an ủi,

– Giờ này chắc tụi nó đã mang khẩu súng ấy về nộp cho Thiếu Tá rồi. Mà nói đúng đó, nó còn mới cáo cạch, hèn nào mà không mê nó đến đổ ruột luôn!

Thọ cúi đầu cười xèn lên.

Cái bảng nhôm sơn đỏ có sao trắng được lật mặt ra đằng sau trở thành cái bảng nhôm màu trắng thanh khiết bên hông chiếc C&C. Không bảng sao, cái trục thẳng chỉ huy trở thành giàn dệ bình thường như ngàn vạn chiếc tàu khác.

Trước khi lên máy bay, Thọ còn ra dấu cho Đại Úy Hoàn lại gần để anh nhắn nhủ một điều gì quan trọng lắm,

– Em đi rồi không có ai pha cà phê sáng cho Thiếu Tá. Đại Úy nhớ nhắc thằng Bích khi pha cà phê cho Thiếu Tá thì cho ít đường thôi! Thiếu Tá không thích uống ngọt lắm đâu. Nhờ Đại Úy nhắn với Thiếu Tá rằng, khỏi bệnh, xuất viện là em lên với Thiếu Tá ngay. Thôi em đi đây!

Không rõ Tư Lệnh có nghe lời nhắn của anh lính Biệt Động Quân gởi cho thầy của anh ta không, nhưng rõ ràng đôi mắt Tư Lệnh rưng rưng. Chiếc trực thăng khuất trong vòm mây từ lâu mà cánh tay Tư Lệnh còn vẫy theo chưa hạ xuống.

Đây không phải là lần đầu cái can trường của thuộc cấp làm tôi cúi đầu kính phục. Mà đã nhiều lần trong quá khứ, dưới quyền tôi không thiếu những người lính dũng cảm như thế. Thời 1966 vùng triển sơn Quảng-Nam đầy rẫy những họng súng bắn tia. Cứ nghe tiếng “tắc cù!” là chú Hạ Sĩ Nguyễn Hồng Phong lại đưa cái thân cao ngồng còng queo của chú che cho tôi, chú nói,

– Em phải che cho Thiếu Úy, em trúng đạn có mình em chết, Thiếu Úy trúng đạn cả chục người chết theo.

Rồi cũng có lần chú bị bắn toác nón sắt vì đưa thân che chờ cho tôi, khi đại đội tôi chạm địch gần ga Hương- An, Tam- Kỳ.

Năm 1969 trong trận Bình-Tây 48 dưới chân đỉnh Chư-Pa, Đại Đội 1/TĐ11 BĐQ của tôi đánh cứu viện cho Đại Đội 4/ TĐ11 BĐQ của Tr/ Úy Nguyễn Lạn (K20 VB). Trận này quân nhân đơn vị của tôi và Lạn bị thương khá nhiều.

Từ đầu trận, người lính mang đồ ngủ của tôi, anh B1 Trung đã bị bắn bể hông phải. Đã có nhiều chuyến tải thương đi mà Trung vẫn còn ngồi chờ trên bãi đáp. Tôi hỏi tại sao anh không lên máy bay về bệnh viện, anh phân bua,

– Em chờ xem có ai bàn giao đồ ngủ của Trung Úy xong, em mới yên lòng đi về.

Tôi ngỡ ngàng kêu lên,

– Trời ơi! Sao mà khờ thế! Cứ quăng đại cho ông thường vụ! Lên tàu ngay! Luẩn quẩn ở đây đến chiều, hết tàu tản thương. Qua đêm máu ra hết thì chết!

Trung giao đồ ngủ của thầy anh ta cho ông thường vụ đại đội, bàn giao kỹ lưỡng nhiệm vụ của mình rồi mới chịu lên chuyến tải thương cuối cùng về Quân Y Viện Pleiku. Vết thương của anh nặng lắm, sau ngày lành bệnh, anh B1 Trung đã được giải ngũ lãnh tàn phế 100%.

Những người lính của tôi dễ thương như thế ấy! Họ chỉ biết vâng lời người chỉ huy mình, bất kể đúng hay sai. Cấp chỉ huy ra lệnh tử thủ, họ tử thủ; cấp chỉ huy ra lệnh rút lui, họ rút lui; không ý kiến, không bàn cãi phán xét mà chỉ có tuân lệnh thi hành. Họ đã cùng tôi bao tháng ngày đồng hành qua những

chiến trường rục rủa, từ Pleime qua Kiến-Đức tới Lâm-Đồng rồi về Xuân-Lộc. Những người lính của tôi không màng đến vinh quang, mà chỉ phụng sự cho cái vinh quang của người chỉ huy mình. Vinh quang một đời của người cầm quân là một món nợ, nợ với tổ quốc, nợ với đồng bào, và nợ với thuộc cấp của mình, những người đã hi sinh cho cái vinh quang mà mình đã một thời nhận được. Là người cầm quân, vinh quang là cứu cánh, vinh quang là ý nghĩa của cuộc sống.

Tôi không có dịp tham dự vào cuộc phản công tái chiếm chợ Xuân-Lộc, khách sạn Long-Khánh và Cua Heo cũng như những cuộc giao tranh trong khu trung tâm thị xã. Tin tức liên quan đến mặt trận hướng tây tôi hoàn toàn mù tịt. Suốt mười ngày đầu sôi lửa bỏng tháng Tư Long-Khánh 1975, TĐ 82 BĐQ chỉ biết có mặt trận đông nam thị xã mà thôi.

Bên hướng đông suối Rét là Lữ đoàn 1 Dù của Trung Tá Nguyễn Văn Đình (K15 VB) làm búa. Bên hướng tây suối Rét là cái đe do Thiếu Tá Vương Mộng Long (K20 VB) chỉ huy, gồm TĐ 82 BĐQ tăng cường thêm một đại đội của TĐ3/43 BB, một đại đội Địa Phương Quân của Tiểu-Khu Long-An và một đại đội Địa Phương Quân từ Bình-Long di tản về.

Làm đe thì đỡ công di chuyển, đỡ mệt thân xác, dễ kiểm soát đội hình, quân số. Nhưng làm đe cho Dù thì quả là mất mạng như chơi! Pháo Dù nó tưới như mưa, làm đe bị lãnh tàn đạn là thường. Trong trận này có ba người lính Thượng của tôi thiệt mạng vì tàn đạn của pháo Dù. Tháng Tư 1975 tôi đã chôn họ ngay bên dòng suối Rét. Tôi đã cầu nguyện cho linh hồn họ yên vui trên đường phiêu du về nguyên quán Pleiku.

Từ ngày đầu chiến dịch, một anh phóng viên chiến trường của một tờ báo ở Sài-Gòn, đã có mặt bên tôi không rời. Anh có dáng lòng không dong dỏng như một triết nhân. Anh mặc đồ trận, đội nón sắt, nhưng không trang bị súng ống. Anh chỉ có cái máy ảnh, quyển sổ tay, và cây bút làm hành trang. Ngày mà đạn pháo Dù bao trùm suối Rét cái lều của anh nhà báo rách toang. Cũng may anh thoát chết vì lúc đó anh đang ở với ĐĐ1/TĐ 82 BĐQ của Th/Úy Học, anh bận chụp hình cái tank cháy ngày hôm trước nơi hàng rào bắc của Trại PB 181.

Giữa tháng Tư, Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù tung ra nhiều đợt tấn công mãnh liệt nhắm vào một trung đoàn Cộng -Sân Bắc-Việt trong đồn điền chôm chôm hướng đông nam suối Rét. Chúng tôi ở bên này bờ, hào hứng quan sát pháo Dù nổ rền trời phía bờ bên kia.

Từ nơi đồn điền Thống Tướng Ty, cán binh CSBV từng tốp chạy túa ra bìa rừng, nhảy ùm xuống suối Rét. Những tay súng Pleime nhả đạn từ từ và chính xác. Những người lính Bắc-Việt bật lên khỏi mặt nước như những con cá trắm cỏ, quẫy mạnh một lần rồi chìm luôn...

Những tiếng hô “**Biệt Động! Sát!**” hòa lẫn tiếng súng M 16, M 60 làm cho một số cán binh CSBV vừa ló đầu ra trắng trổng đã vội chạy ngược lại phía bìa rừng. Rồi cũng có người cầm cờ trắng chạy từ trong bìa rừng ra bờ suối, súng AK dơ lên cao khỏi đầu: Thế là họ đầu hàng!

– Thôi! Vứt súng xuống suối rồi lội sang đây! Vứt súng xuống suối! Dơ tay lên cao khỏi đầu, lội sang đây! Nghe rõ chưa?

– Dạ cháu nghe rõ ạ!

Tôi và người phóng viên nhà báo mời cho ba anh cán binh CSBV ba điều thuốc lá. Họ còn rất trẻ, chỉ độ mười lăm. Bơ phờ mắt ngủ, mắt quầng thâm.

– Cậu mấy tuổi rồi?

– Dạ thưa thủ trưởng, cháu lên mười sáu ạ!

– Sao đi bộ đội sớm thế? Mới mười sáu mà đã đi lính rồi à?

– Cháu là thanh niên xung phong. Thủ trưởng của cháu nói rằng Miền Nam giải phóng rồi, chúng cháu chỉ vào để tiếp thu thôi ạ!

– Thế đánh nhau mấy ngày nay cậu thấy thế nào?

– Thưa thủ trưởng, nhà cháu sợ lắm ạ!

– Thôi đừng sợ, chốc nữa có người đưa cậu về Sài-Gòn. Hết chết rồi, đừng sợ!

– Thủ trưởng có nói thật không hở thủ trưởng? Nhà cháu sợ chết lắm thủ trưởng ơi!

Đôi mắt trẻ thơ ngơ ngáo. Ngón tay cậu bé run run cầm điều thuốc thơm đưa lên môi, chỉ sợ nó rơi... Thì ra thế! Những cậu bé này được đưa vào đây là để ... tiếp thu Miền Nam !

Một hôm, Đại Tá Hiếu gọi tôi vào máy để “check fire”. Tôi liếc qua nơi cần hỏa tập. Ô! Cái tọa độ ấy chẳng liên hệ gì tới quân bạn, không trở ngại!

Rồi Đại Tá Hiếu lại gọi tôi vào máy để “check fire”. Rồi tôi lại trả lời, “không trở ngại!” Cứ vậy, ba bốn lần hỏi qua, đáp lại. Chiều hôm ấy tôi nghe một tiếng “ùm!” âm vang hướng đông bắc.

Tôi đã từng nghe B 52 đánh cận phòng nhiều lần trên chiến trường Cao-Nguyên Vùng 2. Tôi đã nghe quen tiếng những trái bom 500 cân Anh, 300 cân Anh thun thút từ trên mây xanh, những tiếng “ùn!... ùn!” theo đuôi nhau chui trong không khí kiếm mục tiêu. Nghe tiếng bom nổ chòm, tôi có thể phân biệt được đó là Box 3km x 1km, Box 2km x 1km, hoặc Box 1km x 1km.

Tiếng “ùm!” lần này có vẻ như âm vang của một Box B 52 đánh gọn ô vuông mỗi chiều 1km x 1km ngày nào? Tôi thấy một cột bụi đỏ dâng cao dần dần tới mây. Trời cao và mây xanh ngắt. Có một chiếc C 130 còn lượn trên vùng. Tôi nghĩ, chắc chiếc C 130 là tác giả cú “ùm!” vừa qua.

Mãi sau này tôi mới biết tiếng “ùm!” đó là một trong hai trái CBU 55 (hay CBU 85) được xử dụng trong trận Xuân-Lộc. Một trái được thả xuống vùng

Suối Tre hướng Tây Bắc Long-Khánh, tôi không nghe báo, trái thứ nhì thì được thả xuống chặn đường kẻ thù đang nhắm tiến vào khu vực phòng thủ của Trung Đoàn 43/ SĐ18 BB trong đó có TĐ 82 BĐQ tăng cường.

Mặt trận tạm yên thì phái đoàn Thượng Hạ Viện từ Sài-Gòn đã bay ra tới tận cuối sân bay Long-Khánh để ủy lạo những người lính Vùng 2 đang đổ máu bảo vệ mảnh đất còn lại của quê hương nơi Vùng 3. Những gói quà, những cái bắt tay, những lời hứa hẹn khen thưởng làm ấm lòng người chiến sĩ.

Tôi nằm trên võng dưới tàn cây điều lộn hột, lòng buồn nhớ thương vợ con tôi không rõ giờ này ra sao. Những người lính dưới quyền tôi cũng vậy, mặt người nào cũng không vui, thân nhân chúng tôi đã rơi vào tay địch nơi chân trời cũ xa xôi Ban-mê-Thuột, Pleiku...

Một sớm mai, từ hướng đông, chiến xa địch dàn hàng tiến về vòng đai phòng thủ Xuân-Lộc. Đại Tá Hiếu gọi tôi và cho biết lần này bộ binh tòng thiết của CSBV có vẻ đông hơn những đợt tấn công trước đây nhiều.

Pháo binh bạn đã bắn tới đa để chặn địch. Tôi thấy vài cột khói bốc lên từ những chiếc tank bị cháy. Có một chiếc T 54 bị bắn đứt xích cách vòng rào trại PB 181 không xa lắm. Chúng tôi nghe tiếng búa của bộ đội CSBV gõ trên thành xe, chúng đang sửa cái xe tank bị đứt xích!

Pháo binh từ trong vòng đai liên tiếp trực xạ hướng vào chiếc T 54 bị thương. Địch không phản ứng. Tiếng búa chạm sắt cũng im. Họ án binh chờ lệnh? Rồi bên quân bạn cũng không thấy ai yêu cầu tác xạ thêm, pháo binh của ta cũng tạm ngưng.

Từ trưa tới chiều chạng vạng, mặt trận yên tĩnh lạ lùng. Khi mặt trời vừa lặn, pháo địch từ nhiều hướng khác nhau tập trung trên thành phố Xuân-Lộc, đủ loại súng nặng, bắn thẳng, cầu vồng, có điều khác lạ là tất cả đều là pháo tầm xa (?) Pháo địch kéo dài cỡ một giờ đồng hồ rồi im hơi.

Màn đêm buông xuống, tôi nghe tiếng động cơ chiến xa nổ rộ, rồi nghe tiếng bánh sắt chạm đường đất đá, âm vang kéo dài từ gần rồi xa dần. Toán tiền thám BĐQ ngoài vòng đai báo cáo, chiếc T 54 bị đứt xích đã được kéo đi và cả đoàn chiến xa dàn hàng ngang ngoài vòng đai phòng thủ cũng đang rút đi (?) Tôi báo cáo sự việc này cho Đại Tá Hiếu, ông cũng ngạc nhiên không hiểu vì lý do gì, địch đang chuẩn bị một cuộc sống mái thì đột nhiên đổi hướng.

Những ngày sau đó tình hình im ắng như tờ, những con ve sầu trên ngọn điều lộn hột cất tiếng hòa ca điệu cuối Xuân trong khung cảnh thật là tĩnh mịch êm ả đồng quê. Những cây chuối trên đồi rủ lá. Những sợi khói lam từ mái rạ bay cao.

Khoảng ba giờ chiều ngày 20/04/1975 Đại Tá Hiếu cho xe ra sân bay đón tôi vào hạp hành quân. Ông rầu rầu,

– Ông Toàn ra lệnh cho chúng ta bỏ Long-Khánh rút về Bà-Rịa, ông Đào vừa được lệnh và cho tôi biết. Tôi đón chú vào cho chú hay để mà chuẩn bị, chút nữa ông Đào họp với ông Toàn xong trở về sẽ có lệnh chi tiết sau.

Tôi ngồi với Đại Tá Hiếu một lúc thì có điện thoại của Tư Lệnh, đại khái ông cho biết, lệnh bỏ Long-Khánh là từ Tổng Thống. Địch không vây Long-Khánh nữa mà đi bọc về đánh Biên-Hòa và thủ đô Sài-Gòn nên quân ta phải bỏ Xuân-Lộc, về bảo vệ Thủ-Đô. Tư lệnh Đào cực lực phản đối vụ triệt thoái này nhưng Tổng Thống và Tư lệnh Toàn đã quyết định cắt tiếp ứng, tiếp tế, yểm trợ cho SĐ 18 để ép sư đoàn này thi hành lệnh lui binh. Tôi được lệnh rút TĐ 82 BĐQ về ngã ba Tân-Phong trước tám giờ đêm chờ lệnh.

Tiểu đoàn 82 Biệt Động Quân cuốn lều, lấp hầm hố phòng thủ khi đêm rơi.

Cuối tháng Ba năm 1975 chúng tôi đã làm việc này ở Kiến-Đức, chúng tôi đã bỏ lại sau lưng một trận địa, một kẻ địch kinh hoàng đến độ hai ba ngày sau mới dám mon men vào điểm trú quân đã bỏ trống của đơn vị Biệt Động Quân một thời ngang dọc Vùng 2. Tôi đã rút đi, theo lệnh, để lại Kiến-Đức hàng chục nắm mìn thuộc cấp của mình bên QL 14. Quận Kiến-Đức và Đồn Pleime cách nhau không bao xa, cũng còn là trong lãnh thổ Vùng 2!

Lần này mười hai người lính của Pleime ngủ lại bên bờ suối Rét, lạ lắm quê người, quanh đây chỉ có điều lộn hột, chuối, xoài và đồng cỏ mênh mông. Nơi này thật xa những ngọn núi hùng vĩ Chư Gô, Chư Don, thật xa con sông mơ màng la Meur lững lờ quanh năm. Công lao khó nhọc dậm trường nửa đường đứt gánh.

Đơn vị tôi vừa di chuyển ngang cổng Tòa Hành-Chánh tỉnh Long-Khánh thì Đại Tá Phạm Văn Phúc, tỉnh trưởng đã chờ ở đó, Đại Tá yêu cầu tôi cho Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đi với đoàn quân của Tiểu-Khu Long-Khánh, và ông xin được tháp tùng tôi trong cuộc rút lui.

Tôi từ chối với lý do, *“Đại Tá có cả một tiểu khu, Đại Tá phải chỉ huy họ, là cấp chỉ huy của họ, Đại Tá không thể đi theo tôi mà để họ không người chỉ huy.”*

Đại Tá, hiểu ra, cảm ơn tôi đã có lời nhắc nhở nhiệm vụ của ông. Chúng tôi bắt tay từ biệt.

Mãi tới năm 1979 tôi mới gặp lại Đại Tá Phúc trong Trại Cải Tạo Nam-Hà A ngoài Bắc. Trong cuộc rút binh, Đại Tá Phúc đã bị bắt khi đi được nửa đường Xuân-Lộc, Bà-Rịa và bị giữ trong trại tù từ ngày đó.

Ra tới QL 1 tôi phải cho quân đi hàng một và cách lề trái đường vài chục mét. Khi đến ngã ba Tân-Phong tôi được lệnh ngừng lại chờ lệnh. Trên QL 1 những chiếc xe cam nhông chở đầy áp lính ngồi hai hàng, xe chạy như bay, chiếc này bám đuôi chiếc khác. Xe mờ đèn pha sáng choang. Có những người lính bộ binh lưng mang nặng ba lô, súng đeo vai đi sát hai bên đường.

Một anh lính bộ binh chạy từ bên phải sang bên trái đường, bị trượt chân té, văng nón sắt. Chiếc xe cam nhông chạy qua, đè ngang hai chân anh. Anh lính la hét đau đớn được một câu thì chiếc xe cam nhông thứ hai đã đè đủ năm chiếc bánh bên trái qua người anh ta. Tôi nghe rõ tiếng “rộp!” khi bánh xe lăn qua đầu anh. Cái xác dẹp lép của người lính cách chân tôi khoảng hai mét. Tôi kéo xác anh vào lề đường. Cái căn cước quân nhân cho tôi biết tên người xấu số là Nguyễn Thành Long, sinh quán Long-An.

Hai bên đường, người đi như chảy hội, giữa đường, xe cứ nối đuôi nhau.

Tôi chờ khoảng mười phút thì Đại Tá Lê Xuân Hiếu, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 43 cùng người liên lạc truyền tin của ông tới gặp tôi. Thập tùng Đại Tá Hiếu còn có ông Trung Tá Linh, Sĩ Quan Phụ Tá Hành Quân của Trung Đoàn 43. Đại Tá Hiếu cho tôi biết, Chuẩn Tướng Đào chọn TĐ 82 BĐQ làm lực lượng bảo vệ Bộ Tư Lệnh di chuyển.

Không lâu sau đó, một chiếc Jeep trở tới, Chuẩn Tướng Lê Minh Đào cùng bốn Quân Cảnh nhảy xuống, chiếc xe chạy đi ngay.

Chúng tôi xác định nhiệm vụ, trao đổi tần số rồi lên đường.

Nhiệm vụ được phân chia rõ ràng: Tư lệnh chỉ huy toàn thể trận địa. Đại tá Hiếu chỉ huy cánh quân của TĐ 82 BĐQ và TĐ1/43 BB của Thiếu Tá Nguyễn Khắc Tung (K20 VB) đi theo sau. TĐ 82 BĐQ chịu trách nhiệm bảo vệ Chuẩn Tướng Tư Lệnh trên đường di chuyển. TĐ 3/43 BB từng thiết, được đặt dưới quyền Trung Tá Nô, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 5 Kỳ-Binh. Riêng TĐ 2/43 BB của Thiếu Tá Nguyễn Hữu Chế đóng quân trên núi Thị phải gánh chịu nhiệm vụ nặng nề nhất của cuộc triệt thoái, làm lực lượng đoạn hậu của SĐ 18 BB.

Đường Liên Tỉnh Lộ Long- Khánh, Bà- Rịa nhỏ và hẹp. Ra khỏi ngã ba Tân-Phong một đỗi, tôi thấy những bành đạn pháo binh xếp dọc lề đường, đây là bãi tiếp tế của sư đoàn, xa về hướng nam để đánh lạc pháo địch. Tuy vậy mới chiều hôm ấy địch đã phát giác bãi này, và pháo binh CSBV đã đánh phá đoạn đường này cả giờ.

Chúng tôi đi bên trái đường, thỉnh thoảng chân tôi đá phải những xác người nằm chết rải rác đó đây, những người dân chạy giặc, trúng đạn pháo chết oan, những cái xác còn mềm, có cái còn toàn thân, có cái chỉ còn một phần hình hài con người.

Tôi đi ngang qua đồn điền Michelin vào lúc công nhân ở đây đã lên xe chạy từ lâu. Những gia đình chậm chân thì khăn gói tất tả, vợ chồng con cái hối hả lên đường. Có những bé thơ chừng năm, bảy tuổi, chân bó áo bó quần từng cục vải to. Tội nghiệp cho bé, chân non đường dài!

Tôi chạnh nhớ đến ba đứa con tôi ở Ban-Mê-Thuột, đứa lớn nhất mới bốn tuổi, vợ tôi lại đang mang bầu. Ban-Mê-Thuột đã rơi vào tay giặc từ đầu tháng

Ba năm 1975. Gia đình tôi đã rơi vào tay giặc khi tôi gắng sức bảo vệ gia đình những người khác ở Quảng-Đức.

Đầu tháng Ba, khi có tin địch sắp đánh Ban-Mê-Thuột, tôi đã gọi một cái điện khẩn cấp cho BCH/BĐQ/QK2 và BTL/QĐII cho phép tiểu đoàn tôi về phòng thủ thị xã này. Không ai trả lời cái điện cầu xin trên. Đây là nỗi ân hận sâu xa nhất trong đời lính chiến của tôi, đó cũng là nỗi buồn ám ảnh suốt đoạn đời còn lại của người chỉ huy trực tiếp của tôi, Chuẩn Tướng BĐQ Phạm Duy Tất.

Đoạn đường vài chục cây số từ Tân-Phong đi Bình- Ba, Bà- Rịa thực ra không có gì là đáng ngại đối với những người lính sơn cước của TĐ 82 BĐQ. Nhưng cái nhiệm vụ nặng nề bảo vệ Tư Lệnh Hành Quân đã làm tốc độ tiến quân của chúng tôi giảm đi nhiều so với khả năng.

Đi chừng nửa giờ tôi lại phải cho đơn vị dừng quân bố trí chờ đơn vị theo sau. Quân nhân của những đơn vị khác đi hàng một trên đường, vậy mà vẫn chậm hơn nhiều so với đội hình tác chiến một hàng dọc của TĐ 82 BĐQ đi sâu gần bìa rừng trái trực lộ.

Có lúc hòa châu soi khi ngừng quân, Tư Lệnh quan sát bên đường một lúc rồi hỏi tôi,

– Quân của Long đâu sao qua không thấy?

Tôi phải giải thích với ông rằng đơn vị tôi đã được tập luyện thành thói quen, bất cứ lúc nào dừng quân, mỗi người lính tự động núp vào bụi cây, gò đất, nếu không có gì ẩn nấp, họ phải ngồi thủ thế, súng trên tay sẵn sàng tác xạ. Hòa châu không đủ soi sáng đội hình, nên Tư Lệnh không thấy rõ họ.

Nghe tôi giải thích có lý, Tướng gật đầu,

– Well well, very good!

Tới một cái cầu nơi con suối sâu, nước chảy ào ào, đoàn quân qua cầu hàng dọc, rồi chuyển sang hàng ngang tiến sâu về hướng bìa rừng, khi an ninh đã sẵn sàng, tôi mới mời Tư Lệnh và Đại Tá Hiếu rời vị trí ẩn nấp tiếp tục lên đường.

Chúng tôi đến giữa cầu thì nghe từ đầu dốc phía sau, tiếng chuông xe đạp, *“kính coong! kính coong!”*

Rồi một người đàn bà la lớn, *“Ê các cha! Xe tui không có thắng, tránh xa! Tránh xa!”*

Thế là tụi tôi và Tư Lệnh đứng nép một bên cầu, cầu không có lan can, chỉ sợ người đi xe đạp lao vào mình thì chắc mình sẽ rớt xuống sông trình diện Hà-Bá!

Khi người đi xe lướt qua trước mặt, nhờ ánh hòa châu soi, chúng tôi thấy rõ mặt người vừa la, một bà trung niên rất béo, cưỡi chiếc xe đàn ông loại để thò đang vèo vèo lao xuống dốc.

Chợt chiếc xe vướng cục đá, tưng lên, trệch hướng, và lao xuống dòng nước trắng xóa đang réo âm âm dưới kia. Chúng tôi nghe tiếng thét của người đàn bà ấy ngân dài trong thung lũng,

“Á !...Á !...Á !...”

rồi thì...

“Ùm!”

Sau dư âm của tiếng “Ùm!” cảnh vật lại trở về bình yên. Tôi rọi đèn xuống để quan sát tình trạng người bị nạn thì chỉ thấy một khối đen trôi theo dòng nước cuốn nhanh.

Đoàn quân vẫn tiếp tục hành trình. Tư Lệnh vừa đi vừa đàm thoại với những cánh quân ở xa. Vì cùng tần số, tôi biết Trung Tá Trần Minh Công Trung Đoàn 48/SĐ 18 BB, Đại Tá Ngô Kỳ Dũng Trung Đoàn 52/SĐ 18 BB đang ở nơi nào.

Khi đến gần ngã ba Xà-Bang thì cánh quân của tôi đã bỏ đơn vị theo sau một đoạn hơi xa. Trong bìa rừng sâu tôi nghe tiếng súng báo động của địch. Những tiếng “Tắc!Tắc!...Tắc!...” hai ngắn, một dài, từ hướng Xuân-Lộc tiến dần từng chặng về hướng Nam . Rõ ràng địch đang âm mưu gì đây!

Đại Tá Hiếu thì cứ luôn bận tâm đến đứa con đi đoạn hậu, ĐD 2/43, đơn vị này bắt đầu rời núi Thị. Tôi rất khâm phục cái trầm tĩnh và sức chịu đựng của người sĩ quan đàn anh này. Chân ông còn thắp một mảnh platinum vì chiến thương, vậy mà ông cố theo bèn gót những người lính miền núi mà không để hé chút dấu hiệu mệt nhọc nào, quả là một sự cố gắng phi thường.

Sắp đến ngã ba Xà-Bang, tôi thấy một cái xe Citroën dân sự bị bắn xẹp bánh, nằm giữa đường. Khi tôi rọi đèn pin vào trong xe thì thấy hai ghế trước bỏ trống, trên ghế sau là xác một bà cụ già. Trên tay bà cụ còn ôm một cái coi trà. Cái coi trà bung nắp, những lá trà đẫm máu nằm rải rác trên nệm xe. Tư Lệnh xúc động búi ngùi nhìn cái xác người dân nằm đó, người dân bỏ cuộc giữa đường dẫn tới chốn bình an. Buồn rầu đóng cửa chiếc xe Citroën lại, tôi nhủ thầm, “*Lỗi tại chúng tôi! Lỗi tại chúng tôi!*”

Rồi tôi lâm râm đôi lời cầu nguyện cho người nạn nhân chiến cuộc.

Đến ngã ba Xà-Bang thì Tướng Tư Lệnh mệt lắm rồi, ông đề nghị,

– Long ơi! Có nên cho anh em nghỉ một chút được không?

– Địch nó đã phát giác ra cuộc rút quân của chúng ta rồi, chắc chắn có bọn tập truy kích. Vị trí này rất nguy hiểm không dừng quân được đâu Thiếu Tướng. Nhất là ban đêm, đang đi mà ngừng lại nằm xuống là bị ngủ mê ngay, rất khó dậy nổi mà đi tiếp. Gắng vài giờ nữa là tới chỗ an toàn. Cố lên đi Thiếu Tướng!

Tôi vừa từ chối, vừa kéo tay Tư Lệnh tiến lên. Tôi huýt gió bài “The Longest Day” Tư Lệnh huýt gió theo, và chúng tôi tiếp tục bước đi. Hướng Xuân-Lộc vẫn ì ầm tiếng đại bác. Hòa châu lập lòe phía chân trời xa.

Vừa lúc ấy trên máy liên lạc của Trung Đoàn 43 BB, Thiếu Tá Dư, TĐT 3/43 BB báo cáo rằng đoàn cơ giới của anh và Trung Tá Ngô Thiết Đoàn 5 Kỵ Binh đã gặp quân Dù án ngữ ngõ vào Bình-Ba, họ đang chờ xác nhận của cấp trên rồi mới cho phép quân Xuân-Lộc tiến vào. Tướng Tư Lệnh thờ phào nhẹ nhõm, thế là chuyện “link-up” với quân bạn đã xong, bây giờ chỉ còn chuyện theo dõi an nguy của đoàn hậu quân là Tiểu-Khu Long-Khánh, Lữ Đoàn 1 Dù và Tiểu Đoàn 2/43 BB.

Chúng tôi dần bước tiến nhanh về phía trước, xa xa vọng lại tiếng gà gáy sớm. Khi chúng tôi nhìn thấy ánh đèn dầu của xóm thôn le lói, cũng là lúc máy truyền tin của Tiểu- Khu Long-Khánh báo tin cho Tư Lệnh rõ rằng họ đang chạm địch. Rồi đến tin tức Lữ Đoàn Dù chạm địch. Những khẩu pháo Dù đặt bên đường đầu xóm bắt đầu tác xạ từng tràng yểm trợ cho quân bạn.

Mặt trời hừng đông, một chiếc xe Jeep chạy đến đón Tướng Tư Lệnh và tùy tùng của ông. Chiếc xe thứ hai đến đón Đại Tá Hiếu, Trung Tá Linh và anh lính truyền tin Trung Đoàn 43 BB.

Tôi cho đơn vị đi sâu vào hướng làng xã rồi dừng quân dưới một bụi tre làng. Tôi cho các đại đội bố quân, cắt người canh gác. Đầu dựa ba lô, mắt tôi nhíp lại rất nhanh.

Mặt trời lên cao khỏi ngọn cây, tôi thức dậy bởi tiếng động cơ của một cái trực thăng chỉ huy đáp bên căn cứ hỏa lực của Dù. Ba người cao lớn nhảy xuống, chiếc tàu bay đi.

Không rõ những người vừa xuống máy bay là ai, chỉ thấy sau khi trao đổi vài lời gì đó với những pháo thủ Dù, họ quay sang tiến về phía TĐ 82 BĐQ.

Khi họ đến gần thì tôi nhận ra Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn III, Trung Úy Đức tùy viên của ông, và một anh lính mang máy truyền tin. Tôi ra lệnh cho tiểu đoàn tập họp năm đại đội dàn chào.

Sau khi bắt tay tôi, Tướng Toàn đi một vòng, bắt tay từng người lính đứng trong hàng. Ông chỉ vắn tắt, lặ đi, lặ lại, có một câu,

“Good! Giỏi! Tiểu đoàn ni giỏi lắm!”

Rồi ông quay qua tôi nhỏ giọng,

-Thôi cho anh em giải tán đi Long, ở đây sát nách căn cứ Mây-Tào, tụi nó pháo bất cứ lúc nào, nguy hiểm.

Tôi cười,

– Pleime tứ bề là địch, vậy mà Trung Tướng xuống thăm, tụi tôi vẫn đội hình hàng hoàng dàn chào; còn ở đây thì có cái gì đáng ngán mà bỏ lễ nghi quân cách?

Tướng Toàn cũng cười theo,

– Ủ, nhắc Pleime tức là chú mi nhắc khéo ta còn nợ cái lon trung tá của chú mi trận đó có phải không? Thôi về Long-Bình kỳ này ta đền cho! Chịu chưa?

Rồi Trung Tướng Toàn bắt tay tôi từ giã, có xe chờ đưa ông vào Hội Đồng Xã Bình-Ba họp với Tướng Đào.

Tướng Toàn không lạ gì chúng tôi, chúng tôi cũng chẳng lạ gì Tướng Toàn. Trong thời gian Tướng Nguyễn Văn Toàn giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II, ông thường ghé thăm Pleime và Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân. Tướng Toàn đã chứng kiến khả năng đơn vị này qua những trận đánh lầy lừng, Căn Cứ 711, Pleime, Đạo Trung.

Trong năm 1974 Tướng Toàn đã hai lần gán Anh Dũng Bội Tinh với Hành Dương Liễu lên hiệu kỳ tiểu đoàn này. Sau đó ông thuyên chuyển về làm Tư Lệnh Quân Khu 3.

Tháng 4/ 1975 Quân đoàn II tan rã. Khi được tin báo rằng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân còn đang lặn lội trong rừng già Bảo-Lộc, chính Tướng Nguyễn Văn Toàn đã ra lệnh cho Không Quân Vùng 3 Chiến Thuật cứu tiểu đoàn này về Long-Khánh chiều ngày 6/4/1975.

Chiều hôm đó, tại sân bay Long-Khánh, Tướng cũng chỉ ngắn gọn một câu, *“Good! Giỏi! Tiểu đoàn ni giỏi lắm!”*

Chúng tôi đã đáp lại lời khen của ông bằng những chiếc T 54 cháy bên rào Trại 181 PB, và bằng những khẩu phòng không nước thép còn xanh biếc được trưng bày ở sân bay Long-Khánh.

Trưa hôm đó tôi vào gặp Chuẩn Tướng Đào trong Hội Đồng Xã Bình-Ba, ông cho biết Lữ Đoàn 1 Dù đã thành công diệt xong những con chốt chặn và đang trên đường tập trung vùng bắc xã Bình-Ba.

Riêng tin tức liên quan đến Tiểu Khu Long-Khánh thì còn mù mờ. Trung Tá Đình (K10 VB) Tiểu Khu Phó đã tử trận vì một quả B 40 trúng ngay xe ông. Số phận Đại Tá Phúc, Tỉnh Trưởng thì chưa rõ rệt, còn đang phối kiểm.

Tôi mượn xe và tài xế của Chuẩn Tướng Đào để ra Bà-Rịa, vào trung tâm tiếp cư, dò tên gia đình vợ con tôi trên danh sách nạn nhân chiến cuộc, nhưng không thấy tin tức gì của Ban-Mê-Thuật cả.

Khi tôi về lại Hội Đồng Xã Bình-Ba thì Đại Tá Hiếu cho tôi biết địch đã bôn tập truy kích đúng như dự đoán của tôi. Chúng chặn đánh quân bạn ngay tại ngã ba Xà-Bang, Trung Tá Đình chết ở đây, Đại Tá Phúc cũng bị địch bắt ở địa điểm này. TĐ 2/43 BB của Th/Tá Chế thì đang bị xe tank CSBV truy lùng, phải lẩn trốn trong rừng cao su để tìm đường rút về hướng Long-Thành.

Ngày hôm đó Tổng Thống Thiệu từ chức trao quyền lại cho cụ Trần Văn Hương. Tiểu đoàn tôi rút vào nhà dân ngủ qua đêm.

Sáng hôm sau chúng tôi rút về Long-Bình, đơn vị tôi xuất phát từ Sư Đoàn 18 và được trả về cho Biệt Động Quân. Từ ngày về Long-Bình tôi mãi lo đi tìm tin tức vợ con, không màng tới việc gặp Tư Lệnh Quân Đoàn III để “đòi nợ” cái lon trung tá.

Ngày 28/4/1975 Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân được lệnh vào vùng hành quân phía sau lưng Trường Bộ Binh Long-Thành. Vì lệnh đến bất ngờ do đó 1/3 quân số đơn vị xuất trại về không kịp giờ di chuyển nên tiểu đoàn vào vùng với quân số 161 người, thiếu vắng Thiếu Úy Đặng Thành Học, người sĩ quan đại đội trưởng ưu tú nhất của tôi.

Tiểu đoàn có nhiệm vụ ngăn chặn địch từ hướng bắc tiến về, đồng thời hỗ trợ cho một đơn vị bạn (?) tái chiếm trường Bộ Binh Long-Thành. Ngọn đồi chúng tôi phòng thủ là một cái tiền đồn cũ, có ba cái lô cốt nhỏ, không hầm hố địa đạo, không có hàng rào. Chúng tôi chỉ chất sơ sài những viên đá tổ ong thành một chiến lũy cấp thời.

Tối hôm đó, từng đoàn xe vận tải của CSBV đã đổ hàng trăm bộ đội xuống khu rừng hướng bắc ngọn đồi trọc mà chúng tôi trấn giữ. Khoảng tám giờ tối, đoàn xe bật đèn rọi đường cho bộ binh theo sau T 54, dàn hàng ngang xung phong biển người vào tuyến phòng ngự của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Ngay loạt đạn 100 ly mở màn, ba cái lô cốt đã bị bắn sập. Đại Úy Hoàn và anh lính truyền tin của ông là những người chết đầu tiên. Tôi bò sang hố của ông, quần tằm thân đầy máu của ông bằng tấm mền poncho line.

Khi tôi di chuyển sang kiểm soát vị trí phòng ngự của Thiếu Úy Thủy, ĐĐT/ĐĐ 4 thì bộ binh địch bắt đầu hô “Xung phong!” Chúng tôi phải dùng lựu đạn M 26 để chặn bước tiến của giặc. Những trái M 72 bắn xéo qua xéo lại từ đỉnh đồi đã khiến cho chiến xa CSBV thoái lui. Dọc theo sườn đồi có bốn, năm chiếc T 54 bị hạ nằm bất động. Hai khẩu M 60 bắn chéo cánh sẽ đã vô hiệu hoá đợt sóng biển người đầu tiên của địch.

Tôi gọi cho Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân xin không yểm và pháo yểm nhưng đơn xin yểm trợ không có ai trả lời!

Chợt đèn xe vụt tắt, tiếng động cơ chiến xa rú lên. Khoảng năm sáu chiếc T 54 tắt đèn và mờ hết tốc lực chạy lên đồi. Chúng đảo một vòng chữ “C” trên vị trí đóng quân của Biệt Động Quân, xích xe đè nát thân thể những người không kịp tránh né rồi chạy đi. Sự kiện này thật là bất ngờ!

Chúng tôi chưa kịp phản ứng thì chiến xa địch đã chạy khuất xuống chân đồi. Ông Thượng Sĩ Phạm Hoa, thường vụ tiểu đoàn bị xích xe tank nghiền nát ngực chết cùng với anh B1 Bích, người nấu cơm cho tôi. Khẩu cối 81 bị đè gãy càng bất khiển dụng. Chuẩn Úy Thiệu, trung đội trưởng trung đội súng nặng ngồi ôm xác thượng sĩ Hoa khóc rưng rức. Cả tiểu đoàn đều biết Chuẩn

Úy Thiệu là ứng cử viên rể quý của “Thượng Sĩ Tía”. Ái nữ của thượng sĩ thường vụ đang là hoa khôi lớp 11 trường Trung Học Minh-Đức Pleiku.

Tôi chưa kịp chấn chỉnh lại đội hình thì đạn 100 ly lại âm âm dội trên đỉnh đồi, rồi đèn xe lại bật sáng soi đường bộ binh địch mở đợt biển người tiếp theo. Lần này chúng tôi ngăn chúng từ xa bằng những quả lựu đạn M 67 nổ chậm. Chúng tôi ném hết sức thẳng tay những quả M 67 xuống chân đồi. Đèn xe soi rõ những thân hình cán binh Cộng-Sản loạng choạng ngã chúi xuống đất vì trúng mảnh lựu đạn. Hai khẩu M 60 vẫn đan cánh sẻ. Những xác người chết đè lên nhau, những tiếng thét đau đớn vang lên man rợ trong đêm đen.

Đèn xe lại tắt, tiếng chiến xa lại hú. Những nòng M 72 đã sẵn sàng phóng đạn. Hai khẩu M 60 được nâng cao lên nhằm vào những xạ thủ phòng không trên tank. Vài chiếc tank bị trúng đạn, nằm lại giữa triền đồi, nhưng có hai chiếc đã lọt được vào vị trí phòng ngự của Biệt Động Quân. Xạ thủ 12,8 ly trên xe đã chết, cái dây xích còn móc vào chân xạ thủ, treo tòn ten cái xác xạ thủ đung đưa bên hông chiến xa.

Trong khi chiếc tank hướng đông đã xoay sang trái chạy xuống đồi thì chiếc thứ nhì còn đang trở đầu ở khoảng đất giữa hai cái lô cốt. Có một Biệt Động Quân đứng xồng lưng giữa đồi chờ đợi cái xe tank đó. Chiếc xe nhằm anh lao tới, anh tránh sang một bên, rồi nắm sợi xích treo cái xác bên hông xe đu lên pháo tháp. Một quả lựu đạn ném gọn vào lòng xe, quả thứ hai, quả thứ ba... bùng! bùng! bùng! chiếc xe loạng choạng rồi ngừng trên đỉnh đồi.

Người Biệt Động Quân nhày xuống xe, anh xả một băng M 16 vào cái thầy ma cán binh Cộng-Sản, xạ thủ phòng không. Hết đạn, anh thay băng đạn khác, nhà đạn tiếp tục, cái thầy ma toe tua từng mảnh. Rồi anh ngồi bệt xuống đất ôm mặt khóc rống lên. Người ấy là Chuẩn Úy Thiệu!

Tôi cứ để cho người sĩ quan trẻ khóc, khóc cho vơi hận thù, cho vơi nỗi thương tâm.

Khoảng nửa đêm, đèn xe lại rọi sáng, đạn 100 ly lại cày xới ngọn đồi không tên. Tôi không thể nắm vững được con số tổn thất của quân bạn là bao nhiêu. Chúng tôi đã xử dụng đến những ống M 72 cuối cùng. Tôi gọi Thiếu Úy Thủy và cho lệnh anh đi gom góp lựu đạn của những người đã tử trận về chia cho những người còn sống để đánh địch lần chót.

Dưới ánh đèn xe, những người lính xâm lăng trong đợt xung phong này hình như không còn hăng hái như hai đợt trước; họ bắt đầu bò lên, nương theo những mô đá nhấp nhô. Như vậy là địch đã mất tinh thần! Khi những quả lựu đạn vừa bật mở vệt nổ “Ùm!” thì những anh bộ đội Cộng-Sản cũng quay lưng chạy thực mạng ngược về hướng rừng.

Thế là đèn pha vụt tắt. Dưới chân đồi có tiếng rên la của lính CSBV bị thương. Hai khẩu M 60 tưới đạn không thương tiếc về hướng có những tiếng rên la đau đớn ấy.

Chỉ mười phút sau đoàn xe tank lại ào ạt tiến lên đồi lần thứ ba. Lần này chúng theo đội hình hai hàng dọc, đâm thẳng lên đỉnh đồi rồi đồng loạt pha đèn, chia hai ngã, trái, phải giày xéo vị trí trú quân của chúng tôi. Trên thành xe không có tên xạ thủ phòng không nào! Những đũa nạp đạn đại bác thì thò đầu lên thụp đầu xuống ném những trái thủ pháo xuống những cái lều poncho và những hố cá nhân.

Chúng tôi giờ này như những con thú bị thương, miệng la, “A !...A!... A!... *Biệt Động!...Sát!*” tay bóp cò M 16 nhắm những cái đầu địch nhấp nhô trên pháo tháp.

Một trái thủ pháo ném trúng lưng tôi, tôi chụp nó ném đi hướng khác, trái thủ pháo nổ trên trời, thủ pháo Cộng-Sản nổ chậm hơn lựu đạn M 26 của ta, sát thương cũng không bằng M 26 của ta.

Bây giờ chúng tôi đã mất trí, không còn biết sợ chết nữa! Chúng tôi trở thành những tay giác đấu, gắng sức leo lên lưng những con quái vật T 54 để đánh quả lựu đạn sau cùng.

Tôi đã leo lên đến cái pháo tháp, tôi lần tay tìm trên sợi dây ba chạc, còn một quả mini và một quả lân tinh! Tay tôi chưa kịp mở chốt quả mini thì một cái đầu địch nhô lên, nó đập một trái thủ pháo trên mũ sắt của tôi rồi ra sức xô tôi xuống xe. Hai con vật giằng co, quả mini tụt tay tôi rơi mất! Tôi gỡ cái nón sắt ra, thẳng tay choảng vào đầu thằng giặc, đầu nó ngúc ngoắc, rồi nó thụp vào lòng xe. Tôi đang cố gỡ trái lân tinh móc trên dây ba chạc thì cái pháo tháp xoay tròn, tôi bị gạt rơi xuống xe. Tôi lăn sang sau một ụ đá, chiếc xe đảo một vòng, xích sắt cày sâu trên đất, cát bụi tưới rất mật, tôi thoát chết trong đường tơ kẽ tóc !

Chúng tôi giờ này như những con cọp bị thương, bị dồn vào đường cùng! Chúng tôi chạy bộ đuổi theo đoàn chiến xa đang rút đi. Trong đám bụi mù, một Biệt Động Quân đã bỏ được một trái M 26 vào trong lòng chiếc T 54 hướng ĐĐ 4/ĐĐ 82 khiến nó quỳnh quáng đâm vào hông một chiếc khác rồi lật nhào xuống triền đồi bốc cháy. Chiếc xe bị đâm trúng thì đứt xích, từ trên xe, bốn tên CSBV nhảy xuống, chúng chưa đứng vững thì năm sáu hòng M 16 đã nhả hàng trăm viên đạn trên người chúng, bọn xâm lăng chết không kịp than tiếng nào.

Có vài Biệt Động Quân còn bám trên pháo tháp những chiếc tank đang đổ dốc, họ cố chúi mũi M 16 vào miệng pháo tháp bóp cò vô vọng. Pháo tháp xoay tròn, họ rơi xuống đất. Chiếc xe chạy sau đè lên thân họ. Đoàn xe biến dạng trong đêm.

Đêm ấy tôi đã sống sót sau một trận chiến đấu đẫm máu và dã man nhất trong cuộc đời mười năm trận mạc. Cái lều của tôi bẹp dí. Chiếc máy PRC 25 của tôi cũng bẹp dí. Chiến xa địch đã rút xa, tôi còn đứng vững trên đỉnh đồi nhìn theo chúng. Tay tôi còn cầm chắc quả lựu đạn lân tinh cuối cùng, tiếc rẻ.

Tôi bước rào quanh ngọn đồi trọc đã xác xơ. Thuộc cấp của tôi chết phơi thân trên miệng hố, la liệt đó đây. Không còn khẩu M 72 nào, lựu đạn cũng cạn, pháo yểm không có, không yểm cũng không có. Tôi quyết định cho đơn vị rút lui.

Một trái mìn cóc nổ dưới chân Chuẩn Úy Trung, người sĩ quan trẻ theo sau lưng tôi đi kiểm tra trận chiến, bàn chân trái của Trung toe ra như miếng bã trầu đẫm máu. Tôi dìu Trung vào cái lều sập của Đại Úy Hoàn, cái xác Đại Úy Tiểu Đoàn Phó đã bị pháo 100 ly xẻ thành từng mảnh, đầu văng một nơi, tay chân văng một ngả. Tôi chụp cái máy PRC 25 của ông ra lệnh cho Trung Úy Trần Văn Phước ĐĐT/ĐĐ 3 cho người dìu Chuẩn Úy Trung xuống đồi. Rồi tuần tạt, các Đại Đội 3,4,2,1 rút lui qua con suối dưới chân đồi.

Trên đồi, những anh hùng Pleime vừa từ trận, nằm phơi thân trên miệng hố cá nhân. Không có tiếng rên la nào cả, tất cả đã ra đi êm ả, tất cả đã ra đi kiêu hùng. Đêm 28/4/1975 máu chúng tôi, máu những người Biệt Động còn tưới ướt đẫm một ngọn đồi không tên của quê hương.

Khi chúng tôi xuống tới vườn cam dưới chân đồi thì xe tank địch ào ạt lên đồi lần thứ tư. Những trái đạn 100 ly bắn dài, vượt qua đỉnh đồi, bay trên đầu chúng tôi rồi rơi bên bờ suối. Đất đá bụi mù sau lưng chúng tôi. Trong đêm tối, tôi cho quân lội nhanh qua bờ bên kia.

Đêm 28/4/1975, chợ chiều rồi! Không ai đáp ứng lời xin tác xạ yểm trợ. Không ai đáp ứng lời tôi xin một trái hỏa châu! Qua suối, tôi cho đơn vị đầu đội hình trong bãi mía. Từ đây, sáng hôm sau tôi nhìn lại bên kia bờ, ngọn đồi trọc đẫm máu không một bóng người, những chiếc xe tank bị phá hủy đêm qua đã được kéo đi. Không thấy bóng dáng quân thù, không nghe tiếng động cơ chiến xa. Ngọn đồi nằm phơi dưới nắng mai im ắng. Vào lúc này, bên trái cái lô cốt hướng bắc, cạnh một gốc bằng lăng, Đại Úy Hoàn TĐP/TĐ 82 BĐQ thoải mái nằm ngủ yên trên đó, đầu một nơi, thân một ngả. Có cả chục người lính can trường yên nghỉ trên ngọn đồi này cùng ông. Gió ngàn lồng lộng, hoa mía bay lồng lộng...

Sáng 29/4/1975 tôi nhìn về hướng căn cứ Long-Bình, có vài cột khói đen bốc lên từ nóc các nhà vòm. Người ta lại đốt gia tài, người ta lại rút đi rồi! Người ta rút đi đâu? Tôi vẫn còn ở sát địch quân, vậy mà người ta lại nở bỏ tôi mà đi, như ở Quảng-Đức, Blao! Kiểm điểm lại quân số, cả tiểu đoàn còn được 107 người!

Tôi lấy cái PRC 25 rà những tần số quen. Tôi bắt được giọng nói của Hàng Minh và Đại Tá Hiếu, Sư Đoàn 18 đang lún càng tại Trảng-Bom ! Khi biết điểm đứng của tôi, Đại Tá Hiếu hẹn gặp nhau tại cổng số 10 Căn Cứ Long-Bình.

Muốn đi về Long-Bình tôi phải tạt qua ngã Hố-Nai. Pháo hai bên Quốc Cộng đều tập trung trên vùng này.

Vậy là, đội pháo ta đi! Chúng tôi đi như những cái thân robot, đạn nổ đằng trước, đạn nổ đằng sau, đạn nổ bên hông, đạn nổ chụp trên đầu. Chúng tôi không nghe gì cả, cứ thế mà đi, hướng Long-Bình, Okay! Tiến lên!

Nơi ô cửa sổ hai bên đường, có những họng súng AK chĩa vào đoàn quân đang di chuyển; chúng tôi không màng tới chúng; chúng tôi cứ đi trong mưa pháo; pháo bắn từ hướng tây dội tới; pháo địch từ hướng đông câu sang. Pháo cứ rơi; những người trúng đạn ngã xuống; những người chưa trúng đạn cứ bước đi; những bước đi không hồn; đường phố đầy hố đạn, đường phố đầy xác người...

Tôi vào tới vòng rào Căn Cứ Long-Bình vào lúc buổi chiều. Tôi là dân Vùng 2 không biết cái căn cứ này có bao nhiêu cổng, đi tìm cái cổng số 10 thì biết nó ở đâu? Tôi thấy một doanh trại có cái bảng Bộ Chỉ Huy/ Liên Đoàn 32 Biệt Động Quân bỏ trống, vậy là thầy trò tôi nhào vào đấy hạ trại. Đếm đầu thuộc cấp trong sân, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân giờ ấy còn 67 người! Như thế là chẵn 40 người chết rải rác trên đoạn đường mưa pháo từ Hố-Nai về tới Long-Bình!

Cơm nước xong thì trời đã tối. Chúng tôi ngủ như chết. Đến ba giờ sáng 30/4/ 1975 Trung Úy Trâm, Sĩ Quan Truyền Tin Tiểu Đoàn dựng tôi dậy,

– Có tin từ liên đoàn ra lệnh cho chúng ta rút về Sài-Gòn!

Tôi uest oải ngồi dậy,

– Mẹ kiếp! Về Sài-Gòn! Về Sài-Gòn làm cái con mẹ gì đây!

Xa cuối trời, hỏa châu le lói hướng Sài-Gòn.

Tôi ra lệnh cho tiểu đoàn (!) chuẩn bị lên đường.

Tới ngã ba Tam-Hiệp chúng tôi gặp một bộ phận của Sư Đoàn 22 Bộ Binh, cùng là dân Vùng 2 mất đất, thấy thương nhau, tay dơ vẫy vẫy...

Cầu xa lộ đã bị xe tank CSBV chặn đường, chúng tôi rẽ vào thành phố Biên-Hòa.

Thành phố vắng lạnh buồn thiu. Tôi cho đơn vị đi dọc theo đường xe lửa, ngang qua những căn nhà tôle ổ chuột, một vài khuôn mặt buồn phẩn bán hương thò ra, ánh đèn vàng hiu hắt, đôi câu vọng cổ vang theo sau lưng người chiến bại,

“Anh ơi! Bỏ gươm đao, bỏ mộng khanh tướng công hầu mà về với em đi! Chiến cuộc đã tàn rồi! Anh ơi! Anh ơi! ”

Chúng tôi cúi đầu làm lúi mà đi. Chúng tôi đi qua cầu Đồi rồi đến cầu Hang, tôi cho đơn vị dừng lại tấp vào những cái quán bỏ trống bên đường. Từng đoàn quân xa, chiến xa có Biệt Động Quân và lính Dù từng thiết đi qua mặt chúng tôi, hướng về Sài-Gòn. Khoảng 8 giờ sáng thì không còn chiếc xe nào đi qua đó nữa. Lúc này trong ngôi chùa bên kia đường tàu, những nhà sư áo vàng đang chắt đồ đạc lên xe, xe hướng về Sài-Gòn. Ít lâu sau xe của họ lại quay trở lại chùa không hiểu vì lý do gì.

Tôi cho quân tiếp tục lên đường. Khi còn cách Thủ-Đức chừng vài cây số người lính có radio loan tin Tổng Thống Dương Văn Minh đang kêu gọi đầu hàng! Tôi cho quân dừng lại, tạt vào một quán cà phê bên đường. Bà chủ quán thấy tôi, ái ngại vặn nhỏ volume cái máy thu thanh.

“Hết rồi! Chị cứ mở lớn cho tôi nghe với! Hết rồi! Chị ơi!”

Bà chủ quán mở radio lớn hơn, và tôi nghe rõ từng lời kêu gọi của ông Tổng Thống, ông tân Tổng Thống nước Việt-Nam Cộng-Hòa mà tôi không rõ ông ta đã lên ngôi lúc nào!

Ngoài cổng có cái xe Jeep từ hướng Sài-Gòn chạy lên, một người trông dáng như Tư Lệnh bước xuống hỏi anh Biệt Động Quân trước ngõ điều gì đó, rồi chiếc xe trở đầu phóng đi. Khi tôi ra ngoài đường thì người lính nói có Thiếu Tướng Đào hỏi tin Thiếu Tá, vì anh ta mới từ phía sau đoàn quân di chuyển lên đây, nên anh không rõ tôi ngồi trong quán nước, anh nói với Thiếu Tướng rằng anh không biết ông tiểu đoàn trưởng ở chỗ nào cả, xin Thiếu Tướng chờ một lát để anh ta đi kiểm, nhưng Thiếu Tướng Đào đã vội vã ra đi.

Ngày 10 tháng 5 năm 1975, tôi đang ngồi uống cà phê trước cửa nhà ông chiêm tinh gia Trần Cẩm số 144 đường Nhật-Tảo, Chợ-Lớn thì bên kia đường một người tóc húi cao, vừa xuống yên chiếc xe đạp thể thao.

Tôi gọi,

– Tư Lệnh! Tư Lệnh!

Tướng Đào ngờ ngác một lúc rồi nhận ra tôi, ông bước sang nhập bàn với tôi và chú Trung Úy Phước, con trai bác Cẩm.

Tư Lệnh nói hôm 30 tháng Tư ông có quay lại tìm tôi ở cái quán cà phê bên đường để rủ tôi đem quân trốn về Vùng 4, nhưng không thấy tôi, nên dự định không thành.

Tôi nhìn vào mắt Tư Lệnh, an ủi ông,

– Số mệnh mà Tư Lệnh ơi!

Chúng tôi xiết tay nhau cảm thông. Vinh quang đành bỏ lại sau lưng, đau lòng mà bỏ lại sau lưng! Trước mặt chúng tôi, những ngày sàu thâm bắt đầu...

Tháng Ba năm 1979 tôi được đưa từ Trại Cải Tạo Phú-Sơn 4, Thái-Nguyên về Trại Nam-Hà A, Phủ-Lý. Tôi là thành phần của toán bốn mươi người có tiền tích trốn trại, nên bị giải về đây với cái còng trên tay.

Khi chúng tôi nhập trại, những người tù trẻ tuổi can tội Vượt Biên và Phục-Quốc chào đón chúng tôi, những kẻ mang công, bằng những đọt võ tay hoan hô tưng bừng.

Hôm sau có người nhắn với tôi rằng Chủ Nhật tới Thiếu Tướng Đào chờ mời tôi ăn cơm ở buồng số 1.

Trưa Chủ Nhật đó tôi tới buồng 1 gặp người chỉ huy cũ, ông ở đội lao động cùng Tướng Sang Tư Lệnh Sư Đoàn 6 KQ, Đại Tá Phúc Tỉnh Trưởng Long-Khánh, và Đại Tá Khoái CHT/BĐQ/QK1.

Thời gian qua đã mấy năm không gặp, tôi rất vui khi bắt tay Tư Lệnh.

Bữa cơm ấy có tôi, Tư Lệnh, Tướng Sang và một người quen của Tướng Sang.

Tư Lệnh cầm tay tôi, giọng nói đầy hưng phấn,

– Những bạn trẻ như em đã làm qua tình ngộ, xét lại mình. Từ nay qua sẽ sống xứng đáng hơn!

Tôi chẳng hiểu ý Tư Lệnh muốn gì, nhưng tôi tin chắc có điều lạ đang chuyển biến trong tâm tư Tư Lệnh (?)

Những buổi chiều sau đó, mỗi khi đi lao động về, chúng tôi đều tụ tập bên bờ giếng trước buồng 7 để nghe Thiếu Tướng Đào, Đại Tá Trí, Đại Tá Quy, và Đại Tá Minh hòa nhạc. Họ là những nhạc sĩ siêu quần, tiếng đàn của họ có thể ví với tiếng đàn của một siêu “Band”, nhất là cây măng đô lin của Đại Tá Minh.

Chuyện tụ tập đàn ca đến tai ban chỉ huy trại. Thành “chèo” Lục xuống yêu cầu ban nhạc và khán giả giải tán. (Ở trại Nam-Hà A chúng tôi gọi những tên công an coi tù là “chèo”, hay “phường chèo”).

Những người trẻ tuổi hô to,

– Đả đảo “chèo” Lục!

Lời qua tiếng lại, lũ “chèo” ùn ùn kéo xuống vây quanh đám đông.

Tướng Đào lớn tiếng,

– Anh không đủ tư cách nói chuyện với tôi! Anh về gọi Trung Tá Xuyên, trại trưởng xuống đây nói chuyện với tôi!

Trung Tá Xuyên không xuống, mà đoàn vệ binh thì càng lúc càng đông hơn. Chúng lừa tù về buồng, khóa cửa lại, khóa cả cửa ra sân lớn, không cho các buồng giao thiệp với nhau.

Sáng hôm sau một cái xe Molotova bít bùng đến trại Nam-Hà A đem Tướng Đào và vài ông tướng khác đi mất biệt.

Sau khi chia tay nhau ngày ấy ở Trại Cải Tạo Nam-Hà A, tôi và Tư Lệnh chưa có dịp gặp lại nhau.

Tam nhân đồng hành trên Liên Tỉnh Lộ Long-Khánh, Bà-Rịa tháng Tư năm xưa thì có hai người bị giữ trong trại tù 13 năm là tôi và Đại Tá Hiếu, người thứ ba là Thiếu Tướng Đào thì bị nhốt lâu hơn. Ông và ba vị tướng nữa của Quân

Lực Việt-Nam Cộng-Hòa là những người sau cùng của chế độ được tha khỏi gông cùm 17 năm sau khi Miền Nam sụp đổ.

Bây giờ là tháng Tư! Ba mươi năm đã trôi qua. Bao nhiêu lần kỷ niệm xưa hiện về. Tháng Tư nào cũng chờ đầy nỗi buồn!

“Hàng Minh đây Tiên Giao gọi! Tháng Tư lại về rồi Hàng Minh ơi!”

VƯƠNG MỘNG LONG

Seattle, ngày 7 tháng Tư năm 2005

*Bài đã in trên Đa Hiệu số 74

CUỐI ĐƯỜNG (HỒI KÝ CỦA VƯƠNG MỘNG LONG – K20)

CUỐI ĐƯỜNG (HỒI KÝ CỦA VƯƠNG MỘNG LONG- K20)

*“Vinh quang một đời của người cầm quân là một món nợ.
Nợ với tổ quốc, với đồng bào, và với thuộc cấp của mình!”*
(Vương Mộng Long)

—o—

Bây giờ sáng ngày Ba Mười tháng Tư 1975, tôi dừng quân trên một tọa độ cách thủ đô Sài-Gòn hơn hai chục cây số. Nơi đây là đoạn cuối của Quốc Lộ 1. Chỉ còn một quãng đường ngắn ngủi nữa thôi, Quốc Lộ 1 sẽ chấm dứt. Tối qua, 29 tháng Tư chúng tôi rút về tới Long-Bình thì Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân đã di chuyển đi đâu mất rồi. Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân của tôi như con gà con lạc đàn. Tôi vào máy gọi Liên Đoàn 24 BĐQ, gọi Tiểu Đoàn 81 BĐQ, gọi Tiểu Đoàn 63 BĐQ, và gọi cả Sư Đoàn 18 BB/ HQ trên tần số riêng. Tần số nào cũng rối loạn. Tôi không bắt liên lạc được với ai. Nửa đêm, thành lình máy vô tuyến đưa lệnh, chẳng hiểu của giới chức nào, chỉ vắn tắt một câu,

—“Các đơn vị cấp tốc rút về phòng thủ Sài-Gòn!”

Mờ sáng Ba Mười tháng Tư, chúng tôi bỏ Long-Bình, rồi từng bước, rút về hướng thủ đô, để “*phòng thủ thủ đô*”. Cuối cùng, lết bộ tới Cầu Hang (Biên-Hòa) thì mỏi mệt quá, tôi cho quân dừng lại nghỉ. Trên Quốc Lộ 1, cách Cầu Hang chừng hai trăm mét, hơn sáu chục người lính sống sót cuối cùng của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân bơ vơ. Vào giờ này, quân số Tiểu Đoàn 82 BĐQ bách thắng của Quân Khu 2 còn lại chừng nửa đại đội, với bốn sĩ quan là tôi (Thiếu Tá Vương Mộng Long), Thiếu Úy Thủy, Trung Úy Trâm, Chuẩn Úy Thiệu cùng hơn sáu mươi binh sĩ. Ông Đại Úy Ngũ Văn Hoàn, Tiểu Đoàn Phó chết

đêm 28 tháng Tư. Chuẩn Úy Nguyễn Hữu Phước và Trung Úy Đặng mất tích. Thiếu Úy Châu đi thụ huấn chưa về. Thiếu Úy Học, Thiếu Úy Hoàng vắng mặt từ chiều 27 tháng Tư, trước khi tiểu đoàn vào vùng. Chuẩn Úy Gám, Chuẩn Úy Trung, Chuẩn Úy Lê Văn Phước (Ban 3) cùng Trung Úy Trần Văn Phước thất lạc trên đường rút lui từ Hố-Nai về Long-Bình ngày hôm qua.

Từ nửa khuya, những đơn vị đồn trú ở Long-Bình đã bắt đầu theo cơ giới rút đi. Lúc tôi tới Cầu Hang thì những vị tu hành áo vàng của ngôi chùa Theravada bên kia lộ đang lên xe chạy về hướng Sài-Gòn. Giờ này họ đã quay trở lại. Họ trở lại chùa, vào phòng, khóa chặt cổng ngoài. Có một điều lạ lùng, khác với những lần rút lui từ Quảng-Đức và từ Long-Khánh, đó là, trong lần rút bỏ Biên-Hòa này, tôi không thấy dân chúng bồng bế nhau chạy theo quân đội. Chiếc xe nhà binh sau cùng di chuyển qua Cầu Hang đã khuất bóng từ lâu. Khoảng tám giờ sáng thì không còn ai đi sau chúng tôi nữa. Sau lưng chúng tôi, thành phố Biên-Hòa có lẽ đã rơi vào tay Cộng Quân. Trước mắt chúng tôi là Quốc Lộ 1, dài mùt mịt, hướng Sài-Gòn. Cuối trời hướng tây có từng cột khói đen cuồn cuộn bốc lên. Trong vài túp lá, quán cóc bên đường xe lửa, xác những người bạn Nhảy Dù chết cách đó một vài ngày còn nằm trên sạp tre. Họ đã hi sinh khi nhỏ chốt địch để lấy lại đoạn đường quanh Cầu Hang. Tôi không còn tâm trí đâu mà lo chôn cất cho những người bạn đã kiên dũng nằm xuống này. Chính tôi cũng không rõ số phận chúng tôi sẽ như thế nào trong vài giờ sắp tới.

Mười giờ sáng Ba Mươi tháng Tư năm 1975. Tôi thẩn thờ rời cái quán cóc bên đường. Chiếc xe Jeep của Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 BB đã khuất dạng nơi khúc quanh có vườn cây xanh, về hướng Thủ-Đức. Tư lệnh đã quay lại tìm tôi, nhưng giây phút cuối cùng, chúng tôi không kịp gặp nhau. Vào giờ phút này, trên máy thu thanh, ông Dương Văn Minh đang oang oang ra lệnh cho chúng tôi buông súng. Ông Dương Văn Minh gọi kẻ thù của chúng tôi là *“những người anh em”* Chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ, buổi sáng Ba Mươi tháng Tư năm 1975, cuộc chiến tranh Việt-Nam hai mươi năm đi vào trang chót. Đứng trên đường tà vẹt, tôi bàng hoàng, ngỡ ngàng tự hỏi,

–“Có phải ta đang trong cơn ác mộng hay không?”

–“Sao chiến tranh lại có thể kết thúc một cách đột ngột, vô lý, và thâm trầm như thế này?”

Chua xót thay! Tôi không mơ. Tôi đang sống với thực tế phũ phàng. Thăng Y Don Near nắm chặt sợi dây ba chạc của tôi, nó khóc sụt sùi,

–“Thiếu Tá ơi! Sao lại thế này? Thiếu Tá ơi! Hu...hu ...hu...”

Từ chiếc máy PRC 25, trên lưng nó, trong tần số liên đoàn, có nhiều giọng đàm thoại lạ. Những hiệu đài không quen, gọi nhau, chửi thề, quát tháo, than van...

Trước mắt tôi, bên kia đường, lá cờ ngũ sắc trong sân chùa bay phất phới. Hai bên quốc lộ, những bộ rằn ri còn bố trí, thể tác chiến sẵn sàng. Những người lính Biệt Động đang chăm chú nhìn cấp chỉ huy của họ. Họ nhìn tôi với ánh mắt của những đứa con nhỏ đang nép mình trong lòng mẹ, vào những buổi ngoài trời giông bão, mịt mù sấm sét. Cảnh này quen thuộc lắm. Những khi tình hình nghiêm trọng, thuộc cấp của tôi thường chờ đợi quyết định của tôi với những cái nhìn kính cẩn, tin tưởng và thương yêu như thế này. Trong mười năm chiến trận, đã có đôi lần tôi bị bỏ lại đằng sau. Đôi lần đơn vị tôi bị dồn vào tình trạng vô cùng nguy khốn, thập tử nhất sinh, nhưng thấy con chim đầu đàn còn hiện diện, những người lính dưới quyền tôi vẫn không xiêu lòng, không bỏ vị trí. Nhưng sáng nay, trước mắt họ, người chỉ huy của họ đã trở thành một hình nhân, bất động. Thực sự, tôi không biết phải làm gì bây giờ. Radio chỉ có một chiều; tôi chỉ nghe được; không trả lời được; không hỏi lại được. Có ai cho tôi biết ông Dương Văn Minh lên chức tổng thống lúc nào đâu? Tôi biết hỏi ai rằng ông tổng thống này là thật hay giả? Theo tôi biết, ông tướng này, sau khi giết cụ Diệm để tiến chức, đã bị các nhóm khác hất cẳng về vườn lâu rồi. Sao tự nhiên ông ta trở thành Tổng Thống Việt- Nam Cộng - Hòa được nhỉ? Sao một thường dân có thể lên làm tổng thống dễ dàng thế nhỉ? Đùng một cái, sáng nay, ông ta ra lệnh cho tôi buông súng. Đầu hàng? Đầu hàng cách nào? Đầu hàng ở đâu? Đầu hàng với ai? Giữa đồng không, tôi đứng chết trân. Mặt trời lên, thày trò chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau. Những bàn tay đen đui Bana, Jarai, Rhadé đưa lên quyết nước mắt.

Hướng Tân-Uyên có tiếng trống múa lân thùng! thùng!...thùng... thùng... nghe lớn dần... lớn dần. Tới Cầu Hang, đoàn múa lân queo phải, về tây. Tôi thấy một cán binh Cộng-Sản vai quàng AK, vác lá cờ Mặt Trận Giải-Phóng Miền-Nam đi đầu, tiếp đó là cái đầu lân nhày múa, rồi một đoàn người điên cuồng, la hét, hoan hô, đả đảo, nói theo sau. Tiếng loa vang vang,

–*“Hoan Hô Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-Nam!”*

– *“Hoan hô!...Hoan hô!”*

Thùng!... Thùng!... Hoan hô!...Hoan hô!... Thùng!... Thùng!... Tiếng loa và tiếng trống lân dập dồn theo gió; lá cờ Giải-Phóng khổng lồ, xanh đỏ, uốn éo trong gió.

–*“Đù má tụi mi! Tụi mi chọc giận ông phải không?”*

Chửi thề xong, ông Hạ Sĩ Phi xả hết một dây đạn M60 về hướng đoàn múa lân. Chỉ là bắn dọa! Đạn bay cao. Đoàn múa lân như ong vỡ tổ, chạy tán loạn. Chiếc đầu lân bị vứt chổng chơ giữa đường. Thằng VC vác cờ cũng quăng cờ, bò lê, bò càng tìm chỗ tránh đạn.

–*“Thôi! Ta đi!”* Tôi ra lệnh cho những người lính cuối cùng của đơn vị.

–*“Minh đi đâu bây giờ, Thiếu Tá?”* Thiếu Úy Thủy bắn khoăn hỏi.

-“Thì cứ đi về hướng Sài-Gòn, tìm xem có ai ở đâu đó, mình nhập vào với họ.”

Tôi trả lời Thủy. Mà chính tôi cũng chẳng biết mình sẽ dẫn đơn vị đi về đâu! Không mục tiêu, chúng tôi đi rất chậm.

-“Thùng!... Thùng!...Hoan hô!...Hoan hô!”, chúng tôi đi được chừng nửa cây số thì đoàn múa lân lại tiếp tục theo sau lưng.

-“Hoan hô! Hoan hô cái mà cha tụi mi!” Hạ Sĩ Phi lại đổ quạu.

-“Cành! Cành! Cành!... Cành!... Cành! Cành!” Một dây đạn đại liên M60 lại quét ngược về đằng sau. Vẫn chỉ là bắn dọa! Đạn bay cao. Thằng VC vác cò lại vội quăng cò núp đạn. Cái đầu lân lại bị ném chổng chơ trên mặt đường. Đoàn múa lân lại tán loạn chạy chết.

Chúng tôi tiếp tục lê gót theo đường, về hướng Sài-Gòn. Cứ đi được vài trăm mét, lại dừng chân nghỉ mệt. Có mục tiêu nào cho chúng tôi tìm tới đâu mà phải vội vàng? Khi đi ngang khu núi đá vôi Bửu-Long thì thằng Don đưa ống nghe cho tôi,

-“Có Hai Lê Bảy (207) gọi Thái Sơn!”

Tôi nghe tiếng Trung Tá Hoàng Kim Thanh, Liên Đoàn Trường LĐ24/BĐQ,

-“Thái Sơn! Đây Hai Lê Bảy! Anh cho hai chiếc xe tới đón chú và con cái về Đường-Sơn Quán. Các đơn vị đang tập trung ở đây chờ lệnh!”

giọng anh Thanh vẫn bình tĩnh, từ tốn, không có vẻ gì là lo lắng.

Nghe ba tiếng *“Đường-Sơn Quán”*, tôi chợt nhớ thời 1971-1973, ở BCH/BĐQ/QK2 có một biệt đội Biên-Vụ (Viễn Thám) do tôi thành lập, huấn luyện, và trực tiếp chỉ huy. Sáu toán Biên-Vụ trang bị AK, dép râu, nón tai bèo, nghênh ngang, xuôi ngược trên các tuyến đường Hồ Chí Minh, dọc theo biên giới Việt, Miên, Lào, trong căn cứ địa 609, 613, 701, 702, 740. Những cú nổ mìn phá ống dẫn dầu, phá xe tải, bắt cóc cán binh, dọc Trường-Sơn Đông, phá Ngầm 24 trên sông Sé San là một mối đe dọa kinh hoàng hàng ngày đối với đoàn quân xâm lăng vào từ phương Bắc. Chuyện chúng tôi xuất, nhập các mật khu, huấn khu địch, xảy ra như cơm bữa. Những tay súng dưới quyền tôi cũng yêng hùng, ngang tàng như các hiệp sĩ trong phim Hồng-Kông. Họ quen gọi tôi là *“Anh Hai”*. Bất cứ giờ nào, dù đang lội trong rừng gai mây Plei-Trap Valley hay trong rừng khộp Nam Lyr (Cambốt), họ vẫn nghe được tiếng *“Anh Hai”* của họ, từ một đỉnh núi cao nào gần đó. Thỉnh thoảng, *“Anh Hai”* lội rừng chung với họ để thi hành những nhiệm vụ gay go do Quân-Đoàn II giao phó. Tôi và họ, thương nhau như anh em cùng mẹ, cùng cha. Khi cuốn phim *“Đường-Sơn Đại-Huỳnh”* được chiếu trên màn ảnh các rạp Diệp-Kính, Diên-Hồng, Thanh-Bình, ở Pleiku, thì đàn em của tôi gán cho tôi biệt danh *“Đường-Sơn Đại-Huỳnh”* chỉ vì tôi có cái tên Long, trùng với tên ông Lý Tiểu Long, tài tử chính của phim này.

Sau khi “Anh Hai” vào Plei-Me nhận Tiểu Đoàn 82/BĐQ/BP, đơn vị này bắt đầu đánh giặc với cái phong thái “Đường-Sơn” khiến quân thù vừa nghe tên đã khiếp vía. Tôi ở Cao-Nguyên mút mùa, làm sao biết được ở Sài-Gòn cũng có cái quán được đặt tên như trong phim võ hiệp của Tàu? Tôi mở miệng định hỏi anh Thanh tọa độ của Đường-Sơn Quán thì máy liên đoàn đã cúp. Tôi đành cho anh em ngừng lại bên đường, chờ đợi. Chừng nửa giờ sau, hai chiếc xe be từ hướng Thủ-Đức chạy lên. Xe ngừng, ông tài xế ló đầu ra lớn tiếng hỏi,

-“*Có phải Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đó không?*”

-“*Phải rồi! 82 đây!*”

-“*Lên xe đi! Tôi chờ các ông về Đường-Sơn Quán!*”

-“*Có ai ở đó không?*”

-“*Đông lắm! Có lẽ các ông là những người tới sau cùng!*”

Xe trở đầu, chúng tôi lên xe. Tôi, Trung Úy Trâm và thằng Don ngồi trên cabin chiếc xe đi đầu. Chú Thủy và chú Thiệu đi xe sau. Thành xe be thấp hơn thành xe GMC, không có thể để đứng, những người lính đành phải ngồi chồm hổm. Ông tài xế xe be, cười rất tươi,

-“*Hòa bình rồi! Hòa bình rồi! Hết đánh nhau rồi các anh ơi!*”

Tôi là một người lính nhà nghề, nên dù cho “hòa bình” có ở ngay trước mắt, hiệu lệnh phản phục kích xe vẫn được tôi ân cần nhắc nhở cho thuộc cấp. Hai khẩu M60, một của Hạ Sĩ Phi, một của Trung Sĩ Tài, được đặt trên nóc buồng lái của hai chiếc xe be.

Xe đang bon bon trên con lộ vắng thì khựng lại, bò từ từ. Trên mặt lộ, đàng xa, có người dang tay phát phát lá cờ nửa xanh, nửa đỏ, ra hiệu cho xe chạy chậm lại. Tới gần, tôi nhận ra một du kích Việt- Cộng, quân phục xanh, mũ tai bèo, dép râu. Tên du kích cột lá cờ trên cánh tay phải, cờ phát lia, phát lia. Tay trái nó dương họng khẩu AK 47 hướng vào đầu xe của tôi. Xe vừa ngừng thì hai bên đường có tiếng la,

-“*Bắn! Bắn!... Không cho đũa nào chạy thoát!*”

Rồi thì tiếng súng đủ loại rộ lên. Những người lính Việt-Nam Cộng-Hoà trên hai chiếc xe be vừa ngừng trên mặt quốc lộ trở thành những cái bia sống. “Hòa bình” rồi, tại sao người ta nỡ dang tay giết chúng tôi, khi chúng tôi đang trên đường về điểm tập trung để buông súng?

-“*Choác! Choác!Choác!*”

Tôi tối tăm mặt mũi vì loạt đạn bất ngờ. Tấm kiếng che gió của chiếc xe tôi đang ngồi lãnh cả chục viên AK của loạt đạn đầu tiên. Mảnh thủy tinh văng rào rào trên đầu, cổ, mặt mũi tôi. Ông tài xế gục trên vô lăng. Thùng nước xe bể, hơi nước phun “*phi...phi...*” che kín đầu xe. Tôi phóng nhanh xuống đường. Sau một cái lạng mình, tôi đã ở đàng sau thành xe. Tôi rút khẩu Colt 45, vẩy

một viên về hướng thẳng du kích. Viên đạn trật mục tiêu. Một BĐQ vừa nhảy khỏi xe, té trên mặt đường. Hình như anh ta bị trúng đạn, không ngời dậy được. Tôi giựt khẩu M16 trên tay anh,

–“Đưa tao!”

Tôi kéo cơ bả. Đạn tuôn ra khỏi nòng. Tên du kích giãy giụa trên vũng máu. Lá cờ Mặt-Trận phủ trên mình thẳng du kích. Tôi ghéch mũi súng về lẽ phải con đường, nơi hàng chục họng AK và B40 đang đua nhau nã đạn vào hai chiếc xe be. “Oành!” một trái B40 nổ ngay trước mặt tôi. Tôi cảm nhận rõ ràng nhiều mảnh B40 và đá, sỏi đã ghim vào cẳng mình. Chủ nhân khẩu M16 mà tôi đang xử dụng bị bay mất cái đầu; máu từ cổ anh xị thành vòi; phần thân thể còn lại của anh giựt giựt trên mặt lộ. Khẩu B40 cách tôi chỉ vài sải tay, ngay bên kia đường. Tôi nhắm đầu thẳng xạ thủ B40 quạt một tràng M16. Ngón tay tôi tiếp tục siết cò. Địch đông lắm. Chúng đứng lố nhố trong vườn có những luống đậu, dây leo. Một băng đạn ria đại vào đây cũng có thể hạ gục cả chục tên. Chúng tôi không dự trù sẽ vướng vào một cuộc giao tranh vừa bất ngờ vừa điên cuồng này. Chúng tôi ở vào cái thế không biết xoay trở cách nào để phản công. Thôi, đành liều mạng! Ai đang ở đâu nằm tại đó, chống trả. Cũng may, đêm qua, ở Long-Bình, chúng tôi có cả kho đạn lặn lưng cho ngày hôm nay.

Đạn địch từ hai bên đường trước mặt tôi tưới như mưa vào những người lính còn đứng trên xe. Những thân hình rần rí rơi rụng xuống mặt lộ. Có người chân vừa chạm đất, đã lăn ra chết. Có đôi người vừa nhảy ra khỏi sàn xe, còn lơ lửng trên không, tay đã bóp cò, nã đạn về hướng địch. Hầu như ai cũng lo bóp cò. Không ai để ý đến thân thể mình đã trúng thương nơi đâu. Hạ Sĩ Đinh Lít nằm nghiêng dưới gầm xe, tay trái anh đã trúng đạn, xuôi lơ, tay phải ôm cứng khẩu M16. Anh nằm trên vũng máu, mặt anh tỉnh như không. Mặc cho đạn địch cài dày đặc xung quanh. Với một tay còn lại, anh liên tục bắn hết băng đạn này, tới băng đạn khác. Lựu đạn miêng, lựu đạn nổ, lựu đạn cay, B40, M72, chớp nhoá, “Cành! Cành!...” – “Choác! Choác!...” – “Xoẹt! Xoẹt!...” – “Oành! Oành!...” Hai bên đường, địch vẫn tiếp tục ào ra. Xác Việt-Cộng đê lên nhau từng lớp, ngổn ngang.

–“Cành! Cành! Cành!...” Trên xe, Hạ Sĩ Phi vừa rải từng tràng M60 về phía quân thù, vừa la rú như người mất trí,

–“Đù má tụi mi! Chết cùng chết! Ông chết! Tụi mi cũng chết!”

Trưa Ba Mười tháng Tư, trên đoạn cuối của Quốc Lộ 1, một cuộc hỗn chiến loạn đả xà bần đã diễn ra giữa thanh thiên, bạch nhật. Dân chúng tràn ra đường, xem hai bên đánh nhau. Có đôi ba người dân thường, liều mạng chạy vào khu giao tranh, mang vác những Biệt Động Quân bị thương đem đi cứu cấp. Khẩu đại liên của Trung Sĩ Tài trên xe thứ nhì đã được di chuyển xuống lẽ

đường. Điều lạ là, hai phụ xạ thủ của Tài lại là hai em bé trai, tuổi khoảng mười hai, mười ba. Như vậy có nghĩa là, người phụ xạ thủ và tải đạn của Tài đã bị loại ra ngoài vòng chiến.

Đạn nổ rền trời. Đạn bay qua. Đạn bay lại. Việt-Cộng chết. Biệt Động Quân chết. Dân chúng cũng chết! Những người lính Biệt Động cuối cùng của Plei-Me, Vùng 2, ruột đổ lòng thông vẫn ôm súng bắn như khùng, như điên. Hết đạn, những con cộp giầy chết đành dùng tất cả những gì cha mẹ ban cho để tự vệ: Nắm đấm, gót chân, đầu gối, khuỷu tay và cả...răng cũng được xử dụng. Trong phút giây tuyệt vọng, những chiến sĩ Việt-Nam Cộng-Hoà lăn xả vào địch, la hét, vật lộn, đấm đá, cào cấu, cắn xé... Binh Nhứt Liêu Chí Cường (gốc Chợ-Lớn) trước khi chết, còn cố ôm cứng một thằng địch để cắn vào mặt nó. Tôi biết chắc người đó là chú Cường, vì cái khăn len xanh cổ hũu, bốn mùa quấn trên cổ chú (cái khăn của người tình phụ).

Tôi đã bắn hết số đạn mang theo trên lưng người lính nằm chết dưới chân tôi. Tôi vừa rướn người, quơ quào được một băng M16 trên sàn xe thì đạn 12,7 ly của địch từ xa ào ào bắn tới. Có tiếng Trung Úy Trâm hét lên, bên hông trái xe,

–*“Thái Sơn ơi! Hình như tank tới !”*

–*“Làm gì có tank! Chỉ có 12,7 ly thôi!”*

Đạn phòng không của Việt-Cộng quét sát mặt đường nhựa, toé lửa khi nổ lần thứ hai. Những viên 12,7 ly nổ “đúp” (hai lần), chui qua thân người bị đạn, hất thân mình người đó lên khỏi mặt đất, đục những lỗ to như bàn tay trên thân thể nạn nhân. Trên mặt lộ là cả chục xác Biệt Động Quân không toàn thân. Khẩu M60 của Hạ sĩ Phi đã gãy nát. Hạ Sĩ Phi vỡ óc. Hạ Sĩ Đinh Lít cũng vỡ óc. Sáu bánh xe be xẹp lép. Chiếc xe nằm bẹp xuống mặt đường. Trên sàn xe, trên mặt lộ, chỗ nào cũng ngập máu. Máu đọng thành vũng, máu chảy tràn xuống ruộng. Bên tôi, không còn khẩu M16 nào hoạt động. Những Biệt Động Quân đi trên xe thứ nhứt có lẽ đã chết gần hết. Những người đi trên xe thứ nhì đang là mục tiêu cho khẩu 12,7 ly. Tôi thấy họ rút chạy vào ruộng mía bên phải quốc lộ. Đám dân đứng xem đánh nhau, bị trúng đạn cũng nhiều.

Súng của tôi lại hết đạn rồi. Tôi trườn ra giữa đường để nhặt khẩu AK và giầy đạn của tên du kích. Khẩu đại liên của Trung Sĩ Tài đã gãy làm đôi. Hai em bé tải đạn cho Tài đều chết vì trúng đạn 12,7 ly. Trung Sĩ Tài đang lăn lộn trên vũng máu. Tôi lăn mình vài vòng, tới bên Tài. Tài nhìn tôi, thều thào,

–*“Chạy đi!...Ông thày...chạy đi!...”*

Tôi định xóc Tài lên để dìu anh vào lề đường thì hai mắt anh đã lác. Đạn bay xém bên mình tôi, nổ *“toang toác!”* trên mặt lộ. Chợt ai đó nắm sợi dây ba chạc sau lưng tôi, lôi tôi chạy về bờ ruộng bên trái quốc lộ.

–*“Anh em chết hết rồi. Chạy đi, thày ơi!”* đó là tiếng Trung Úy Trâm.

“Toác!Toác!”- “Chíu! Chíu!” đạn địch đuổi theo. Tôi cầm đầu chạy. Chạy được một hồi thì tôi đuổi sức, lao đảo. Trâm bèn ghé vai, vác tôi lên lưng. Trâm khỏe như một đồ vật. Trâm cõng tôi, nhanh chân lẩn vào rặng dừa bên trái lộ. Hết vạt dừa, Trâm đặt tôi xuống đất.

Chúng tôi lội trên mảnh ruộng vừa gặt xong. Chân tôi vướng góc rạ. Tôi ngã bở nhào trên mặt ruộng. Trên mặt ruộng có những đồ chơi của trẻ con vương vãi đó đây. Một con búp bê bằng nhựa, một cái xe hơi bằng nhựa, những chén bát nhỏ tí, cũng bằng nhựa, màu mè xanh đỏ. Tôi chợt nhớ tới gia đình vợ con tôi ngoài Ban-Mê-Thuật. Chắc vợ con tôi đã chết hết. Tôi nghĩ tới đất nước tôi. Đất nước tôi đã mất. Đơn vị tôi đã tan tác. Một phút bất thần, phần uất, tôi rú lên như con thú,

–“Ôi!... Ôi!... Ông Trời ơi!... Ông Trời ơi!...ơi...ơi...”

Tôi rút khẩu súng Colt ra, kê nòng súng vào mang tai mình, bóp cò. Bàn tay như sắt nguội của Trung Úy Trâm phạt ngang một cú Karaté. Viên đạn bay lên trời. Khẩu Colt văng trên mặt ruộng.

–“Trâm ơi ! Làm ơn! ...Cho anh chết! Trâm ơi!...”

Nước mắt dàn dụa, tôi thất vọng, van lơn. Chẳng nói chẳng rằng, Trung Úy Trâm làm lì, xốc vai tôi bước đi. Ngoài lộ vẫn còn lác đác tiếng đạn bắn qua, bắn lại và tiếng lựu đạn nổ. Trâm lột sợi dây ba chạc của tôi, của anh, mũ sắt của tôi, của anh, vứt trên một gò mả. Trâm từng bước đi tôi về hướng xóm làng gần đó. Giờ đó tôi như con sên yếu đuối, mặc cho chú Trâm tha lỏi đi đâu thì đi. Chúng tôi vừa đụng đầu một con lộ đất thì một nông dân đạp xe tới chặn đường,

–“Ông Thiếu Tá bị thương hả?”

Thói quen, ngược đời, đi trận tôi thường đeo lon trắng. Về nhà tôi lại đeo lon đen. Người dân đã nhìn thấy cặp lon trắng của tôi. Ông cụ có vẻ động lòng,

–“Ông Trung Úy lấy xe này đưa Thiếu Tá chạy đi! Luân quản ở đây lâu không tốt đâu!”

-“Cám ơn cụ!”

Trâm lạnh tay nhận chiếc xe đạp thồ từ tay người dân tốt bụng.

Con lộ đất dẫn tới một văn phòng Hội Đồng Xã, cửa đóng, khóa ngoài. Rồi con lộ đất dẫn vào một ngôi nhà thờ xứ đạo. Trong sân nhà thờ, lố nhố nhiều người đang tập trung. Một cái rờ-mooc xe GMC chất đầy súng ống nằm ngay giữa sân. Đó đây, từng đồng quân trang, quân phục VNCH vừa bị cởi bỏ. Trâm dựng cái xe đạp ngay giữa sân. Chú đứng quan sát một phút, rồi thờ dài,

–“Cởi quân phục vứt đi thì chỉ còn cái áo mayor với cái quần xà-lòn. Mình làm sao đây, Thái Sơn?”

Tôi sờ rầm những khẩu M16 trên chiếc rờ-mọc, *“Lên đạn. Dựng khẩu súng thẳng đứng. Đưa nòng súng vào dưới cằm. Lách ngón chân vào cò súng. Nhấn ngón chân xuống. Thế là xong!”*

Tôi đang suy nghĩ, sắp thử một cú tự giải thoát nữa, thì chú Trâm van lơn,
–“Thày ơi! Thôi đi thày ơi! Đừng bỏ em, thày ơi! “

Trung Úy Trâm ôm chặt vai tôi, khóc nức nở như một đứa bé. Thày trò tôi ôm nhau. *“Hu ... hu... hu....”*

Những người đứng gần đó, bị nỗi đau đớn chung lôi cuốn, cũng ôm mặt khóc theo. Như giữa đám ma, cả một khu sân nhà thờ xú đạo vang lên tiếng khóc. Một đám ma không có người chết, mà những người đang đứng đây, chẳng có họ hàng gì với nhau, nhìn nhau, ôm nhau, cầm tay nhau, chúng tôi khóc vùi.

Một thanh niên cưỡi chiếc Honda 90 từ hướng Quốc Lộ 1 phóng tới. Anh kè sát bên tôi, nói nhỏ,

–“Thiếu Tá lên xe, em chờ đi trốn.”

Trâm đẩy tôi lên yên sau xe, chú leo lên theo.

–“Chúng nó (VC) chết nhiều lắm! Chúng nó bắt được mấy anh lính bị thương, tra khảo họ xem cấp chỉ huy của họ là ai, đâu rồi? Họ khai có ông Thiếu Tá, chắc chết rồi. Chúng kiểm xác chết. Không có xác Thiếu Tá. Chúng đang túa đi lũng. Em sẽ đưa Thiếu Tá đi dấu. Không để cho chúng nó bắt.”

Xe chạy trong đường làng quanh co một đôi thì ngừng. Anh thanh niên dựng xe, đập cửa một căn nhà gỗ, mái dứa,

–“Mẹ ơi! Con đây! Hải đây! Mẹ mở cửa cho con!”

Cánh cửa hé mở, một bà già, tiếng Bắc Di-Cư,

–“Đánh nhau, súng nổ ầm ầm mà mà cứ nhơn nhơn ra đường. Về nhà đóng cửa lại cho tao đỡ lo!”

–“Vâng con về ngay. Mẹ cho con gửi hai anh này. Có ai hỏi, mẹ cứ nhận là hai con của mẹ. Anh Cả, anh Hai đi lính vắng nhà lâu rồi, chòm xóm không nhớ mặt đâu! Mẹ làm ơn, làm phúc. Con đi một chút nữa con về ngay. Mẹ đừng lo!”

Bà mẹ nhìn tôi và Trâm, bà biết ngay hai đứa chúng tôi là sĩ quan QLVNCH đang bị truy đuổi. Bà cụ không dài dòng hỏi han. Cụ đưa tay chỉ cho tôi cái tủ đứng góc nhà,

–“Hai đứa lấy quần áo ‘si-vin’ của thằng Hải mà mặc vào ngay đi! Đưa quần áo nhà binh cho tao đi dấu!”

Thoáng chốc, tôi và Trâm thành hai anh dân sự. Bà cụ Bắc Kỳ đã chôn hai bộ rằn ri dưới bùn ruộng ruộng sau nhà. Trước sân, anh thanh niên (Hải) con bà cụ đang bơm lốp xe. Tôi và Trâm ngồi uống nước với nóng, nghe ngóng động tĩnh. Chợt, ngoài đường có tiếng đối đáp,

–“Anh kia! Anh có thấy hai thằng lính rần ri Ngụy chạy qua đây không?” một giọng Nghệ-Tĩnh gặng hỏi.

–“Có! Chúng nó chạy thẳng sang hướng Thủ-Đức. Đấy! Con đường queo phải! Chỗ cây dừa nghiêng...”

Tên Việt-Cộng chỉ huy liếc mắt vào trong nhà. Thấy tôi và Trâm, nó hỏi trống không,

–“Chứ hai anh kia làm chi rứa? ”

–“Anh Cả và anh Hai của tôi đó!” Hải nhanh miệng.

–“Thưa ông, hai thằng con tôi đi lính ngoài miền Trung. Tụi nó mới đào ngũ về nhà được mấy tuần. Xóm này ai cũng biết.” Bà cụ phân trần.

Thằng Việt-Cộng hết nghi, quay sang đồng bọn, nó ra lệnh,

–“Nhanh lên! Đuổi theo chúng nó nhanh lên! Hướng cây dừa nghiêng. Đừng cho chúng nó chạy thoát! Các đồng chí cẩn thận đấy! Tụi nó có súng!”

Rồi tiếng chân người huỳnh huých chạy đi, xa dần. Bà già lấy khoai lang luộc đưa cho chúng tôi ăn đỡ lòng. Anh Hải rờ máy xe. Nửa giờ sau anh trở về,

–“Thiếu Tá đi được rồi! Quân của chúng nó đi hết rồi.”

–“Hai con có còn tiền để đi xe về quê không? Nếu không mẹ cho!” bà cụ ân cần.

–“Cám ơn bác. Chúng cháu còn tiền đây. Chúng cháu mới lãnh lương. Mà lo đánh nhau, chưa tiêu đồng nào.” Tôi cảm động nói không nên lời. Bà già nhìn chúng tôi, ánh mắt bà chứa ẩn một tấm tình thương xót bao la.

–“Thưa Mẹ! Con đi!”

–“Thưa Mẹ! Con đi!”

–“Anh đi nhé, Hải! Cám ơn Mẹ và em vô cùng!”

Lần đầu tôi gọi một người không sinh ra tôi là Mẹ. Tôi gọi bà là Mẹ, không ngại ngùng, như thể bà đã là Mẹ tôi, đã sinh ra tôi. Tôi và chú Trâm bước ra vườn sau, theo bờ ruộng rau muống, leo lên con lộ đá đi về hướng Thủ-Đức. Tôi biết sau lưng tôi, Mẹ và chú Hải còn trông theo.

Hai đứa tôi nhanh chân nhập vào dòng người hướng về Thủ-Đức. Chợt sau lưng tôi có tiếng gọi,

“Thái Sơn ơi! Trâm ơi!”

Thì ra người gọi chúng tôi là Thiếu Úy Trần Văn Thủy. Ba thầy trò tôi không dám lớn tiếng hỏi han nhau về những gì đã trải qua. Chúng tôi đi như những người dân chạy loạn đang tìm đường về nhà, sau khi im tiếng súng. Chúng tôi vào Thủ-Đức. Nhà nhà, cửa đóng kín mít. Vài chiếc xe Cảnh-Sát cháy dở dang. Vài tiệm buôn bị đốt phá. Trong phố đã xảy ra cướp bóc, hôi của. Cổng Trung-Tâm Cải-Huấn Thủ-Đức mở toang. Sân nhà lao vắng tanh. Tội phạm mới ra khỏi khám đang lộng hành (?) Nhiều người tay mang băng đỡ chờ nhau

trên Honda, trên xe Ford Cảnh-Sát. Xe chạy nhanh như bay, qua lại nhiều lần trên đường phố.

Tới chợ Thủ-Đức, chúng tôi may mắn đón được chiếc xe Lamb chạy đường Thủ-Đức, Thị-Nghè, giá sáu trăm đồng một người. Chiếc xe Lamb bò ì ạch vì quá tải. Xe chúng tôi qua mặt từng đoàn người bán quần đùi, áo thun, chân đất, đang chen vai nhau, đi về hướng thủ đô. Tôi nhận ra, trong đoàn người áo thun, quần xà lỏn đang đi dưới đường, có Thiếu Tá Nguyễn Hữu Tài, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân. Có lẽ anh ta cởi bỏ quân phục nơi Đường-Sơn Quán (?)

Còn cách ngã ba xa lộ Đại-Hàn chừng hơn trăm mét, chúng tôi phải xuống xe đi bộ vòng qua một khu ao cá và ruộng nước bên trái quốc lộ, vì giữa đường có một chiếc tank T54 đang cháy. Có vài cán binh Cộng-Sản Bắc-Việt ôm AK chặn không cho bộ hành và xe cộ qua lại đoạn đường này. Lộ hết vạt ruộng thì thầy trò tôi tới xa lộ Đại-Hàn. Lúc này, trên xa lộ, tank T54 và xe chuyển quân của CSBV đang nối đuôi nhau hướng về Sài-Gòn. Sau khi cuốc bộ một đỗi, chúng tôi tới cây cầu đúc. Qua cầu, chúng tôi lặn trong biển người xuôi ngược.

Chúng tôi về tới Thị-Nghè thì mặt trời xé bóng. Giữa cầu Thị-Nghè là một chiếc M41 đứt xích vì B40. Chiếc chiến xa nằm bẹp, bụng xe đè sát mặt cầu. Trên pháo tháp, có vết máu đã khô, nhưng không thấy xác người chết. Bên cạnh đó, vương vãi vài bộ quân phục Việt-Nam Cộng-Hòa, dây đạn, nón sắt, ba lô...

Tôi không dám về nhà mẹ tôi, sợ trong lúc tình hình lộn xộn, chòm xóm biết mình là sĩ quan QLVNCH, sinh chuyện không hay. Để hai người đàn em chờ trên cầu, tôi đi kiểm nhà người quen, xin cho chúng tôi tá túc. Nhà anh bạn Nguyễn Gia Hân của tôi nằm ngay chân cầu. Bạn tôi là sĩ quan Cảnh-Sát, Trường Đoàn Phòng Vệ Toà Đại-Sứ Hoa-Kỳ. Nhà khóa cửa. Có lẽ gia đình bạn tôi đã di tản rồi. Tôi trở lại cùng Trâm và Thủy.

Qua cầu, chúng tôi tiếp tục đi. Bây giờ, trong phố, người qua lại nườm nượp. Bên lề đường, sát tường rào Sở Thú, những người đi hôi của đang bày bán đủ thứ, chăn màn, quần áo, chén bát, sách truyện, tranh ảnh, rượu bia...

Quên đời? Chỉ còn cách uống rượu. Năm trăm đồng một chai Hennessy. Ba thầy trò tôi kẹp nách mỗi người một chai. Tôi vấy tay chặn một chiếc xích lô máy để vào Chợ-Lớn, về nhà Trung Úy Trần Văn Phước; vừa có nơi lạ để nghỉ qua đêm; xóm giềng không biết mình là ai; vừa tìm xem chú Phước còn hay mất.

Chiều rồi, nhưng nhà chú Phước còn mở cửa. Trước nhà là cái bảng hiệu "*Chiêm-Tĩnh Gia Trần-Cẩm, Chuyên Bói Bài, Coi Chỉ Tay, Đoán Vận-*

Mệnh”. Bác Cẩm là thân sinh của chú Phước. Xe ngừng, tôi vừa bước xuống đất thì Phước từ trong nhà ào ra ôm chầm lấy tôi,

“Ôi! Anh Hai! Anh Hai! Mừng quá! Anh Hai ơi!”

Thì ra trong cuộc lui binh dưới mưa pháo ngày 29 tháng Tư, Phước bị tụt lại đằng sau, mất liên lạc với tiểu đoàn. Phước không biết chúng tôi rẽ vào Long-Bình. Phước đi thẳng một lèo, theo xa lộ về tới Sài-Gòn.

Đêm 30 tháng Tư bốn anh em tôi ngồi bên nhau, cạn ba chai rượu. Chú Thủy cho tôi biết rằng, ngay đợt tấn kích đầu của địch, chiếc xe thứ nhì đã bị thương và chết khá nhiều. Nhiều BÐQ bị thương đã được dân chúng di tản đi cứu cấp. Thiếu Úy Thủy đã cố gắng mở một mũi bọc hông phải để giải tỏa áp lực địch nhưng không thành công, vì địch quá đông. Đến lúc khẩu phòng không 12,7 ly của địch tham chiến thì Thủy cho anh em phân tán chạy vào nhà dân. Sau đó Thủy được dân chúng cứu mang, cho quần áo cải trang rút chạy. Chú Thủy nói, hình như chú Thiều bị thương ngay từ phút đầu, không rõ số mệnh ra sao. Sáng Mồng Một tháng Năm 1975, tôi cho Thủy và Trâm một số tiền để làm lộ phí về quê. Từ dạo ấy, anh em chúng tôi không còn dịp gặp lại nhau nữa.

Thời gian trôi...

Mười ba năm sau, cũng vào ngày Ba Mười tháng Tư, đầu làng, cuối xóm, rợp bóng cờ đỏ sao vàng. Nơi nơi, loa vang vang, bài ca *“Mùa Xuân Trên Thành Phố Hồ Chí Minh”*. Có một anh Bắc-Kỳ, tuổi lừng lờ, nửa già, nửa trẻ, đạp xe thồ, đèo theo một cái giỏ, đi rao bán cá khô trong khu ngoại ô Thủ-Đức. Tới căn nhà gỗ, mái dứa, anh bán cá khô vừa mở miệng hỏi thăm, một bà người Xứ Quảng đã mau mắn trả lời,

–“Đi rồi! Bán nhà, vượt biên. Năm, sáu năm rồi!”

–“Xin cảm ơn bà. Xin cảm ơn Trời!” anh Bắc-Kỳ mừng rỡ.

Bà chủ nhà nghếch mặt, giương mắt nhìn anh chăm chăm, mà chẳng hiểu ý anh.

Anh bán cá khô lên xe, đạp từ từ theo con lộ đất. Xe tới cổng nhà thờ. Góc chuông lặng câm. Sân nhà thờ vắng ngắt. Trên thánh giá, Chúa cúi đầu. Không biết Chúa có còn nhận ra anh không?

Qua văn phòng Ủy-Ban Nhân-Dân Xã, đến Quốc Lộ 1, anh quẹo phải, ngừng lại bên đường ngồi nghỉ. Nơi đây chỉ cách Đường-Sơn Quán vài cây số. Cũng ngày này, mười ba năm trước, các chiến sĩ của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã tả xung hữu đột trong trận đánh đẫm máu bi hùng cuối cùng. Những người nằm xuống đã sang thế giới bên kia trong quân phục rằn ri, với cái huy hiệu đầu beo, phía trên phù hiệu đó là một bệt tím có chữ số “82” màu vàng. Trưa nay, có lẽ dân chúng trong vùng còn nhớ tới họ, nên cắm vệt bên đường đôi bó nhang, hương khói.

Anh bán cá khô ngồi xẹp trên lè cỏ, rưng rưng,
–“*Các chú tha lỗi cho anh...*”

Hai bên quốc lộ là rừng bạch đàn. Những cây bạch đàn lớn lên từ lòng đất
từng thấm đẫm máu của những anh hùng Plei-Me. Hình như trong gió, thoảng
như ru, có tiếng ai, thiết tha, não nuột,

–“*Thày ơi! Chạy đi!... Thày ơi!...*”

Ngồi bên bìa rừng, đôi mắt Đường-Sơn Đại-Huỳnh đắm lệt...

VƯƠNG MỘNG LONG

*Bài in trên TS/BĐQ số 20

Nguồn: <https://lengoctuyhuong.wordpress.com/category/v%C6%B0%C6%A1ng-m%E1%BB%99ng-long-bdq/>